

15 THÁNG 6 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRI quyết định can thiệp tại Cam-bốt của ông Nixon và những xáo trộn trong xã-hội Hoa-Kỳ
* DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ vài nhận xét về lại truyện dị thường của Tây phương và Việt-nam * ĐOÀN NHẬT TẤN những kinh nghiệm cổ truyền và vấn đề giáo dục sinh-lý * LÊ QUANG NGHIÊM tục thiêu người tế thần linh và tục thờ Lỗ Lường của ngư phủ tỉnh Khánh Hòa * CUNG GIỮ NGUYÊN chữ húy * NGUYỄN VĂN TRUNG sinh viên và tôn giáo; sinh viên và cách mạng * TRẦN HUIỀN AN như pho tượng chống trời * VŨ HẠNH tô cháo lòng * LÊ VĂN TRUNG bên trời cổ xứ — dạ sấu ngâm * ĐINH-XUÂN - PHƯƠNG quên * HOÀNG NGỌC CHAU gửi người tình phụ — mai kia * VŨ HẠNH một hiện tượng lạ trong văn học: sáu tầng mây biếc * **SINH HOẠT** NGÊ BA LÍ 15 năm * ngành xuất bản báo nguy TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ * TỬ DIỆP thời sự khoa học *

323





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H K H O A

Số 323 ngày 15.6.1970

TỪ TRÌ quyết định can thiệp tại Cam-bốt của ông Nixon và những xáo trộn trong xã - hội Hoa-kỳ	5
DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ vài nhân xét về loại truyện dị thường của Tây phương và Việt nam.	15
ĐOÀN NHẬT TẤN những kinh nghiệm cổ truyền và vấn đề giáo dục sinh lý	23
LÊ QUANG NGHIÊM những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của nơi phủ lỵ đàng tỉnh Khánh Hoà : Tục thiêu người tế thần linh và tục thờ Lỗ Lường	29
CUNG GIỮ NGUYỄN chữ húy.	39
NGUYỄN VĂN TRUNG nghĩ về phong trào sinh viên : sinh viên và tôn giáo ; sinh viên và cách-mạng (Phòng văn của Bách - Khoa).	45
TRẦN HUIỄN AN như pho tượng chống trời (truyện)	59
VŨ HẠNH tô cháo lòng (truyện 2 kỳ)	67
LÊ VĂN TRUNC bên trời cổ xứ — dạ sầu ngâm (thơ)	68
ĐÌNH XUÂN PHƯƠNG quên (thơ)	69
HOÀNG NGỌC CHÂU gửi người tình phụ — mai kia	70
VŨ HẠNH một hiện tượng lạ : Sáu tầng mây biếc của Phan-Đào	77
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ — 15 năm — Ngành xuất bản báo nguy	81
TRÀNG THIÊN, thời sự văn nghệ	84
TỬ DIỆP thời sự khoa học	85

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 359 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LẠI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 40đ Công sở : 80 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Thân gửi bạn đọc.

Từ nhiều tháng nay, giá giấy tăng lên đã kéo theo nhiều phí khoản khác về ấn loát trên đà leo thang vật giá. Nếu không muốn tự đình bản, chúng tôi sẽ không còn cách nào khác là tăng giá báo, từ 40 đồng lên 50 đồng mỗi số.

Chúng tôi hi vọng toàn thể bạn đọc sẽ thông cảm với hoàn cảnh khó khăn mà các tập san văn học nghệ thuật đang phải đương đầu, và sẵn lòng ủng hộ chúng tôi. Chân thành cảm ơn chung quý bạn.

Ô. Lê-Ngộ-Châu (**Bách Khoa**)

O. Vũ-Khắc-Khoan (**Văn Đè**)

O. Nguyễn-Đình-Vượng (**Văn**)

Bắt đầu từ số tới, Bách Khoa 324 (17 1970)

Giá báo mỗi số sẽ là **50đ**

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG **550đ**

MỘT NĂM **1050đ**

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đồng một năm.

Ngoại quốc đường thủy thêm cước phí 80đ, một năm,

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ô. Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời Đại trương mục 54.262 Tổng Ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon Trương mục 27-46 Trung khu Saigon.

Quyết - định can-thiệp tại Cam-bốt của ông Nixon và những xáo trộn trong xã hội Hoa-kỳ

Ngày 30-4-1970 vừa qua khi quyết-định gửi quân sang tấn công các căn-cứ của Việt-đơn và Bắc-Việt ở Cam-bốt ông Nixon đã đat dân chúng Mỹ trước một sự đã rồi. Quyết định này hoàn toàn có tính cách cá-nhân nên không những một số lớn dân Mỹ mà đa số các dân-biểu các thư ng nghị-sĩ và ngay cả những cộng-sự-viên của chính ông Nixon trong Nội-các cũng phải phản đối.

Hậu quả đầu tiên của quyết-định ngày 30-4 là một cuộc khủng-hoảng chính-trị xã-hội chưa từng có trong lịch-sử Hoa kỳ đã bùng nổ khiến cho các cơ-ấu của Hoa-kỳ cũng phải lung lay. Các cuộc biểu-tình đẫm máu của sinh viên và học sinh đã như một làn sóng mạnh, tràn lan khắp trên lãnh thổ Hoa kỳ. Các Thượng nghị-sĩ thuộc đảng Dân-chủ và ngay cả các Thượng Nghị-sĩ thuộc đảng Cộng-hòa cũng đều có một thái-độ nghiêm khắc đối với Tổng-thống Nixon.

Trước những phản ứng mạnh mẽ của dân chúng, người ta tự hỏi tại sao ông Nixon lại có một hành động đưa xã-hội Mỹ tới một rạn nứt như vậy. Người ta cũng thắc mắc là tại sao một chính-trị-gia điềm đạm và

giàu kinh nghiệm như ông Nixon mà lại không tiên đoán được những sức chống đối do đường lối của ông có thể gây nên.

Thật ra, thì ông Nixon đã không hành động « nông nổi » như nhiều người lầm tưởng. Trước khi quyết-định ông đã có đầy đủ yếu-tố của vấn-đề Đông-Dương và đã để tới 10 ngày để suy nghĩ. Quyết định của ông do đó là hậu quả của thời-vận chính-trị tại Đông-Dương cũng như tại Hoa-kỳ. Cũng bởi vậy mặc dù đã có những phản-ứng mãnh liệt, ông Nixon vẫn còn nhiều hy vọng thành công.

Những lý do chính của quyết-định ngày 30-4-1970

Ngay sau khi đắc cử Tổng-thống, ông Nixon đã lớn tiếng tuyên bố rằng chính-sách của ông sẽ nhằm mục-tiêu chính là tái lập tinh-thần đoàn-kết trong nhân-dân Mỹ. Thật vậy, sau 3 năm tích cực tham chiến tại Việt-Nam, chính phủ Dân chủ đã để lại cho ông Nixon một di-sản hết sức nặng nề là tình trạng phân-hóa của dân chúng Mỹ. Xã-hội Mỹ đã bị chia làm hai phe: Một phe chủ trương chiến đấu đến thắng lợi và một phe đòi chiến dứt chiến tranh với bất cứ giá nào, miễn là người thanh niên Mỹ không còn bắt buộc phải đổ máu tại phương trời xa lạ.

Tái lập đoàn-kết trong tình trạng này có nghĩa là chấm dứt chiến tranh, nhưng chấm dứt chiến tranh như phe chủ hòa muốn tức là chấm dứt luôn tư thế đại-cường của Hoa-kỳ, rời bỏ quyền lãnh đạo của Hoa - kỳ trên thế giới. Vì vậy mà ông Nixon đã cố gắng có một đường lối dung-hòa giữa hai đòi hỏi: đoàn kết quốc gia và uy tín quốc gia.

Ông bắt đầu bằng cách đưa ra một kế hoạch rút quân hết sức mềm dẻo để thỏa mãn một phần nào phe chủ-hòa. Nhưng đồng thời ông đặt diễn-tiến và lịch-trình của việc rút quân lên hệ với mức độ xuống thang chiến tranh. Nếu phe cộng sản đáp ứng thiện chí của phe đồng minh bằng cách cùng xuống thang thì việc rút quân sẽ được hoàn tất mau hơn, nếu không thì sự rút quân sẽ bị ngưng trệ. Đây là chính-sách "có lấy có trả" (Quid pro quo) có nhiệm vụ vừa đặt phe Cộng-sản trước trách nhiệm của họ, vừa thăm dò thiện chí của họ. Thái độ dè dặt chờ của phe Cộng-sản đã không mang lại cho ông Nixon những kết quả mong muốn. Nhưng tại quốc nội việc rút quân đã khiến cho phong-trào chủ-hòa không còn đất đứng. Phong trào này, sau bao lần biểu tình rầm rộ trong năm 1969, đã như ngọn lửa tàn dẫu và có lẽ đã tắt hẳn nếu không có quyết định ngày 30-4-1970 của Tổng Thống Mỹ.

Vì vậy chính-sách rút quân của ông Nixon trong điều-kiện này chỉ còn có một mục-đích là trấn-an dư-luận quốc nội. Mỗi khi phe chủ hòa đòi hỏi quá thì ông lại rút một số quân nhỏ để họ vừa lòng. Phe Cộng - sản

hiều như vậy nên họ cố dùng dằng dời cho Mỹ rút hết quân rồi mới tỏ thái độ. Ông Nixon thấy rằng rút quân dù nhanh hay chậm thì cũng vẫn phải rút, vì đây là một hành động không lật ngược được. Vì vậy ông cố gắng đề tạo những điều-kiện khả-quan tới mức tối đa cho sự rút quân. Song song với công trình, Việt-hóa chiến tranh, trao trách nhiệm cho quân-đội Việt - Nam ông muốn tiêu-diệt các hạ tầng cơ-ở của Cộng-sản.

Do một sự ngẫu nhiên của lịch-sử thái-tử Sihanouk bị lật đổ ở Cam-bốt, Tân Chính-thể Cam-bốt xin viện trợ và cứu cứu. Phe đồng-minh gặp được một cơ-hội thuận lợi, vô cùng ân hũu, đề phá-núy những căn-cứ của Việt-cộng từ trước tới nay, được coi là bất khả xâm phạm vì ở trên đất Mên.

Tuy biết rằng phong trào chống đối sẽ bột phát mạnh mẽ nhưng ông Nixon bắt buộc phải hành động, vì nếu không hành động ngay một cơ hội tốt đẹp như vậy sẽ khó có thể trở lại. Hơn nữa nếu không ủng hộ chính-phủ Lon Nol, chính-phủ này sẽ bị Cộng-sản lật đổ và Cam-bốt sẽ trở thành một căn-cứ quân-sự Cộng-sản hùng hậu hơn nữa.

Ông Nixon biết rằng sẽ gặp sự khó khăn ở Quốc-hội nhưng nếu tham-khảo ý-kiến trước với Quốc-hội, thì bí mật quân-sự sẽ bị tiết-lộ, trong khi yếu-tố bất, ngờ lại là điều kiện thành-công chính-yếu của mọi chiến-dịch quân-sự.

Ngoài ra ông Nixon tin rằng "đa số thăm lặng" sẽ ủng-hộ ông và những thành-quả quân-sự ở Cam-bốt sẽ chứng minh trước quốc-dân là ông có lý. Nhưng trong khi chờ đợi quân-đội đồng-minh lược được các thành tích rục rờ mong muốn thì

ông Nixon phải đương đầu với một phong-trào chống đối mãnh liệt nhất trong lịch-sử Hoa-kỳ.

Các phong-trào chống đối quyết-định của ông Nixon

Ngay sau khi quyết-định can thiệp tại Cam-bốt được công bố, hầu hết các trường Đại-học và Trung-học trên toàn lãnh thổ Hoa-kỳ đã bị đóng cửa vì các học sinh và sinh viên đều biểu tình, bãi khóa. Tại Viện Đại-học Kent ở Tiểu-bang Ohio, 4 sinh viên đã bị cảnh sát bắn tử thương. Các sinh viên đã rầm rộ kéo về Thủ-đô Hoa-thịnh-Đốn để phản đối vụ can thiệp ở Miền. 75.000 sinh viên đã biểu tình trước Tòa Bạch Ốc đòi ông Nixon rút lại quyết định can thiệp.

Các sinh viên nói riêng, và các thanh niên Hoa-kỳ nói chung, từ nhiều năm nay đã chống lại sự tham chiến của Hoa-kỳ ở Việt-Nam. Trước hết, họ không muốn bị hy-sinh, phải đổ máu, khi mà lãnh thổ Hoa-kỳ không bị đe dọa trực tiếp. Họ không thấy rõ mối liên-hệ giữa cuộc chiến-tranh ở Việt-Nam và quyền-lợi trực-tiếp của Hoa-kỳ.

Hơn nữa các thanh-niên còn chịu nhiều ảnh-hưởng của các trào-lưu tư-tưởng mà họ coi là "hợp thời-trang" như tư-tưởng của Mao-trạch-Đông, của Herbert Marcuse v.v., nên họ nhìn xã-hội Hoa-kỳ bằng cặp mắt hoài nghi. Họ cho rằng Hoa-kỳ gây hấn để duy trì chủ-nghĩa tư-bản trên thế-giới.

Ngoài ra dân da đen đã phát động phong trào đòi bình đẳng chủng-tộc. Họ khai thác bất cứ một khó khăn nào của chính-quyền để sách động biểu tình. Các lãnh tụ da đen cường-tín còn

chủ trương những đường lối: quá khích như đá phá chế độ thống-trị của người da trắng, tiêu diệt chế-độ tư-bản v.v... Vì vậy sự tham-gia tích-cực của dân da đen vào phong-trào phản-chiến không có gì đáng ngạc nhiên.

Nhưng một hiện-tượng đáng được lưu-ý đã xảy ra tại Nữ-ước là hàng ngàn công nhân của các ngành bưu-điện và xây cất đã biểu tình chống lại phong trào phản-chiến, ủng hộ Tổng-thống Nixon và tấn công bất cứ thanh niên nào dè dặt. Như vậy ta thấy lao động đã không liên kết với giới sinh viên và tại Hoa-kỳ hố sâu giữa hai giới này càng ngày càng lớn rộng hơn.

Sau phong-trào sinh-viên học sinh, người ta có phong trào chống đối tại Quốc-hội. Ngay từ khi chính-phủ Lon-Nol kêu gọi Mỹ viện-trợ, các Thượng Nghị-sĩ đã phản đối việc cung cấp vũ-khí cho Cam-bốt. Nay Tổng-thống Nixon lại còn xa hơn nữa là mở rộng mặt trận sang Cam-bốt, tất nhiên các Nghị-sĩ đều hết sức công phẫn.

Vì ông Nixon viện dẫn điều 2, khoản 2, của Hiến-pháp Hoa-kỳ, trao cho Tổng-thống chức vụ Tổng-tư-lệnh quân đội và trong trường hợp này, ông cho rằng ông có quyền hành động để bảo đảm an ninh cho quân đội Mỹ, nên các Nghị-sĩ đang dự tính tu-chỉnh Hiến-pháp để giới-hạn thẩm-quyền quân-sự của Tổng-thống.

Ngoài ra ông Mc. Govern còn đưa ra dự-thảo luật bắt buộc Tổng-thống Nixon phải chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam. Tuy dự-luật này khó có hy-vọng được chấp thuận nhưng dù sao nó cũng làm thương tổn tới uy-tín của Tổng-thống Nixon.

Sau cùng người ta còn chứng kiến một phong trào chống đối ngay trong nội các của ông Nixon. Vì quyết định can thiệp ở Cam-bốt của ông Nixon là một quyết-định cá-nhân nên ngoài ông Kissinger, không một công sự viên nào của ông được biết trước về quyết-định này. Ông Rogers, Bộ trưởng Ngoại giao, trước đó vài hôm còn đoán quyết với các Thượng Nghị-sĩ Hoa-kỳ là không bao giờ can thiệp ở Cam-bốt. Và sau đó ông bị các Nghị-sĩ tố cáo là che dấu sự thật nên ông hết sức bất bình. Ông Hickel, Bộ-trưởng Nội-vụ đã gửi thư trách Tổng-thống Nixon là không chịu hiểu vấn đề thanh-niên. Ông Hickel còn được các ông Rogers và Laird ủng hộ.

Nói tóm lại dù có đầy đủ lý do chính đáng để can thiệp ở Cam-bốt ông Nixon cũng vẫn đang phải đối phó với một mặt trận chống đối mạnh mẽ tại quốc nội. Hiện thời ông chỉ có một lối thoát là chiến thắng và tiêu diệt được các lực lượng Cộng sản ở Cam-bốt. Có như vậy ông mới có thể thắng nổi những sức đối kháng mãnh liệt hiện thời.

oOo

Với quyết định ngày 30-4 vừa qua ông Nixon đã đánh một ván «si phé» vô cùng quan trọng. Ông đã «tổ» mạnh và cũng đã dốc hết vốn liếng để tổ. Nếu được, ông sẽ mang lại vinh quang cho Hoa-kỳ, lấy lại uy tín đã mất cho nước ông và cho chính ông. Nếu ông thua, xã-hội Hoa-kỳ sẽ bước vào con đường suy sụp, vì lúc đó ông sẽ bắt buộc phải rút quân khỏi Việt-Nam trong những điều-kiện hết sức nhục nhã. Nhưng người ta tin rằng, một người thận trọng và chín chắn như ông Nixon, sẽ không bao giờ «tổ» rao nếu ông không có «tây» tốt. Trong quá khứ, ông đã nhiều lần vượt qua khỏi nhiều khó khăn, nhiều thất bại để đi tới thắng lợi cuối cùng. Sau, khi thất bại trong cuộc bầu cử Tổng-thống năm 1959 và trong cuộc bầu cử Thống-đốc Tiểu-bang California năm 1962 người ta đã tưởng rằng đời sống chính trị của ông đến đây là hết. Vậy mà chỉ 6 năm sau, ông đã vượt được mọi trở ngại để đắc cử Tổng thống. Người ta hy vọng rằng trong lần này, ông sẽ lại thắng lợi để tái lập hòa-bình ở Việt-Nam và phục hồi uy tín cho Hoa-kỳ.

TU - TRỊ

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

đã cho phát hành tại khắp các hiệu sách :

— TRÊN NHÁNH SÔNG MƯA

Thi phẩm thứ tư của Trần-Thị Tuệ-Mai

— MƯA QUÊ HƯƠNG

Thi phẩm thứ năm của Thế-Viên

— THÂN THOẠI Ấn - Độ

Quyển 3a trong toàn bộ Tuyển Tập Văn Chương Nhi-Đồng của Doãn - Quốc - Sĩ

VIỆT LÝ TÔ NGUYÊN

của KIM-ĐÌNH

AN TIÊM XUẤT BẢN

Đây là công trình của một cuộc khảo cổ, khác thường không dừng lại ở khảo cổ, ở bác học, nhưng phóng tầm mắt ra bên ngoài, bên trên, bên dưới khảo cổ, lịch sử, bác học, để cố tìm ra những nét căn bản chạy ngầm xuyên qua lịch sử nước nhà, những tính chất có ngay từ đầu và sẽ còn lại mãi với dân tộc, nên gọi là Tổ theo nghĩa « bản lai cố hữu ».

Độc giả sẽ nhận ra lối khảo cổ như trên chiếu rất nhiều tia sáng kỳ lạ vào con đường chúng ta phải đi để đến đợt văn minh chân thực. Như thế sự quay về học lại nguồn gốc nước nhà dưới mọi khía cạnh văn minh, văn hóa, định chế, sử địa, văn chương.. không còn là một việc khảo cổ suông trong thư viện nữa nhưng chính là giúp vào việc kiến quốc, tìm ra và củng cố tinh thần dân tộc, đặt nền tảng vững chắc nhất cho nền quốc học mai ngày vậy.

*Sách đã phát hành khắp toàn quốc Mua
sỉ xin hỏi 166/1/10B Lý Thái Tổ Saigon*

hai tập thơ của hai thi sĩ lừng danh :

TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM

của Vũ Hoàng Chương

SA MẠC TRƯỜNG CA

của Bùi Giáng

*hai tập thơ trên đều do An-Tiêm xuất bản
và phát hành*

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

- EM BÉ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
- ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)
Võ Hồng
- NEO VÈ CỦA Ý (tái bản)
Nhất Hạnh
- HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SẢN CỦA
TU TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (*Lê-Tôn-Nghiêm*)
- PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân
- XÚ TRẦM HƯƠNG *Quách Tấn*
- LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ) *Kiên Giang*
- HAI ĐẢO THẦN TIÊN *Đặng-Trần-Huân*
- CÂM CA VIỆT NAM *Toan-Ánh*
- ✧ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**
- GIAO-DỤC CỘNG-ĐỒNG
Vương Pên Liêm
- PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

**Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

VỀ LOẠI TRUYỆN DỊ THƯỜNG CỦA TÂY-PHƯƠNG VÀ VIỆT-NAM

● DƯƠNG-ĐÌNH-KHUÊ

(Xin xem B. K. từ số 322)

Thưa quý (1) vị, bây giờ chúng tôi xin sang hình-thái thứ hai của loại truyện dị thường ngày nay được mệnh danh là *truyện khoa học giả-tưởng*. Tổ sư của loại truyện này là Jules Verne mà quý vị chắc hẳn đã đọc qua những tác phẩm. Có thể nói rằng Jules Verne có độc giả trên khắp thế giới, vì những truyện của ông được dịch ra mấy chục thứ tiếng. Nhưng chúng tôi phải nói ngay rằng, nếu Jules Verne đã mở đường cho loại truyện khoa-học giả-tưởng, thì những truyện khoa-học giả-tưởng ngày nay khác xa những tác phẩm của ông. Thật vậy, Jules Verne chỉ ngoại-suy, tiên-liệu những tiến-bộ khoa-học để dẫn dắt độc-giả làm những cuộc phiêu-lưu mà trình độ khoa-học thời ông chưa có phép. ví dụ đi tàu ngầm dưới đáy biển, bay qua lục địa Phi-châu, bắn súng lên mặt trăng, v.v. Nhưng nhân vật trong truyện vẫn là những nhân vật của thế-kỷ 19, với những cử chỉ, ngôn-ngữ, phong-tục của thế-kỷ 19.

Trái lại, truyện khoa-học giả-tưởng ngày nay đương nhiên đặt độc-giả vào khung cảnh một thế-giới tương-lai, địa-cầu hay một hành-tinh khác, trong

thế-kỷ 21 chẳng hạn. Và tác-giả họ ta biết, trong cái thế-giới tương-lai đó, nhân loại, hoặc người Hỏa-tinh hay Kim-tinh phản-ứng như thế nào trước những vấn đề như : tình ái, gia đình, tranh đấu để sinh tồn, tham lam danh-lợi v.v... Hoặc có khi truyện vẫn xảy ra trên địa-cầu và vào ngày giờ này chứ không phải trong một tương-lai xa-xăm nào, nhưng tác-giả giả-định rằng có một phát-minh, một biến-ố quan trọng mới xảy ra, làm đảo lộn hẳn những điều kiện sinh sống. Đề quý vị có một ý-niệm về loại truyện này, chúng tôi xin thuật tóm tắt lại hai truyện rút trong tạp-chí Galaxie số 56, tháng 7 năm 1958.

Truyện thứ nhất, do Robert Silverberg viết, đặt tên là *Le Chancelier de fer* (Thiết Thủ-tướng hay Thủ-tướng sắt). Như quý vị đã biết, danh hiệu này Lịch-sử đã gán cho Bismark, Thủ-tướng nước Phổ vào khoảng hậu bán thế-kỷ 19, và là người đã có công lớn nhất trong việc Phổ chiến-thắng Pháp năm 1870 để trở nên đế-quốc Đức. Sở dĩ người ta gọi ông là Thiết Thủ-tướng là vì ông trị quốc rất nghiêm,

(1) Bài nói chuyện của tác giả tại thính đường trường Quốc-gia Âm-nhạc do T.T. Văn-bút V.N. tổ chức sáng ngày 17-5-70.

theo lối độc-tài võ-đoán. Nhưng trong truyện này thì danh hiệu đó lại áp dụng cho một máy robot. Rồi quý vị sẽ hiểu tại sao.

Gia đình Carmichael gồm có 4 người hai vợ chồng, một con trai và một con gái đã trưởng thành, đều là những người bụng phê cả. Họ đã tìm đủ mọi phương-pháp để gây đi, nhưng không đạt được kết quả nào vì họ thích ăn ngon, và robot đầu bếp Jemina chỉ biết làm những món ăn theo sở thích của họ. Do đó một hôm Carmichael quyết-mua một robot đầu bếp tân tiến hơn, biết tính toán từng calorie trong mỗi món ăn. Cả gia đình Carmichael đều vui mừng ngẩn ngía robot mới, tên là Bismark, và tin tưởng rằng trong vòng ba tháng nó sẽ làm cho mọi người đều có eo khả ái. Nhưng ngay hôm sau họ bị ám ức, vì Bismark chỉ cho họ ăn những món ăn nhạt nhẽo, lại rất ít, khiến cho họ đói cuồng lên cả ngày. Bismark lại khóa kín tất cả các thực phẩm, không cho họ ăn vụng. Họ bèn đòi sửa đổi bảng thực đơn, nhưng Bismark trung thành với lệnh đã nhận được từ trước, nên chống cự lại mọi thay đổi. Vô khả nại hà, Carmichael định gọi điện-thoại đến hiệu bán máy robot để đem Bismark đi, nhưng Bismark cắt đứt giây điện-thoại và mở máy phát ra một điện-từ-trường bao vây nhà, không ai ra vào được nữa.

Truyện này hơi có vẻ vô lý, vì dù sao thì máy móc cũng là vật vô-tri, không thể nào chống lại ý muốn của người. Nhưng nghĩ cho cùng thì vấn-đề không hẳn là giản-dị như vậy. Những nhà khoa-học phát minh ra bom nguyên-tử, vẫn biết rằng khí nào muốn cho nó nổ thì nó mới nổ được, nhưng phỏng có

tiên-liệu được hậu-quả của những chất phóng-xạ của bom nổ không? Do đó đã có luồng dư-luận coi những nhà khoa-học là những tay tập nghề phù-thủy nguy hiểm, tháo khoán cho các năng-lực ẩn náu trong nguyên-tử thì được, nhưng chưa chắc làm chủ được chúng, một khi chúng đã được tháo khoán.

Truyện thứ hai, đặt tên là *Les démons sont lâchés* (Quý đã xô lồng), do William Morrison viết, phát triển thêm ý lo ngại đó. Trước khi vào truyện, xin có đôi lời giải-thích. Quý đây không phải là yêu-tinh theo nghĩa thông thường, mà là quỷ của Maxwell, một vật-lý-gia trứ-danh ở thế-kỷ 19. Theo những định-lý của Nhiệt-động-học, thì trong một hệ-thống cô-lập, những phần-tử phải tiến tới tình trạng vô trật-tự hoàn toàn. Ví dụ trong gian phòng này, những phần-tử không khí tản mác khắp nơi, nghĩa là vô trật-tự hoàn-toàn, chứ không thể tập-trung vào một nơi được theo một trật-tự nào đó. Đó chỉ là một định-luật thống-kê, có giá-trị xác-suất gần như tuyệt đối. Nhưng trên lý-thuyết, không có gì cấm một hệ-thống cô-lập đi tới một trật-tự. Và Maxwell giả-thuyết, rằng nếu gian phòng này chia làm đôi, ở giữa có một lỗ hở, rồi có tên quỷ đập những phần-tử không khí theo một hướng mà không cho đi hướng khác, thì kết-quả sẽ là tất cả không khí trong phòng dồn vào một bên, còn bên kia thì trống rỗng. Dựa vào giả-thuyết đó, tác-giả Morrison kể chuyện một anh chàng tìm được cách xử-dụng quỷ Maxwell, do đó hẳn có thể làm chạy máy mà không cần nhiên-lệu. Hẳn lọc vàng trong nước biển hết sức dễ dàng, giàu thiên ức vạn tài. Nhưng hẳn không hoàn toàn cao-ngự được bọn quỷ Maxwell, thỉnh

thoảng bợn này xò lỏng làm nổ tung phòng thí-nghiệm. Và tai hại hơn nữa, chúng thấm-nhập vào cơ-thể con người, có quý thì làm cho người trẻ ra, có quý thì làm cho người già đi. Cuối cùng hẳn lấy bà già 90 tuổi nhưng dần dần trẻ đến tuổi 20. và một hôm bạn hẳn đến thăm, thấy gia đình có ba người: một thiếu phụ trẻ măng là vợ hẳn, một trung-niên là con trai hẳn nhẽm loại quý làm cho chóng già, và một đứa bé đang bò chính là hẳn nhiệm quý Maxwell làm cho trẻ lại!

Việt-nam ta có sản xuất ra loại truyện khoa-học giả-tưởng này không? Chắc chắn là có, nhưng chúng tôi chỉ mới được đọc tập truyện *Ba người linh nháy dù lâm nạn* của nhà văn Nguyễn mạnh-ôn. Tập truyện này gồm có sáu truyện, trong số đó chúng tôi ưa thích nhất hai truyện *Chung rượu thần tiên* và *Ba người linh nháy dù lâm nạn*, xin tóm tắt đề quý vị nghe chơi.

Ông Cựu là một người nhà quê chất phác. Một hôm, vào lúc cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu, có ba người khách lạ tới thăm ông, hai đàn ông và một đàn bà. Theo phép xã-giao, ông rót rượu thết đãi họ. Nhưng ông bỗng ngạc nhiên nghe thấy tiếng nói trong khi họ vẫn ngồi im không hề động môi. Họ đặt lên bàn một cái hộp nhỏ mà ông tưởng là máy radio. Nhưng họ bảo không phải, đó là máy biến ý thành âm. Vì đôi bên ngôn-ngữ bất đồng, nên họ phải đón luồng sóng tâm-ý mà hiểu ông nói gì, và dùng máy này để biến ý của họ thành lời nói cho ông rõ. Ông lại hỏi họ từ đâu tới. Ông nhìn vào mắt người đàn bà và bỗng nhiên thấy mình bay bổng trong không-gian, rồi tới một nơi xa lạ, phong cảnh tuyệt kỳ. Họ bảo đã dùng phép giao-

liên tức khắc để đưa luồng tâm ý của ông vượt không-gian ngàn triệu quang niên đến thăm địa-cầu của họ. Ông Cựu hoảng hồn, tưởng họ là Tiên Phật, định quý xuống lạy, nhưng họ bảo họ cũng chỉ là người thôi, nhưng là người tiến-bộ trước nhân-loại của Địa-cầu tới hàng triệu năm. Rồi ông Cựu mời họ uống rượu. Nhưng họ có vẻ coi thường rượu của ông, mặc dầu ông đã lần lượt đưa ra nào rượu nếp, nào rượu tằm, và cả chai rượu nho của bố vợ ông, khi xưa tòng chinh bên Pháp, đã để lại cho ông. Ông tức lắm, thì người đàn bà lấy ra một cái lọ nhỏ phát ra ánh sáng vàng rực rỡ, rót vào chén ba giọt rượu trắng. Ba giọt nước dâng đầy lên miệng chén. Ông Cựu uống vào, thấy rượu đậm nồng mà mát mẻ, rượu còn quỵện môi mà đã chan hòa khắp cơ-thể, làm cho ông thấy mình trẻ lại. Rồi ba người khách thành ba luồng sáng thoát biến mất, « như đi rẽ sang một bình-diện khác của một kích-thước khác của đời sống ».

Thưa quý vị, đó là câu truyện *Chung rượu thần tiên*. Chúng tôi xin kể luôn sang truyện *Ba người linh nháy dù lâm nạn*, đề rồi sau đó sẽ có một nhận-định chung. Truyện này cũng xảy ra vào khoảng 1946-47. Nhân vật trong truyện là bác-sĩ Quân-y Mai, hạ-sĩ nhất Khang và nữ phụ tá Kiên-Trinh. Ba người thuộc tiểu-đoàn nháy dù thứ 10, và khi đang bay trên rừng núi Bắc-Việt thì phi-cơ bị trúng đạn, rơi xuống, cả toán lính trên phi-cơ đều bị tử thương, trừ ba người kể trên. Họ tìm đường về Hanoi. Sau ba ngày len lỏi trong rừng núi âm u Việt-Bắc, lúc họ gần kiệt sức thì bỗng nhiên tới một cánh đồng bát ngát. Họ chưa kịp bờ ngõ thì chớp

mắt thấy mình đứng giữa một cái sân rộng, ba bề là tường hoa, trước mặt là một tòa lâu-đài cổ. Rồi có hai ông lão, chân lơ lửng cách mặt đất chừng 10 phân, ra đón họ vào nhà, trông bên ngoài thì bình thường, mà vào trong đi mãi vẫn còn như vô tận. Ánh sáng chan hòa từ trần nhà đến góc nhà, nhưng tuyệt nhiên không có một ngọn đèn. Ánh sáng tụ trên một bức hoành nền hồ thủy, thành bốn chữ lớn « Thời-gian đình-chỉ ». Bác sĩ Mai chợt hiểu nơi đây là một tiên cảnh. Quả nh ên hai vị chủ nhà tự giới thiệu là Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu. Họ giải thích rằng sau khi tình cờ vào Thiên-thai, kết duyên với tiên-nữ, rồi lại trở về trần, rồi chán cảnh trần-thế lại tìm đường vào núi, mất 30 năm mới mở được cửa vào cõi tiên này, nhưng buồn thay lại không phải là cõi tiên thừa trước. Thì ra trên mặt đất không phải chỉ có một cõi tiên, một cõi tục, mà có vô số những cuộc đời lẫn lộn nhau, chồng chất lên nhau. Thế-giới ở đây là một thế-giới có tốc độ ánh sáng lập phương, nghĩa là 90 ngàn triệu lần tốc độ ánh sáng trần thế, nghĩa là thời gian cũng đi chậm 90 ngàn triệu lần, làm cho hoa hình như không tàn, nước không chảy và người già như trường-sinh bất-tử.

Rồi hai vị tiên dẫn bộ ba người trần tới một gian phòng. Chính giữa phòng, không treo trên giây, không đóng trên cột, một quả cầu quay chậm chậm. Phía dưới có giòng chữ kỳ dị. Đó chính là Địa-cầu, nhưng thu nhỏ lại theo tỷ-lệ 1/1 triệu, và dòng chữ tượng hình kia chính là công-thức thống-nhất càn-khôn mà Einstein đã cố tìm nhưng chưa khám phá được. Hai vị tiên lại cho biết họ có thể vào trái cầu, rồi tùy sự chỉ-

huy của dòng chữ này mà trở về dương-thế, đúng lúc ra đi, hay trong tương lai, hay trong quá khứ. Hạ-sĩ Khang vội chộp lấy cơ-hội đề xin trở về quá-khứ giải « một mối hận đè nặng trong lòng tất cả mọi người Việt-Nam từ hơn một thế-kỷ nay. Mối hận đó là cái chết của vua Quang-Trung, giữa khi Người sắp cất quân đi Bắc phạt ».

Ý-kiến của Khang được chấp thuận, và tất cả vào trong cái khung cửa nhỏ vừa hiện ra trên mặt trái giả cầu. Họ tới Phụng-Hoàng trung-đô đúng vào lúc vua Quang-Trung đang hấp hối. Khang hện hình, chữa cho vua khỏi bệnh với thuốc trụ-sinh mới phát minh, được phong hầu và chỉ-huy một cánh quân Bắc phạt. Nhờ những chiến-thuật của thế-kỷ 20 mà Khang đem áp-dụng vào cuối thế-kỷ 18, quân Việt-Nam cả thắng, nhưng địch áp-dụng chiến-thuật của kẻ yếu là tiêu-thổ kháng chiến. Kiên-Trinh ở cõi tiên lo lắng, một ngày kia tìm đến doanh-trại của Khang mà nàng thăm kính yếu, đề khuyên chàng trở về. Muộn quá rồi, Đãng-văn-hầu, tức Khang, đã được vua Quang-Trung gả cho công chúa Ngọc-Chân, em ruột hoàng hậu Ngọc-Hân. Kiên-Trinh đau khổ, mất trí. Nguyễn-Triệu tìm lại được nàng, và cho nàng trở về trần thế. Còn Khang thì đã thành công sau khi phải tàn sát biết bao sinh linh; nước Việt-Nam đã thôn tính toàn bộ Trung-quốc, nhưng ngược lại bị đồng hóa với 500 triệu dân Tàu. Khang chán nản, nghĩ đến mối tình của Kiên-Trinh mà chàng đã chối bỏ, rồi tự tử. Cuối cùng bác sĩ Mai, tâm tư còn nặng những nhân tình thế thái, cũng xin trở về Hà nội.

Thưa quý vị, chúng tôi xin lỗi đã phải mất quá nhiều thời giờ để thuật lại hai truyện trên mà chúng tôi coi là có thể tiêu biểu cho loại truyện khoa-học giả-tưởng của Việt-Nam hiện nay. Bây giờ chúng ta tạm có đủ tài liệu để nhận xét về loại truyện đó ở Tây phương và ở Việt-Nam

Nhận xét thứ nhất của chúng tôi là hai truyện Việt-Nam, mặc dầu đã nói rất nhiều đến những thuyết tối tân về tương-đối, về không thời-gian, v.v. vẫn không hẳn là truyện khoa-học giả-tưởng. Thật tế, thế-giới xa xăm của ba người khách ông Cựu, và thế-giới có tốc độ ánh sáng lập-phương mà ba người lính nhày dù tình cờ nhập vào, vẫn có vẻ như những thế-giới thần tiên tưởng tượng, chứ không phải là những thế-giới thực sự mà khoa-học một ngày kia sẽ có thể đưa nhân loại tới: hoặc Địa-cầu mà con người sẽ hoàn toàn ngự-trị bằng máy móc, hoặc các hành-tinh khác như Kim-tinh, Hỏa-tinh mà nhân loại sẽ chinh phục. Một mặt khác, nhân vật trong truyện đều suy nghĩ như người Việt-Nam hiện thời hay như nhà nho cổ thời. Vũ-ngọc-Phan trước đây đã phê bình "Quả dưa đỏ" của Nguyễn-trọng-Thuật không phải là một tiểu-thuyết phiêu-lưu, mà chỉ là một tiểu-thuyết triết-lý. Lời phê-bình đó phải chăng cũng có thể đem áp dụng cho những truyện khoa-học giả-tưởng của các nhà văn Việt-Nam?

Âu đó cũng là một khuynh-hướng căn-bản của tư-tưởng Đông-phương nói chung, và của Việt-Nam nói riêng. óc của người Tây-phương tiêm nhiễm luận-lý-học của Descartes: họ nghiệm xét thực-tế, và đem thực-nghiệm những giả-thuyết. Ngay trong khi tưởng tượng

ra những câu truyện không có thật, họ cũng căn cứ vào một sự kiện có thật, và rồi chỉ ngoại-suy số thôi. Cả những sự kiện tâm-lý, họ cũng nghiên-cứ tỉ mỉ, như những đối-tượng vật-lý. Đừng tưởng lầm rằng Tây-phương chỉ nghiên cứu ngoại cảnh và lơ là với nội tâm. Tâm-lý-học của họ tỉ mỉ, tế nhị vô cùng và những truyện khoa-học giả-tưởng của họ ngày nay đều là những bức tranh tâm-lý của một nhân-loại tương-lai, có khả năng chinh phục hoàn toàn Địa-cầu và chinh-phục lan sang các hành tinh khác.

Chúng tôi lại xin nhận xét thêm rằng những tiến-bộ kỳ-diệu của khoa-học ngày nay khiến cho trí tưởng-tượng của nhà văn không đuổi theo kịp nữa. Thời của Jules Verne tiên-liệu phi-cơ, tàu ngầm, v.v. đã hết rồi. Tưởng tượng nào cũng không sánh nổi với những kỳ-diệu hàm-chứa trong thuyết tương-đối của Einstein, thuyết lượng-tử của Planck, hình-học phi-Euclide, vật-lý-học phi-Newton, v.v. Và các tác-giả truyện khoa-học giả-tưởng, không nghĩ thêm được điều gì mới lạ mà khoa-học ngày xưa chưa nghĩ tới, đành phải quay về nghiên cứu tâm-lý và cơ-cấu xã-hội tương lai. Do đó, sau khi đọc vài chục truyện của họ, chúng tôi hứ thật rằng thấy rất nhàm, và có cảm tưởng rằng loại chuyện này đã đi đến ngõ bí:

Ngõ bí đối với tác phẩm Tây-phương, nhưng không phải đối với tác phẩm Việt-Nam. Trên kia chúng tôi đã nói rằng óc của người Việt-Nam hướng về đạo tâm hơn là về tri thức. Không phải là dân-tộc ta không có khả năng để nghiên cứu những hiện-tượng vật-lý hay tâm-lý — sinh viên du học ngoại quốc

đã chứng tỏ rằng người Việt Nam, nếu có hoàn cảnh học hỏi thuận tiện, cũng có thể trở nên những kỹ sư, bác học, triết-gia có tài. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng tư-tưởng của chúng ta, nhất là của các nhà văn, khuynh hướng về đạo-tâm nhiều hơn về tri-thức, thế thôi.

Tiện đây, chúng tôi xin mở một đầu ngoặc. Không kể các truyện mới của nhà văn Nguyễn-mạnh-Côn vì tác giả này đã được nghe nói đến những thuyết khoa-học tân tiến, ngay chuyện cũ Từ-Thức nhập thiên-thai đã tiên liệu thuyết tương-đối của Einstein vì trong truyện có nói rằng sau một năm ở tiên giới, khi Từ-Thức trở về trần thế, thì thời-gian ở đây đã trôi qua hàng thế-kỷ. Thật không khác gì thí-dụ mà Langevin, một nhà bác-học trứ danh đương thời, đã đưa ra để trình bày thuyết của Einstein: Nếu có một du khách chuyển động với tốc-độ gần kịp tốc-độ của ánh sáng, thì hẳn có thể đi du ngoạn một năm theo thời-gian của những người ở nhà, nhưng riêng hẳn thì chỉ mới sống có mấy giờ, cơ-thể hẳn chỉ già đi có mấy giờ, và đồng hồ hẳn đeo tay cũng chỉ xê dịch có mấy giờ thôi. Thưa quý-vị, chúng tôi mở đầu ngoặc này để chứng tỏ rằng óc người phương Đông không phải là không linh-hội được những ý-thuyết khoa-học cao siêu nhất, nhưng chỉ trực-giác thôi, chứ không chịu nghiên-cứu theo phương pháp khoa-học để đi tới một tri-thức khoa-học, vì còn mãi mê về khía cạnh đạo-lý của câu chuyện thần tiên hơn.

Bây giờ xin trở lại tư-tưởng đạo-lý trong hai truyện của nhà văn Nguyễn-mạnh-Côn. Chính người khách của

truyện *Chung rượu thần tiên* đã nói ra:

« Thôi, chào ông Cựu, chúng tôi đi đây. Sự hiểu biết, chúng tôi chắc thế, nếu có tới cùng được Tào-hóa, vẫn là sống làm sao cho hợp với lòng mình. Người ở chỗ nhỏ không nhìn xa, không tham vọng, không ác tâm, chưa chắc đã kém gì chúng tôi ở chỗ lớn mà đi tìm hơn mãi, mà đi tìm trong vô số để vượt quá vô cùng, để tìm tới Ý chí Nguyên Thủy. »

Nên nhớ rằng tác giả đặt câu chuyện vào thời kháng-chiến. Tác giả thấy loài người chém giết nhau thật là vô lý, nên mong ước một thế giới thanh bình, không tham vọng, không ác tâm. Dù văn-minh đến đạt quyền Tào-hóa cũng chẳng làm gì, không bằng tâm hồn được an ổn trong cảnh ngu dốt còn hơn.

Truyện *Ba người lính nhảy dù làm nạn* cũng công kích tham vọng chinh phục của loài người. Một dân tộc đi chinh phục một dân tộc khác, rồi kết cục bị chinh phục lại và mất giống. Hasi Khang là một người hùng, muốn dõng lộn giòng lịch-sử để rửa mối hận ngàn thu của tổ quốc, cuối cùng phải chán nản nhận thấy rằng việc làm của mình hoàn toàn vô nghĩa.

Thưa quý vị, sở dĩ trên kia chúng tôi đã nói rằng loại truyện khoa học giả-tưởng đang lâm vào ngõ bí ở Tây-phương còn ở Việt-Nam thì không, chính là nhờ khuynh hướng đạo lý đó. Những cuộc phiêu lưu của con người trên Hỏa tinh, Kim tinh hay trên một hành tinh xa xăm hơn nữa, những cuộc gặp gỡ, xung đột hay tình ái với nhân-loại các thế-giới đó kể mãi rồi cũng nhàm, cũng vẫn là những trò hỉ nộ ai lạc của chúng ta trên miếng đất này mà thôi, đặt vào một khung cảnh giả tạo, nên lại càng giả tạo

và vô vị. Những hỏa tiễn siêu quang, những khí giới hủy tan vật-chất, v.v. cũng chẳng khác gì những phép di sơn đảo hải, sai đẩu thành binh trong truyện Tây-du, xem mãi cũng nhàm. Thỉnh thoảng mới gặp được một truyện mang một ý nghĩa triết lý, như «Thiết Thủ tướng» và «Quý đã xô lòng», là thấy có hứng thú. Hứng thú đó, chúng tôi lại gặp thấy trong truyện đượm mùi đạo lý của một nhà văn Việt-Nam. Có thể đó là một cảm tưởng thiên-vị chăng? Nhưng quả thật chúng tôi thấy rằng Việt-Nam, với khuynh hướng đạo lý đem vào lãnh vực truyện khoa-học giả-trông, đã góp một phần vào việc xây dựng văn-học quốc-tế.

oOo

Thưa quý vị, chúng tôi xin lỗi đã lạm dụng tài giờ của quý vị quá nhiều. Những ý-kiến chúng tôi vừa đưa ra,

đúng hay sai, cái đó không quan trọng. Mục đích của chúng tôi là làm một cuộc thí-nghiệm, thử tìm hiểu những nét độc đáo của văn-hóa Việt Nam bằng cách so sánh với văn-hóa ngoại-quốc. Chúng tôi đã thí-nghiệm với một loại thứ yếu trong bộ môn tiểu-thuyết là loại truyện dị-thường. Ngoài ra, còn biết bao kho tàng mà chúng ta có thể khai thác được với phương-pháp so-sánh, như tiểu thuyết phong tục, tiểu thuyết lịch sử, tình quê hương, triết lý nhân sinh, truyện tiểu lâm, v.v. Nhất là truyện tiểu lâm. Chúng tôi tin tưởng rằng nếu một văn-hữu nào chịu khó so sánh nụ cười Việt-Nam với nụ cười ngoại quốc, thì sẽ phát huy được nhiều khía cạnh của tâm hồn Việt-Nam, còn hơn cả các bộ môn văn-học chính-yếu. Quý vị nghĩ sao?

Xin cảm ơn quý vị.

DƯƠNG-ĐÌNH-KHUÊ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Siêu Đẳng Thượng Hào Hạng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công thức của Hòa-Lan

Những kinh nghiệm cổ - truyền và vấn đề giáo - dục sinh - lý

Trong lịch-sử tiến-hóa muôn loài, tính-dục là một trong những bản-năng xưa nhất, bởi vì trước khi có con người, tính-dục đã có ở cỏ cây thú vật, dù là hình-thức đơn-giản hay cũng đã phức tạp như của giống người. Vì là bản-năng nên tính-dục không cần phải có ý-thức mới tác động được, do đó dễ có mù-quáng lệch-lạc sai lầm, và là bản-năng căn-đề của sự sinh-tồn nên nếu có lầm-lẫn, sa-đọa, bệnh-hoạn thì sẽ phương-hại đến giống dòng tận gốc rễ.

Bởi thế mà vấn-đề bảo-vệ sinh-dục, gìn-gữ, điều-hòa tính-dục ở con người phải có từ thời-đại cổ-sơ của nhân-loại.

Tìm về những kinh-nghiệm thái-cổ

Song hành với tính-dục con người ngày nay còn có một bản-năng khác, cao hơn : đó là cảm tình e-thẹn vì bao giờ e-thẹn cũng có ít nhiều ý-thức. E-thẹn là một phản ứng tự nhiên của cơ-thể nhằm bảo-vệ và điều-hòa tính-dục. Thật vậy, e-thẹn là một cảm-tính có liên-quan mật-thiết với tính-dục : trẻ con chỉ biết e-thẹn, vì thân-thể lỏa-lồ, khi nó tới tuổi nầy nở của tính-dục. Đàn bà e-thẹn nhiều hơn đàn ông vì đàn bà cần phải được bảo vệ hơn đàn ông về tính-dục, bởi lẽ nếu có lạm dụng thì chỉ có đàn bà là mang nặng đẻ đau ; trong trường-hợp bạo-dâm cưỡng-dâm, bao giờ bên đàn ông cũng chủ-động và thương-vong chỉ xảy ra cho đàn bà. Trên thân-thể đàn bà, đôi vú, lúc còn trinh nguyên có liên-hệ thần-kinh nhiều với cơ-quan sinh-dục nên cũng được che dấu rất kỹ vì nó có sức kích-động đàn ông

rất nhiều ; đến khi có con rồi, nhất là khi con đang bú thì đó chỉ còn là một bộ phận cung-cấp sữa không hơn không kém, nên người ta có thể ra trước nhà vạch vú cho con bú một cách tự nhiên, nghĩa là không còn cảm thấy nguy-hiểm gì nữa nên không e-thẹn.

Đến đây cánh cửa đã mở. Nếu chỉ bằng vào sự-trạng ngày nay mà nói theo quan điểm cứu-cánh-luật thì rõ ràng là tạo-hóa đã phú cho ta một phép màu trước khi ta nghĩ đến việc giáo-dục sinh-lý để bảo-vệ sự sinh-dục của chúng ta. Nhưng nếu muốn tìm đến những kinh nghiệm của cảm tình e-thẹn trong lịch-trình tiến-hóa về việc tự bảo-vệ cho mình trong tính-dục, nghĩa là tìm đến những kinh nghiệm ngàn xưa của cái mà ngày nay ta gọi là "giáo-dục sinh-lý" bởi vì giáo-dục sinh-lý không có mục-đích nào khác hơn là gìn-gữ, điều-hòa tính-dục ngõ hầu bảo-vệ sinh-lực cho giống dòng.

Từ ngày nào con người biết e-thẹn? Nếu e-thẹn là một bản-năng tự-vệ về tính-dục thì theo quá-trình tạo-lập các bản-năng (1), từ rất xa xưa con người đã phải bắt đầu có hành-động ấy một cách có ý-thức, họ đã che dấu các cơ-quan sinh-dục của mình hay bất cứ cái gì có thể gọi tính-dục cho người đối-phái. Ngày nay ở những xã-hội mà người ta cho rằng chỉ sự có mặt của người con gái cũng đủ khơi động tính-dục thì người con gái cũng đã e-thẹn khi xuất hiện trước mọi người, xưa kia họ đã từng trốn tránh không dám xuất-hiện như vậy một cách có ý-thức.

Những hành-động và thái-độ tránh né, che dấu ấy, có ý-thức lúc ban đầu đã tái-diễn thành tập-quán qua nhiều thế-hệ, đã mất dần ý-thức và cố-định thành bản-năng e-thẹn di-truyền đến ngày nay, con người ngày nay lớn lên không cần ai dạy bảo cũng biết e-thẹn.

Thú vật có tính-dục nhưng không cần phải che dấu, không có e-thẹn vì nó không có trí nghĩ (trí nhớ thực sự có ý-thức chứ không phải cái khả-năng phản-xạ trở về chuyện cũ một cách máy-móc), không có trí tưởng-tượng, nên thú-vật chỉ nhìn ngoại-giới một cách đơn-giản, không hơn không kém. Con người biết nhớ và tưởng-tượng, nên hình-ảnh trong lịch-sử trước đó và hậu-quả về sau được gọi ra trong tâm-trí khi họ nhìn ngoại-cảnh. Bởi thế mà hình-ảnh cơ-quan sinh-dục kích-thích con người mạnh hơn thú-vật nhiều. Hằng sau cái thể-chất với bản-năng cố-định đã có ở thú-vật, con người còn có phần tâm-linh mạnh mẽ, nhạy bén và linh-động khiến cho, so với thú-vật, cái thích-thú tính-dục ở người nhiều khi đi quá nhu-cầu, xu-hướng tính-dục ở chúng ta có vẻ quá thừa so với cá-công-dụng của nó là sinh-đục. Thú-vật chỉ giao-hợp theo mùa, và vừa đủ để thỏa-

đáng nhu-cầu sinh-sản, không có lệch-lạc quá đà dù được tự-do và không che dấu gì cả. Cho nên vấn-đề tự-vệ sinh-lý chỉ đặt ra cho con người.

Đó là những kinh-nghiệm có từ thời thái-cổ bởi vì quá-trình thành lập một bản-năng bao giờ cũng đòi hỏi một thời gian rất dài.

Những canh-cải về sau

Nhưng sau đó, cũng không biết đã tự bao giờ, lý-trí và tâm-linh ngày càng phát triển và phản-ứng khác xa, con người cảm thấy giải-pháp cũ không còn đủ hiệu-lực nữa: E-thẹn chỉ làm cho cái thèm muốn của người đối-phái tăng lên vì phải đeo đuôi, phải đợi chờ. Muốn cho người ta quên đi nhiều khi chỉ làm cho người ta thêm nhớ, muốn cho người ta đừng chú ý tới thì trái lại, chính vì đó mà nhắc-nhở rất nhiều. Lối ăn-mặc hở-hang ngày nay không phải là hở-hang tất cả mà là chỉ kín ở cái chỗ đáng che kín mà thôi, do đó mà nó kêu gọi.

Thế nên mặc dù giải-pháp che dấu được giáo-dục thuần-thực từ chỗ hữu-thức đã nhập vào vô-thức, tình thế đã biến-chuyển khiến nó tác-động ngược lại ý muốn con người phát-mình ra nó lúc ban đầu. Người ta lại phải dùng đến những phương-thức tích-cực hơn:

Thứ nhất là *khinh-miệt*: nếu quên đi mà không được, hình ảnh vẫn đến vì đã trót ám-ảnh chúng ta thì phải tỏ thái-độ khinh-miệt để đuổi xa nó ra cho khỏi tác-hại. Bởi thế mà người đời được dạy phải coi cơ-quan sinh-dục là một cái gì hết sức xấu-xa, tro-trên, cũng đừng tính-dục là tội

(1) "Chúng ta đi về đâu". Thời-Mới xuất-bản trang 28.

bại, là «trò con heo». Nhất là ở Á-Đông ta sự khinh-miệt ấy được đẩy rất xa và đưa vào phong-tục: những chuyện trai gái dù có lén-lút cũng bị coi là vô cùng bỉ-đi. Ngày xưa, chửa hoang bị phạt vạ nặng-nề. Đạc-bà bị coi như hiện thân của sự kích-dộng tính - dục nên đã bị vạ lây, bị khinh - miệt, bị cấm lui tới các nơi thờ phượng thiêng-liêng. Sách vở nghiêm - trang tuyệt nhiên ra đời không đề - cập đến tính - dục. Việc của các Đấng Chí - tôn không có lên quan gì đến cơ-quan và hành-động tính-dục: không phải vô cơ mà Hoàng-hậu Maya chỉ nằm mộng thấy con bạch-tượng mà có mang, rồi đến kỳ mà người phạm gọi là «sinh-zở» thì Thái-tử Si-Đạt-Ta từ trong hông mẹ bước ra! Bà Nhan-bị cũng chỉ nhờ nằm mộng thấy con kỳ-lân mà sinh ra Đức Khổng-tử, Chúa Ki-tô cũng đã giáng sinh từ Đức Mẹ Đồng Trinh! Bao nhiêu hình ảnh có thể kích-dộng con người đều phải được tẩy xóa, giáo-dục sinh-lý đã bắt đầu từ cái ý-thức nơi chúng ta. Từ bà mẹ mặc quần lần đầu tiên cho con mà bảo với nó rằng «ở trường là xấu hổ», cho đến nhà đạo-dứ: công - kích, miệt - thị, đòi bài trừ các ồ mãi dâm, sách báo khiêu-dâm, cấm ăn-mặc hở-hang, đều có những cố-gắng nhằm giáo-dục tính-dục cho con người. Ngày nay nếu người lớn có muốn lờ đi không nói đến chuyện đó với trẻ con thì cũng là một thái độ có chủ tâm chứ không phải là họ đã giả dối hèn hạ. Bởi đó mà phong tục, giáo-dục từ tuổi ấu thơ đã tạo cho con người lớn lên có cái mặc-cảm tội-lỗi khi nhắc đến tính-dục.

Giải-pháp thứ hai là đề-cao những «cái đó» lên hàng *đáng trọng đáng kính* đề rồi «kính nhi viễn chi». Văn-minh cổ

Ấn-độ thờ cái dương-vật (linga) là biểu-tượng của thần Civa.

Nhiều tôn-giáo nói đến tính-dục như một sự thiêng liêng huyền-nhiệm khiến cho có nghi đến đó cũng không còn ai bị xúc-động về xác thịt nữa. Cả tình-yêu là cái phần sinh - hoạt tâm-linh gắn liền với bản-năng tính-dục cũng được cố gắng thăng-hoa, chuyển-hóa cho nó không còn gọi lại thực-chất phái-tính của nó nữa. Trọng hay khinh cả hai đều là những thái-độ xa lánh (1). Đến ngày nay xu hướng này đã ăn sâu nơi chúng ta đến nỗi ít ai còn ý-thức vì sao như thế: Trừ trường hợp mất tự chủ, trong nói năng thường nhật, chúng ta, dù là người thô kệch đến đâu, vẫn tránh né, không muốn dùng đích danh khi nói đến những chuyện về tính dục: dương-vật, âm-hộ, giao-hợp, sinh-lý... đều là những lối nói gián-tiếp, cao sang trong sách vở thay thế cho những tiếng xá - thực hơn, thông-dụng hơn nhưng cũng vì đó mà kích-dộng hơn.

Lịch-sử lâu dài của quá-trình phát sinh ra những phản-ứng hạn-chế tính-dục như trên chứng tỏ rằng từ xa xưa, trước khi chúng ta đặc ra văn - đề giáo-dục sinh-lý, con người ở các xã hội Đông cũng như Tây đã được giáo dục quá kỹ rồi. Hiệu-quả của những cố gắng lâu dài ấy nhiều

(1) Có lẽ như trên mới cắt nghĩa được tại sao cũng cái đó mà ngày xưa có nơi trọng nơi khinh chẳng có xã-hội văn-minh nào chịu coi là bình thường tuy nó cũng chỉ là bình-thường như cái ăn cái ngủ. Nghi cho kỹ thì tôn kính phải là hợp lý hơn bởi vì không gì đáng tôn-kính bằng cái nguồn-gốc sinh ra con người, nhưng không hiểu tại sao giải-pháp đó lại đã không được phổ biến bằng lối khinh-miệt? Có lẽ lại đã xảy ra chuyện tai-hại là có lắm kẻ cường tín mãi suy-tôn chiêm-ngưỡng mà không rời chẳng?

khi đã vượt quá ý-thức và tưởng-tượng của chúng ta ngày nay :

Tình yêu nam nữ chính là một trong những hiệu-quả kỳ-diệu ấy. Thực vậy, nếu cứ hễ gặp nhau là giao-hoan cho thỏa thích như hồi còn là thú vật để nhu-cầu tan biến ngay, rồi sau đó mỗi người một ngã, thì không thể có một cảm-xúc, một tâm-trạng mới nào được nảy sinh ra nữa. Chỉ khi nào một sự gặp mặt được kéo dài, để trao đổi tâm-tình, con người mới hiểu biết nhau, mới có sự hòa-hợp tâm-linh và tình cảm mới phát sinh ra được. Chính sự tránh né, che đậy dù là có ý-thức hay do bản-năng, một mặt đã kéo dài thời gian chờ đợi, một mặt, vì áp ứ bên trong những ước muốn thêm-thường, nên gấn bó cho càng thêm khăng-khít, đó là điều-kiện tốt cho một tình-người mãnh-liệt phát sinh với ít nhiều hương-vị đặc-biệt mà ngày nay ta gọi là « Tình Yêu ». Thật vậy, tình yêu chỉ là một tình thương giữa người và người, nhưng mãnh-liệt hơn, ý-vị hơn vì được kết đọng đưa lên một nhu cầu cấp-thiết của thể-chất trong môi-trường tâm-linh, không có ở thú vật. Ở đây cũng như trong tình mẫu-tử, tình dân-tộc..., tình-người dành cho nhân-loại bao-la đã nhờ tựa vào một liên hệ sinh-lý, huyết-thống hay kinh-tế mà tập-trung lại nên hóa ra mạnh. Tình nam-nữ còn đậm-đà gấp bội vì người ta chỉ thực-sự yêu nhau khi vắng bóng mọi người để tất cả cảm-tình đều tập-trung vào một người. Những sinh-hoạt nội tâm như vậy đã tái-diễn qua muôn ngàn thế hệ, tích-lũy nhờ di-truyền, đã tạo nên trong người thanh-niên nam-nữ ngày nay những con tim rạo-rạt sẵn-sàng rung cảm. Nhưng nếu bây giờ họ chỉ xử sự nhau như thú-vật ngay từ lúc mới gặp

nhau thì cũng không làm sao khơi động lại cái cảm-năng bẩm-phú ấy nữa.

Thời gian chờ đợi còn là thời-gian cho con người suy nghĩ đắn-đo để chọn lựa sáng-suốt người hôn-phối trong một tâm trạng quân-bình, bởi vì e-thẹn, mặc-cảm tội lỗi,.. đã làm cái hăm hữu-hiệu cân-bằng được với áp-lực của nhục-dục, khiến con người còn được tự-do quyết-định để rồi sau này không ân-hận, sẵn-sàng nhận lãnh trách-nhiệm đối với đứa con có thể từ đó sinh ra. Sự chọn lựa cần cho người bởi vì chỉ có con người mới cần phối-hợp với một cá-tính, một tâm-tình; thú-vật chỉ biết có đực cái và chủng-loại, con người mới có đòi hỏi được yêu người này mà không thể yêu người kia.

Cứ chỉ tránh né, e-thẹn còn tạo thời-gian cho ái-tình lẫn tình-nhân được lý-tưởng hóa trong tâm-tư người yêu. Rồi chỉ có tình-nhân đã biến thành thần-tượng mới nuôi-dưỡng được những mối tình cao-thượng khiến cho nhiều cuộc tình-duyên được gấn bó keo sơn : Lúc chàng Kim trong truyện « xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi », người ta có thể chê nàng Kiều đã « lên lớp » quá nhiều, quá già nua, gần như đạo-đức giả, đối với một tri-kỹ đã đòi phen « trộm nhớ thăm yêu chốc mòng ». Nhưng chính thái-độ đoan-trang ấy đã làm cho « chàng càng thêm nề thêm vì mười phần » mà đeo đuổi đến 15 năm sau còn đủ can-đảm chấp-nhận một cuộc sống vợ chồng « không chẵn gối ».

Hình ảnh một người tình lý-tưởng-hóa còn nâng cao con người lên cho kịp với thần-tượng : Trong tình yêu nồng-nàn Kim-Trọng mới cảm thấy tự tin đến cao độ để tìm lại được vai trò quyết-định tối-thượng của con người : « Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều ».

Rồi cũng nhờ đó mà lúc tình duyên thành-tựu con người mới không hạ mình xuống hưởng-hộ đê hèn trong cảnh bôn-tập nguy-hiểm của một hùm đói sau khi r nh-rập con mồi quá lâu. Cái phong đ) hào-hùng của «cây Quỳnh nhành Gia» thực ra đã nhờ đức-hạnh khôn-khéo của nàng Kiều mà nhiều lần được cứu vãn.

Truyện Kiều chỉ là một tiểu thuyết, không phải là chuyện có thực, nhưng chuyện có thực là cái quan-niệm của cụ Nguyễn-Du về phép xử-sự khi tình-dục bùng lên giữa những người đang tiến tới hôn-nhân. Trên ngưỡng cửa hôn-nhân mà người ta còn phải tự-chủ tự-chế như vậy huống hồ là trong những gặp gỡ thường ngày. Ta không nên coi đây như một ràng buộc nào trong lễ-giao cũ xưa: trong truyện Kiều không hề có «tự thụ bắt thân». Hai lần trong đêm

vắng, Kiều đã một mình đến thăm Kim-Trọng tại phòng riêng, «Nữ đão nam phòng» là chuyện cấm-ky trong đạo-lý cũ, mà cụ Nguyễn Du đã chấp-nhận như vậy miễn là không có sự sa-đọa của c-n người. Truyện Kiều mà có giá trị bất hủ chính vì đã nói được cái lẽ tiên-hóa môn-thuở của chúng ta, văn-chương đích-thực làm tròn sứ-mạng của mình mà không cần phải tái-đạo. Đôi trai gái còn trinh-nguyên ấy, họ đã được giáo-dục sinh-lý làm sao mà dám va-chạm nhau như thế? Phải chăng trong quan-niệm của tác-giả, chắc đã có một nền giáo-dục xây dựng họ nên những con người vững mạnh để rồi họ tự giải-quyết lấy cho mình những tâm-trạng riêng tư?

Kỳ tới: Một giải pháp cho chúng ta

(Còn tiếp 1 kỳ)

ĐOÀN NHẬT TẤN

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

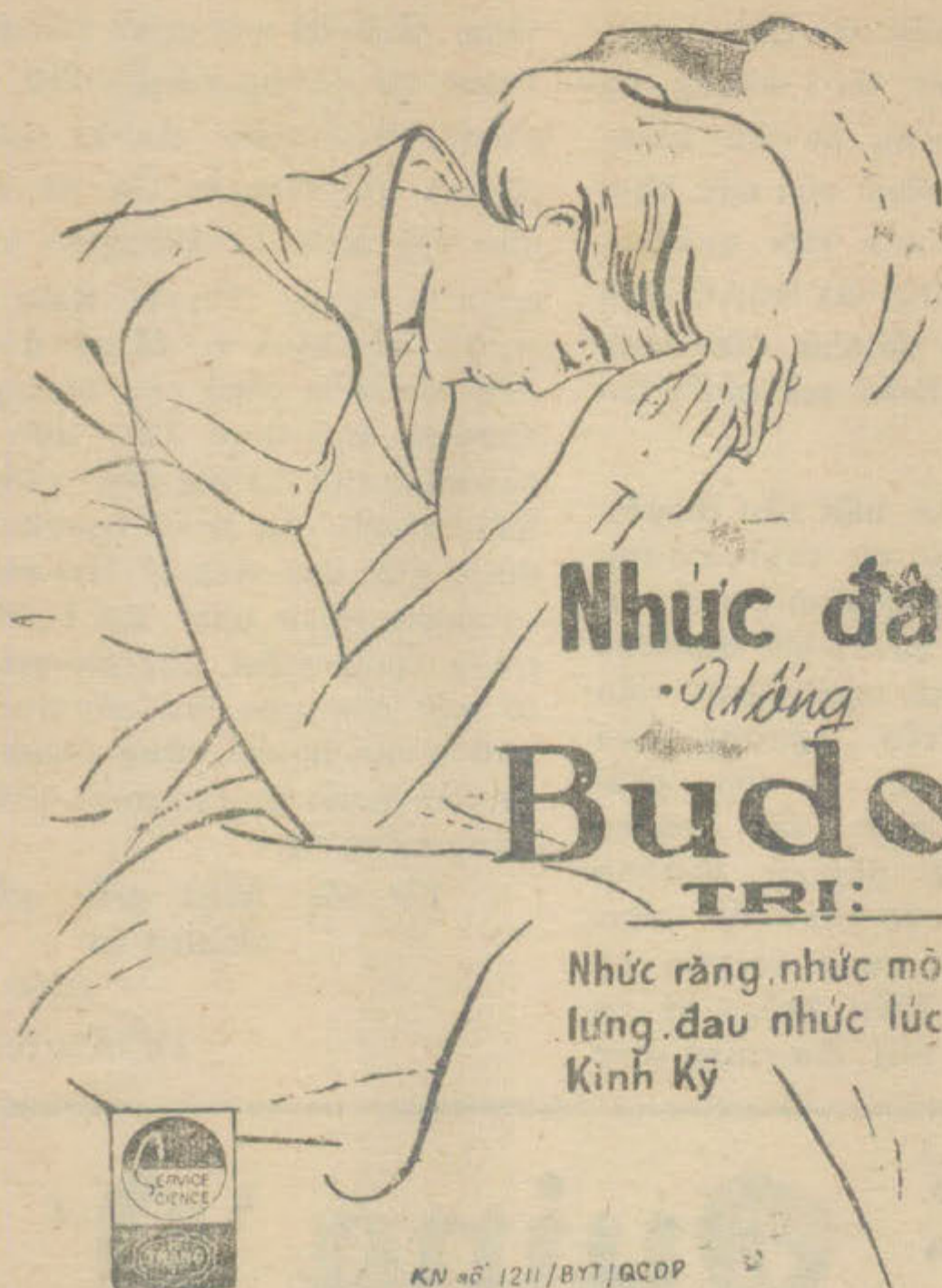
BỔ ÓC bồi dưỡng cơ thể





EN 2071. 6YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Nhức đầu

• Nhức

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN 46 1211 / BYT / QCDP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

từ tháng 5/70

trên bản nguyệt-san **BÁCH-KHOA**

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3300 đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-ly tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon Đ. T. 25.539

Những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ CỦA NGƯ PHỦ LƯỚI ĐĂNG TỈNH KHÁNH-HÒA

Cá thu, cá bò, cá chù, cá chắm, cá đũa gang v.v., là loại cá di-chuyển, kéo đi từng đàn trong duyên-hải Việt-Nam.

Cuối tháng 11 âm-lịch, cá từ Miền Nam bắt đầu xê-dịch ra Bắc, đi nhanh và thẳng đường.

Ngư-phủ gọi là CÁ LÊN.

Sau Tiết Tiểu Mãn, và sau ngày Sao Rùa nở trong tiết Mang-Chúng của hạ tuần tháng tư âm-lịch, cá từ miền Bắc trở về Nam, đi chậm, thường xoay tròn lòng chảo và nép vào chân gành đảo trong lộng

Ngư-phủ gọi là CÁ LẠI.

Các sở đầm tăng lớn thu hoạch năng xuất cao trong lúc CÁ LÊN, và các sở nhỏ hy-vọng vào lúc CÁ LẠI.

Lưới đăng là lưới đứng, đóng tại một địa-điểm nhất-định, từ gành kéo thẳng ra ngodi, chặn trước đường cá đi.

Xê-dịch dựa theo chân gành đảo, cá dừng lại khi đến gần giàn lưới thưa, xoay vòng rồi men theo bóng lưới đi vào rọ.

Trên 200 năm qua, hành nghề theo phương-pháp cổ-truyền với hy vọng nhờ sự hộ-trì của Thần-linh Bìn cả và những uy-lực huyền bí, gới lưới đã gĩnh Khánh-hòa có nhiều tục-lệ thờ cúng riêng biệt, kỳ lạ, mà hiện nay, hàng năm mỗi sở lưới đăng tốn một khoản chi-phí trên dưới 100.000đ để thực-hiện đầy đủ các lệ cúng kiến từ khi dọn nghề đến ngày mãn mùa.

TỤC THIÊU NGƯỜI TẾ THẦN-LINH

Sở Đầm Hòn Đỏ

Các Cự ngày xưa tìm ra sở Đầm Hòn Đỏ cá h đây đã trên 150 năm.

Lúc ban đầu, có một vài người, sau một mùa cá, đã bỏ sở đầm này không

dám trở lại khai thác nữa vì suốt 4 tháng thường trực ngày đêm tại hòn đảo quá linh thiêng, họ bị ma quỷ phá phách rất khủng khiếp.

Nhưng năng xuất lớn của sở đầm Hòn

Đồ đã lôi cuốn nhiều người khác. Họ gan dạ chịu đựng những thử thách, kiên nhẫn tìm hiểu, qua những cuộc cúng lễ, cầu đồng, đề thờ, mãn sự đòi hỏi của các uy lực huyền bí ngự trị đảo này. Ác nghiệt thay, Các Bác lại bắt buộc phải thiêu một mạng người làm lễ vật thì mới cho được yên ổn và làm ăn khá giả.

Vì tham lam và ích kỷ, họ chấp nhận làm một việc vô nhân đạo.

Hàng năm, người chủ sở đầm mua một trẻ nhỏ 5,7 tuổi, người Thượng để làm vật tế lễ.

Đến ngày mãn mùa cá, họ bày lễ cúng tại khu Giếng Máng, trên gành Mũi Chằm Vọng. Sau khi hoàn tất nghi-thức, họ bỏ đứa bé lên giàn hỏa rồi kéo ghe về. Qua ngày sau, xác đứa bé cháy thiêu là mồi ngon của bầy kên-kên và kỳ đà trên đảo.

Ngư-phủ các ngành khác, hành nghề quanh đảo, ít dám đến khu Giếng Máng. Tương truyền, những đêm tối âm-u, người ta nghe rõ tiếng nói cười, la hét, khóc than của trẻ nhỏ trên gành Mũi Chằm Vọng.

Cũng có người không chịu làm việc bất-nhân, thì bị mất mùa, lỗ lã nặng. Vì vậy tục thiêu người cúng thần-linh được duy-trì khá lâu, tăng thêm một số đông oan-hồn uổng-tử trên đảo Hòn Đỏ.

Cách đây có lẽ trên 70 năm, ngư-phủ lưới đăng lưm đầm Hòn Đỏ bãi bỏ việc thiêu người, nhưng lệ cũ vẫn còn thực-hiện với nghi-thức khác. Người ta làm 1 con heo quay để thế mạng đứa trẻ, cũng bày lễ cúng tại Giếng Máng vào lúc cuối mùa. Cúng xong, họ bỏ hết lễ-vật tại gành.

Các chủ đầm đang giữ lệ này trong vòng 50, 60 năm,

Những hiện-tượng ma quái và sự linh-thiên tại Hòn Đỏ đã giảm dần theo thời gian và 20 năm gần đây, ngư-phủ lưới đăng cúng tạ ơn xong thì xả heo ra ăn hết.

Trên đây là lời tường thuật của ông Nguyễn-văn-Thành, tục gọi ông Tô, sanh năm 1909 chánh-quán làng Mỹ-Giang (Ninh-Hòa) hiện cư ngụ ấp Cù-lao, xã Vĩnh-Phước, quận Vĩnh-Xương. Ông đã khai-thác sở đầm Hòn Đỏ trong nhiều năm và hiện là Đại-dận nhóm Lưới đăng làm sở Đầm Ô-Phi, Ô-Mai, Mai-Thọ

oOo

Theo ông Trần - Tăng, tức Nhị, (sanh năm 1908), hiện ở ấp Lưong-Sơn, xã Vĩnh-Lương, quận Vĩnh-Xương, thì ngày xưa, các chủ sở đầm Hòn Đỏ thiêu một trẻ nhỏ Thượng để cúng tạ Các Bác vào lúc mãn mùa. Lễ cúng cử-hành tại sở đầm. Đứa bé bị thiêu, đặt trên cái mâm gỗ, đề trước mũi thuyền. Khi lễ hoàn-tất, người ta thả xác đứa trẻ xuống biển, rồi kéo neo ra về.

oOo

Tuy ngày xưa có sự bất bình-đẳng giữa Việt và Thượng, song đem một trẻ nhỏ Thượng thiêu sống cũng phạm tội giết người. Các chủ sở đầm có nhiều cách dẫu nhem và việc làm bất-nhân của họ luôn luôn được giữ bí-mật.

Phương chi, việc xảy ra cách đây đã quá lâu và chỉ được lưu lại bằng lời truyền-khẩu qua nhiều thế-hệ, nên câu chuyện mất nguồn gốc, thiếu nhiều chi tiết về thời-gian, hoặc có điểm dị-đồng.

Đề bổ-túc lời tường-thuật của ông. Ông Nguyễn-văn-Thành, Trần-Tăng, chúng tôi đã đến vùng Hòn-Khói, Cồn-

Cạn và may mắn được gặp Cụ Mười Tất, sinh và trú-quán tại ấp Bá-Hà, xã Ninh-Diêm, quận Ninh-hòa, vào thượng-tuần tháng 5/ 968 dl.

Cụ Mười Tất, 82 tuổi, là kỳ-lão cao-niên nhất tại Bá-Hà, đã kể với chúng tôi như sau :

— « Từ khi có người làm lưới đặng tại Hòn Đỏ, cá h đây có lẽ hơn 200 năm, thì tại đảo linh-thiên này mới có tục chầu người đề cúng Thần-linh. Trong thời gian trên 1 thế-kỷ, các ông chủ sở đầm Hòn Đỏ đã giết oan nhiều trẻ con vô tội.

Có người không rõ làm việc thất-đức này, như ông Xã Cảnh, người đồng thời với ông tôi, thì bị thất bại 3 năm liên-tiếp. Năm sau, ông nhắm mắt làm liều, thì lạ thay, ngày nào cũng chớ khâm ghe. Năng-xuất của mùa cá năm đó tăng cao một cách dị thường, không ai có thể tưởng tượng được.

Việc thiêu người cúng Thần-linh chấm dứt cách nay khoảng trên 80 năm. Có lẽ vị thần này đã hết linh thiên nên các chủ nghề lưới đặng, sau thời kỳ ông Xã Cảnh, nhận thấy không cần thiết phải làm việc vô-nhân-đạo để mang tội với Trời Phật. Tuy nhiên không ai dám bỏ hẳn tục thờ cúng nói trên. Họ vẫn duy trì lệ cũ, lấy heo quây làm lễ-vật thay thế mạng người.

Tục thờ cúng tại Hòn Đỏ, hoặc tại các đảo khác, không được ghi lại trong sách vở. Tại Lăng Ông của ấp Bá-Hà, ngày xưa có một quyển «Mục-lục» mà tôi thấy chỉ ghi chép những việc thờ cúng tại Lăng mà thôi. Quyển «Mục-Lục» này đã bị thất-lạc hoặc bị tiêu-hủy trong thời kỳ chiến-tranh 1945-1954.

Vi vậy, tôi chỉ được biết về tục thiêu người cúng Thần-linh tại sở lưới đặng

Hòn Đỏ theo lời của ông, cha nói lại như sau :

« Hàng năm, vào giữa mùa cá, khoảng trung-tuần tháng 3 âm-lịch, người chủ sở đầm Hòn Đỏ thiêu một đứa con trai Thượng, lối năm bảy tuổi, do họ mua về, lên lút nuôi một vài tháng, để cúng ông Nguyễn-Văn-Thới, một hung thần tại Hòn Đỏ mà không ai biết rõ xuất xứ.

Địa-điểm hành lễ là khu Giếng Máng trên gành Mũi Chằm Vọng, cách sở đầm trên 500 thước.

Ngoài lễ-vật chính là đứa trẻ bị thiêu, còn có thịt heo, thịt gà, chè xôi, hoa quả v.v...

Mỗi lần cúng, người chủ sở đầm rước các Bà bóng, bày lễ múa bông, cho thêm phần trọng-thể.

Họ đốt một đồng lửa to làm giàn hỏa. Sau khi cho đứa bé ăn uống no nê, họ dùng cái kẹp bằng cây tre dài còn tươi, kẹp nó để lên giàn hỏa nướng cháy như quây rồi, đặt lên mâm đề cúng. Khi lễ tất, họ thả xác đứa bé xuống biển.

Có người lại làm chiếc bè bằng cây chuối, trên bong hình chiếc thuyền bằng cốt tre dán giấy, đặt xác đứa trẻ lên và thả trôi ra biển.

Từ khi lấy heo quây làm lễ vật thay mạng người, họ vẫn giữ lệ cũ là cúng xong, thì trực nguyên con heo quây xuống biển.

Năm 18 tuổi, đi bán lưới đặng cho sở đầm Hòn Đỏ, tôi đã dự lễ cúng tạ ông Nguyễn-văn-Thới vào lúc giữa mùa cá. Tôi và một đồng nghiệp đã khiêng con heo quây thả xuống biển, tại Mũi Chằm Vọng.

Lúc bấy giờ ông Chèo Dọc có nói, việc thiêu người bị bãi bỏ đã được mười năm.

Hai mươi năm sau, có mấy lần giữ vai Chèo Dọc cho sở đầm Hòn Đò, chính tôi thay mặt chủ đầm, làm Đại-bái trong lễ cúng ông Nguyễn-văn-Thới. Lúc đó vẫn còn giữ lệ thả con heo quay xuống biển sau lễ cúng. Trong khoảng 20, 25 năm sau này, sở đầm cho ngư phủ ăn hết, chớ không bỏ phí như ngày xưa.

oOo

Hiện nay, chúng ta không thể nào biết đích xác Tục thiêu người cúng Thần-linh tại sở lưới đăng Hòn Đò đã có cách đây bao nhiêu năm, được duy-trì đến năm nào, việc thiêu người chấm dứt vào lúc nào, để được thay thế bằng heo quay, ông Nguyễn-văn-Thới là ai, tại sao có việc cúng tế vô-nhân-tạo như vậy?

Có nhiều lý-do phức-tạp và tế-nhị.

Xưa nay trong giới bình - dân Việt-Nam có nhiều việc được lưu lại đời sau bằng lời truyền khẩu mà thôi. Qua vài thế-hệ, câu chuyện mất dần nguồn gốc, thiếu chi-tiết quan-trọng và thường bị thêu dệt vẽ-vời do óc tưởng-của mọi người.

Cùng một quan-niệm tôn-thờ Thần-linh Biển cả, ngư-phủ Việt-Nam luôn luôn tôn-trọng tín-ngưỡng của người khác như của mình, không tò mò tìm hiểu, nhất là việc mà họ muốn dấu kín.

Hàng năm, sở lưới đăng Hòn Đò thiêu một mạng người để cúng tạ, vào lúc giữa mùa cá, nhưng không nhất-định vào ngày nào. Họ lén-lút làm việc bất-nhân này, lấy quyền-thế và tiền bạc bịt miệng những người đã chịu g-

kiến, để không bao giờ tiết-lộ ngay lúc đó, cố giữ bí-mật càng lâu càng tốt. Hầu hết những ông chủ lưới đăng thời xưa là người có quyền-thế, hoặc đang giữ chức-vụ cao trong làng, tổng, thét ra lửa, thường-dân rất nể sợ. Họ lại được các thân-hữu và nhiều người đã thọ ơn về tiền bạc, quyền-lợi.. che đậy hoặc cải - chính hộ, cho nên việc thiêu người thường được giữ kín trong vài năm mới tiết lộ ra.

Chỉ có những ngư-phủ tiền-bối và những người đồng-thời với ông Xã Cảnh, đã làm chủ sở đầm Hòn Đò, mới biết rõ sự việc, nhưng họ đã cố tình dấu kín việc làm vô-nhân-đạo, nên người ngoài cuộc không thể nào biết được một cách chính-xác nguồn-gốc và các chi-tiết liên-hệ của tiếp-tục này.

Tại các Lăng, Dinh thờ ông Nam-Hải ở các làng đánh cá ven biển, ngày xưa có một hai quyển « Mục-lục » ghi các việc liên-hệ về tục-lệ cúng kiến của ngư dân địa-phương, có tính cách tập-thê chép bằng chữ nho, để lưu lại đời sau. Hiện nay chỉ có vài nơi còn giữ được quyển « Mục-lục » nói trên và phần nhiều thì đã bị thất-lạc, tiêu-hủy trong thời kỳ chiến-tranh 1945-1954. Trong những quyển « Mục-lục » này không có ghi những tục-lệ thờ cúng của ngành lưới đăng, bởi đây là một việc riêng biệt của giới ngư-phủ này, họ lại thường tổ chức cúng lễ tại sở lưới ngoài đảo. Và lại các sở đầm đăng thường hay thay đổi chủ, và tục cúng tế riêng biệt của sở đầm Hòn Đò như tục thiêu người là một hành-động phạm pháp, tất nhiên không bao giờ được ghi chép để lưu truyền.

Vì các lẽ trên, những vị lão thành trong giới lưới đăng hiện nay kể lại sự

việc xảy ra cách hai thế-hệ, tất nhiên không tránh khỏi thiếu sót và sự dị-đồng về ngh-thức, thời-gian v.v... bởi hầu hết các vị chỉ được biết qua lời truyền-khẩu mà thôi.

Phổ-kiểm lại, chúng tôi nhận thấy lời tường-thuật của Cụ Mười Tất có nhiều chi-tiết và chính-xác hơn của các ông Trần-Tăng, và Nguyễn-văn-Thành.

Cụ xác nhận đã đích thân khiêng con heo quay thả xuống biển sau lễ cúng tạ Ông Nguyễn-văn-Thới, khi Cụ mới đi bện lưới đặng cho sở đầm Hòn Đỏ năm 18 uổi và khoảng 20 năm sau, chính Cụ làm Đại-bái cho lễ cúng này.

Ông Nội Cụ là bạn ông Xã Cảnh, người đã thực-hiện lễ cúng thiêu người, tất nhiên đã biết được ít nhiều chi-tiết về nghi-hức cúng kiến, như mỗi lần đều có rước các Bà bóng, đũa bé bị kẹp bằng một cây tre to đề lên lửa thiêu v.v.

Cụ Mười Tất năm nay (1968) 82 tuổi, là người con thứ 10, nếu tính song-thân Cụ cưới nhau năm 20 tuổi, sanh 1 ăm một, 10 năm sau mới sanh Cụ, thì thân-sinh Cụ ít ra cũng 112 hoặc 115 tuổi, và uổi của ông nội Cụ có thể là 140 hoặc 145 tuổi tính đến ngày nay.

Ông Xã Cảnh là người đồng-thời với ông nội Cụ Mười Tất.

Ngày xưa, hầu hết chức sắc cao-cấp của làng, tổng đều là người cao-niên.

Trên phương-diện chuyên-môn, người lớn tuổi có đủ khả-năng và kinh-nghiệm mới có thể giữ vai trò điều-khiển cả một sở lưới hoặc đích thân làm Chèo Dọc lưới Đặng.

Khi làm chủ sở đầm Hòn Đỏ, ít ra ông Xã Cảnh cũng đã 50, 60 tuổi. Như vậy, có thể các nay lối 90 năm, người

ta còn thiêu người đề cúng tạ ông Nguyễn-văn-Thới tại sở đầm Hòn Đỏ.

Căn-cứ vào lời Cụ Huỳnh-Miêng ở ấp Khai-Lương về việc sở đầm Tiêu-Cảng Suối-Châu (Bãi Giếng) được tìm ra cách nay trên 230 năm, với các yếu-tố và nhận xét kể trên, chúng ta có thể kết-luận :

— Cách nay lối 200 năm tại Đảo Hòn Đỏ có tục thiêu người đề cúng tạ Thần-Linh, từ khi ngư-phủ khai thác Lưới Đặng tại đảo này.

— Thần-linh là Ông Nguyễn-văn-Thới mà ngư-phủ các thế-hệ sau không biết rõ xuất xứ.

— Lễ cúng được tổ-chức hằng năm vào lúc giữa mùa cá, khoảng trung tuần tháng 3 âm-lịch, tại Giếng Máng trên gành Mũi Chằm Vọng, cách sở đầm trên 500 thước.

— Lễ vật chính là một trẻ nhỏ Thượng 5, hoặc 7 tuổi, bị thiêu, cúng dâng Thần Linh rồi thả xác xuống biển.

— Vào thời ông Xã Cảnh (người ấp Bá-Hà) làm sở đầm Hòn Đỏ, cách nay lối 90 năm, người ta còn thiêu người đề cúng ông Nguyễn-văn-Thới, và hành-động vô-nhân-đạo này được duy-trì thêm một thời-gian nữa, rồi chấm dứt cách nay lối 80 năm.

— Sau đó, ngư-phủ lưới đặng vẫn còn giữ Tục thờ cúng ông Nguyễn-văn-Thới, lễ vật là một con heo quay, cúng xong thả xuống biển, suốt thời-gian 50, 60 năm, và cách nay lối 20 năm, ngư-phủ mới dám ăn con heo quay (hoặc heo trắng) sau lễ cúng này.

oOo

Lễ cúng heo quay hoặc heo trắng vào

giữa mùa cá vẫn còn được duy-trì tại sở đầm Hòn Đỏ, nhưng trong thời gian gần đây, ngư-phủ lưới đặng không còn biết đây là Lễ cúng tạ ông Nguyễn-văn-Thới. Họ cho là lễ cúng Các Bác và tổ-chức tại Miếu thờ Hộ-Đồ ở Bãi Trường, thay vì tại Gềng Máng trên gành Mũi Châm Vọng.

Sở lưới đặng Hòn Một.

Ngày xưa, sở lưới đặng Hòn Một cũng có tục thiêu người cúng Các Bác như tại sở Đầm Hòn Đỏ

Hòn Một là một đảo nhỏ ở hướng Nam Tây-Nam Đảo Hòn Tre, gần sở Đầm Thạch-Dự Bút-Chữ, thuộc địa-phận quận Vinh-Xương. Tại đây có một sở đầm đặng do các ngư-phủ ở thôn Phường-Mới (Bình-định) tìm ra sau khi họ đi định cư tại làng Bích-Đầm, cách nay lối 200 năm. Khi mới khai-thác lưới đặng tại Hòn Một, ngư-phủ bị ma quỷ phá phách dữ-lội, đòi thiêu một mạng người để cúng lễ.

Nhập gia tùy tục...

Mới đến khánh-hòa, một vùng duyên hải có nhiều đảo linh thiêng huyền-bí, sẵn có tín-ngưỡng tôn thờ quý thần và ngành lưới đặng lúc bấy giờ đang phát triển mạnh, họ không ngần-ngại làm một việc bất-nhân vì sợ sệt và cũng vì quyền lợi quấy-rũ.

Trong mùa cá, người chủ sở đầm Hòn Một thiêu một trẻ nhỏ Thượng cúng Các Bác rồi thả xác xuống biển. Tuy-nhiên việc thiêu người để cúng tế không được thực-hiện liên-tục hàng năm. Đây là một sở đầm nhỏ, năng-xuất bắt thường, phần nhiều chủ sở đầm đã bị lỗ lã, Sở đầm thường bị bỏ hoang trong nhiều năm, rồi có người làm lại để thí-nghiệm, nhưng năng-xuất vẫn thấp kém

không bằng sở nhỏ gần bên là Thạch-Dự, nên người ta rút lui dần và sau cùng không còn ai khai thác lưới đặng tại Hòn Một nữa.

Những vị hào lão hiện cư ngụ tại ấp Bích-Đầm đều xác nhận sự việc kể trên, nhưng không ai biết rõ chi-tiết về tục thiêu người cúng Các Bác tại sở lưới đặng Hòn Một vì sở đầm này bị bỏ hẳn đã quá lâu, có lẽ gần 100 năm, và họ chỉ nghe các Cụ ngày trước kể lại câu chuyện một cách đại-khái mà thôi.

oOo

Sở lưới đặng Hòn Nhàn

... Về hướng Đông ngoài khơi vùng Bãi Dài, có một đảo nhỏ lẻ-loi. Một bầy chim nhàn hàng ngàn con xây tổ trong khe đá, sống tại đây từ nhiều đời. Nhàn là loại chim biển, lông cánh và lưng màu đen, lông ức trắng, mỏ nhọn, cánh dài, chân thấp có móng nhọn, sống bằng các loại cá nhỏ nổi trên mặt nước (Có một loại chim Nhàn lông toàn trắng.)

Người ta lấy chim Nhàn đặt tên cho đảo : Hòn Nhàn

Sở lưới đặng đặt tại hướng Tây Nam đảo, có năng-xuất cao hơn các sở Hòn Đen và Mao-Du.

Hòn Nhàn ngày xưa rất linh-thiên, có thể liệt vào hàng thứ nhì, sau đảo Hòn-Đỏ.

Theo lời các ngư-phủ lão-thành hiện cư ngụ tại đảo Bình-Ba (Cam Ranh) và ấp Bích-Đầm (quận Vinh-xương, Khánh hòa), các sở đầm Hòn-Nhàn, Hòn-Đen, Mao - Du được khai-thác sau, cách nay có lẽ trên

150 năm. Đảo Hòn Nhàn ngày xưa có nhiều « Ma Tăn » (Chàm). Ngư-dân và đồng-bào cư-ngụ trong địa-phận quận Cam-Lâm ngày xưa chịu ảnh hưởng nhiều theo phong-tục thờ cúng của người Chiêm-Thành vì lúc bấy giờ người Chàm và người Hạ ở rất đông trong miền Nam quận Diên-Khánh trong quận Cam-Lâm

Ngoài những hiện-tượng ma-quái dị-thường tại Hòn Nhàn còn có một cặp rắn thật lớn sống trong hang dưới lòng đảo không biết đã mấy trăm năm. Lâu lâu, rắn xuất hiện một lần. Ngư-phủ cho là rắn Thần. Có người gọi là cặp « Ngựa thần » của « Ông, Bà », đã tu nên hiền lành, không hại ai. Nhiều người đã trông thấy rắn to bằng bắp vế và xác nhận hiện nay vẫn còn sống tại đảo Hòn Nhàn.

Những ngư-phủ lưới đặng khi mới khai-thác sở đầm Hòn Nhàn, người nào cũng phải lo giữ việc cúng kiến thật chu đáo. Ngoài các lễ cúng kết gang, khai-lạch, lỵ-h-y v.v. họ còn thờ Bà Chúa đảo thờ Lỗ Lương, cúng 12 vị « Dàng » ít nhất 1 lần trong mùa cá và quan-trọng nhất là Tục thiêu người đề cúng « Nhang Dàng. »

Hàng năm, vào giữa mùa cá, khoảng trung-tuần tháng 3 âm-lịch, người chủ sở đầm rước một ông Thầy hàm (ngư-dân gọi là Thầy, Thiếm) làm lễ cúng Nhang Dàng Lễ-vật là một trẻ nhỏ Thượng, hoặc người Hạ (1) bị thiêu tại gành gần gành lưới và miếu thờ Hội-Đồng. Sau lễ cúng, họ thả hết lễ-vật xuống biển.

Tương truyền, khi xác đứa trẻ trôi cách gành một quãng thì từ đáy biển nổi lên một vầng to lớn xoay tròn thành một xoáy nước rút mất thi-thể của nó. Hiện-tượng quái-dị này chỉ xảy ra trong khoảnh-khắc rồi tan biến ngay.

Ngư-phủ cho rằng Ông Bà (Nhang Dàng) linh-ứng, đã nhận của lễ.

Ông Trần-Tăng tức Nhị, gốc là người Hạ, ngày trước ứng đi bện lưới đặng cho nhiều sở đầm, hiện ở ấp Lương-Son, xã Vinh-Lương quận Vinh Xương (Khánh-Hòa), nói rằng không biết ngày xưa người Chàm ếm đối thế nào mà « Nhang Dàng » tại Đảo Hòn Nhàn hàng trăm năm vẫn còn linh-thiên. Tục thiêu người cúng « Nhang Dàng » tại Hòn Nhàn được duy-trì cả trăm năm, bị bãi bỏ cách nay chừng 50 hoặc 55 năm mà thôi. Cũng như tại Hòn Đổ, sau khi bỏ việc thiêu người, ngư-phủ lưới đặng vẫn giữ tục cũ, cúng một con heo quấy và thả xuống biển, chứ không ai dám ăn. Lệ này được duy-trì trong khoảng mười năm thì sở đầm Hòn Nhàn bị bỏ hoang một thời-gian trong trường-hợp hi-hữu xảy ra cách đây trên 40 năm như sau :

Năm đó, ông Xã Bợ, một tư-chủ tểng tằm tại Nha-trang và là ngư-phủ lưới đặng nhiều kinh-nghiệm, làm chủ sở đầm Hòn Nhàn.

Một đêm, tại sở lưới xảy ra việc bất thường: một người bện lưới đang khoẻ mạnh, bỗng nhiên lảo đùng ra rồi nhào lộn đập đầu rầm rầm trên ván thuyền. Một lát y ngồi dậy, miệng trào bọt, mắt trợn trừng, lắc mình lia-lịa và nói to : « Năm nay ta không thêm thắng nhỏ đen

(1) Người Hạ, theo đồ-g-bào hiện nay nói là người Thượng lai. Nhưng họ là người Hạ-Châu, có lẽ là dân Phù-Nam, gốc ở Indônê-sia, xây-dựng Vương-quốc tại Miền Nam Việt-Nam, đã có một thời oanh-liệt (thế-kỷ thứ 6). Đến sau bị Vương-quốc Khờ-Me (Cam-Bốt) tiêu diệt, dân Phù-Nam ở miền Nam Trung-phần sống trong lãnh-thổ Chiêm-Thành. Người Việt gọi họ là người Hạ-Châu để phân-biệt với người Thượng. Hiện nay, người Hạ đã hoàn-toàn đồng-hóa Việt-Nam).

đen nữa, ta muốn thặng con của «Thọ» không thì ta vật chết hết».

Nói xong, y ngã ra nằm mê-man một lúc lâu. Khi đã qua cơn mê y vẫn như người mất trí. Người ta để y nghỉ yên đến sáng mới tỉnh hẳn.

Người Chèo Dọc hỏi đăm qua làm việc gì lạ vậy thì y ngơ ngác trả lời: Tôi ngủ chớ có làm gì đâu. Y rờ trán thấy đau và có dấu trầy nhưng không biết vì sao. Mọi người tại sở lưới cho rằng Ông Bà đã nhập xác người bạn lưới, đòi phải cúng dâng con của «Thọ» thay vì đưa trẻ Thuỵ, và con của «Thọ» tức là con của chủ sở đầm. Ông Xã Bọ được tin như sét đánh, liền lập-tức cho người đi rước ông Quán Cơ để nhờ làm lễ cúng.

Ông Quán-Cơ, gốc người Hạ, ở Cờ Xuân (thuộc vùng Thủy-triều, Camranh) được Nam-Triều và Chánh-quyền Bắc-hộ giao việc cai-quản các sắc dân thiểu số (Thượng và Hạ) cư-ngụ vùng Cây-Cây, Suối-Dầu, Hòa-Tân, Thủy-Triều, Mỹ-Ca, Ba-Ngòi lúc bấy giờ. Ông là thầy cúng rất cao tay ẩn tại địa-phương.

Theo sự chỉ-dẫn của ông Quán-Cơ, ông Xã Bọ làm 1 con heo quay, 1 hình nhơn bằng giấy, bày lễ cúng trọng-thề tại gành gàn gang lưới, rồi thả hết tất cả lễ-vật xuống biển.

Mặc dù có heo quay với hình-nhơn thể mạng và ông Quán Cơ đã ếm-đối bùa phép để trừ hậu-họa, ông Xã Bọ vẫn không hết sợ.

Sau lễ cúng, ông liền nhổ lưới, không dám tiếp tục đánh cá đến mãn mùa.

Tiếng đồn «Nhang Dàng» tại đầm Hòn Nhàn đòi thiêu con của «Thọ» lan

truyền khắp giới ngư-phủ và từ đó không ai dám đến khai-thác lưới đăng tại Hòn Nhàn và sở đầm này bị bỏ hoang gần 30 năm.

Theo lời ông Ba Pháp, hiện ở tại ấp Cát-Lợi, xã Vinh-Lương, quận Vinh-Xương, sở đầm Hòn Nhàn được khai-thác lại từ năm 1955, sau khi Việt-Minh và Pháp ký Hiệp-định Giơ-Neo chấm dứt chiến-tranh Đông-Dương. Ông là người đầu tiên làm lại Đầm Hòn Nhàn. Lúc bấy giờ, đảo Hòn Nhàn vẫn còn 1 nh thiêng. Chính ông đã gặp cặp rắn to bò trên gành trong đêm ông ngủ tại đảo. Ông cũng bị phá-phách đủ chuyện, nhưng vốn là thầy cúng có nhiều uy-tín, ông dùng bùa phép trấn ếm và làm ăn được bình yên vô sự.

Từ khi sở đầm Hòn Nhàn được khai thác lại, hàng năm, vào trung tuần tháng 3 âm-lịch, ngư-phủ lưới đăng vẫn cúng «Nhang Dàng» một con heo quay hoặc 1 con heo trắng, rồi chia nhau ăn hết chớ không giữ lệ thả lễ-vật xuống biển như ngày xưa.

Ông Ba, ngư-phủ lưới đăng đã giải nghệ, hiện dưỡng lão tại nơi chôn nhau cắt rún là ấp Bích-Đầm, nói rằng chắc có điều bí-ẩn trong việc «Nhang Dàng» đòi cúng con của «Thọ» đã kể ở đoạn trên. Từng hợp-tác làm lưới đăng với ông Xã Bọ, ông nhận xét từ lâu có nhiều bạn lưới bắt mẫn vì cách đối xử của con ông chủ đầm. Lợi dụng sự linh-thiêng của Hòn-Nhàn, người bạn lưới nọ đã «đóng kịch Ông Bà nhập xác» đòi hỏi chuyện khắc-nghiệt, để phá chơi cho bỏ giết.

TỤC THỜ LỖ LƯỜNG

Tục thờ tại Hòn Đò

Xin xem Bách Khoa số 322 (1-6-70)

Tục thờ tại Hòn Nhàn

Tin tưởng Hòn Nhàn có nhiều «Ma Tàn», tất nhiên có Đĩ Dàng, ngư-phủ lưới đang ngày xưa còn thờ cúng Lỗ Lường và duy-trì tục này đến ngày nay. Người ta lấy nhách cây lớn bằng bắp tay, đẽo gọt một tượng hình «dương-vật» sơn đỏ, gọi là «Bộ đồ», để trong miếu thờ Hội-cồng tại gành, và chọn một tảng đá nào có kẽ nứt, hình dáng tương-tợ «âm-hộ» để làm «Lỗ Lường». Khi làm lễ Cầu ngư, ông Chèo Dọc van vái và cắm «Bộ Đồ» chọt vào «Lỗ Lường» 3 cái.

Theo cổ lệ, họ cúng Lỗ Lường một con gà quây, rồi để nguyên tại gành. Sau này, ngư-phủ cúng gà quây hoặc luộc và ăn hết. Cũng có khi người ta cúng tạ Lỗ Lường bằng cá gỏi.

Tục thờ Lỗ Lường được duy-trì đến ngày nay, nhưng trong thời gian gần đây, có nhiều năm sở đầm Hòn Nhàn do ngư-phủ trẻ tuổi điều-khiển, việc thờ cúng có phần chênh mảng, nhưng họ vẫn giữ «Bộ đồ» tại miếu thờ Hội-Đồng và không dám bỏ hẳn cổ-tục do ông bà đã lưu truyền qua nhiều thế hệ.

oOo

Tục thờ tại Bãi Giầm

Sở đầm Nghi-Phong Diêu-Chữ hiện nay có một miếu thờ Hội-đồng (chư-vị Thần-linh Biển cả) cất tại Bãi Giầm cách sở lưới lối 1000 thước về hướng Tây-Nam. Tại Bãi Nhỏ gần gang lưới, trong hang đá lớn kể trên, lại có một miếu nhỏ thờ:

— Tam-giới Hội-đồng (Thượng, Trung, Hạ-giới)

— Ngũ hành Thần tử Dương-nương

chi thần (Năm Ba Ngũ-hành: Kim, Mộc, thủy, Hỏa, Thổ)

— Lỗ Lường.

Những tượng-hình dùng trong việc thờ cúng Lỗ Lường để trong miếu gồm có:

— 1 bài vị viết bằng chữ nho, đề tên Dương Thị-Đĩ Nương-Nương,

— 2 «Bộ đồ» bằng gỗ sơn đỏ, tạc giống hình dương-vật,

— 1 mảnh gỗ chạm trở hình 3 góc, ở giữa có khoét một lỗ tròn, tượng-trung «Lỗ Lường». (Tại đây không có tảng đá «Lỗ Lường» như tại Hòn Đò). (Trong miếu còn có 1 vali bằng giấy đựng áo quần hia mào... của lễ cúng Lịch-y vừa qua).



«Hai Bộ đồ» và cái «Lỗ Lường» bằng gỗ đỏ trong miếu nhỏ của sở đầm Bãi Giầm trong Hang đá tại Bãi Nhỏ.

Khi trước, người ta lấy cây mây hoặc giấy thép uốn thành cái vòng hình thuẫn, sơn đỏ, kết tóc vào, làm Lỗ Lường. Những vật này lâu ngày hư, sét, bị vứt bỏ, và được thay thế bằng hình tượng gỗ kể trên.

Nghi-thức cúng lễ Lỗ Lường tức Bà Dương-thị-Đĩ cũng giống như tại các sở đầm Hòn-Đò, Hòn Nhàn.

(Trích trong tập *Những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của ngư phủ lưới đang tỉnh Khánh-Hòa* sắp xuất bản).

BNP

A votre service

tous les services de la

banque

nationale

de Paris

CUNG-GIŨ-NGUYÊN

Trích trong DANH VÀ LY

C H Ũ H Ú Y

Cơm bữa của người vô sản tại nhiều nước đầy cả đá sạn. Lời nói của người tự-do tại nhiều nước là chữ lời cay đắng, ghen ghét, nghệt hợm, trước sự căm dỗ và trong cảnh đe dọa. Từ thương-cổ cho đến biết bao giờ, những nhà độc-tài, vì sợ hãi cho uy-quyền giả-tạo và mong manh của mình, không ngớt dùng mọi thủ-đoạn để dành độc quyền về lời nói, áp bức mọi ngôn-ngữ không cung phụng cho tham-vọng hay ngu-si của mình.

Theo *Sử Ký* của Tư-mã-Thiên, vào khoảng hai trăm năm trước Tây-Lịch, Thừa-tướng Lý Tư đã tâu với vua Thủy-Hoàng nhà Tần :

« Năm đời Đế không trở lại, ba đời Vương không bắt chước nhau, thế mà vẫn trị được thiên-hạ, không phải đời nọ trái khác đời kia, chỉ vì thời biến khác nhau vậy. Nay bệ-hạ mở nghiệp lớn, dựng công muôn đời vốn không phải là kẻ ngu nhỏ dám biết, thế mà người Việt nói những việc đời Tam-đại thì sao đủ theo được. Vừa rồi các nước chư-hầu tranh nhau, hậu với những kẻ có học, Nay thiên-hạ đã định rồi, pháp-luật tự một chỗ mà ra, trăm họ ai làm ăn thì cố sức cày ruộng, ai theo nghề sĩ thì học tập pháp lệnh và hình cấm. Nay chư-sinh không theo đời bây giờ, mà cứ bắt chước đời xưa, để chê dương-thế, làm hoặc loạn

bọn đầu ngu. Tôi, Thừa-tướng, tên là Tư dám liều chết để nói nhà vua biết :

« Thuở trước thiên hạ tán loạn, không có thống nhất, cho nên chư nho dấy lên, động nói cái gì là nói đời cổ làm hại đời kim, trang sức những lời hư-ngôn để làm rối mắt sự thực. Người nào cống cho cái học riêng của mình là phải mà chê bai những điều kiến lập của người trên. Nay Hoàng-đế đã gồm cả thiên-hạ, phân biệt cái đen cái trắng mà định nhất tôn, thế mà những nhà có cái học riêng cứ cùng nhau bẻ bác pháp giáo của nhà vua. Mỗi một khi nhà vua có một hiệu-lệnh gì xuống họ cứ lấy cái học của họ để nghị luận, vào thì trong lòng không cho là phải, ra thì tùm tùm rậm rậm ba lại để bàn tán, khoe cái chư-kiến của mình để lấy tiếng, cố lập dị cái cách thái-thứ để làm cao, đem kẻ quần-hạ để đặt những lời hủy báng. Nếu thế như thế mà không cấm thì ở trên thế vua kém đi, mà ở dưới đảng phải lập thành, vậy xin cho cấm ngay là tiện hơn cả. Tôi xin phát lệnh rằng : *Sử* quan thấy sách gì không phải là sách nhà Tần thì đốt hết cả. Sách gì không phải là quan bác-sĩ được phép giữ, mà trong thiên-hạ có chứa dấu như Thi, Thư, cùng Bác-gia-ngữ, phải đem đến quan Thủ-úy đốt hết. Ai dám nói thăm với nhau sách Thi, Thư, thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai lấy đời xưa để chê đời nay thì giết cả họ

Kẻ lại có thấy hay là biết mà không tổ-giác đều phải đồng chịu một tội. 1 ệnh xuống ba mươi ngày mà không chịu đốt thì gọt đầu bôi đen, bắt đi làm phu. Những sách đề lại là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy..."

“Vua Thủy-Hoàng xuống chiếu rằng :
Được.”

Đoạn trích hơi dài, nhưng đáng công. Bản số của Lý Tư chưa thấy lỗi thời. Trong văn-khố của nhiều chế-độ Đông Tây ngày nay, biết bao tờ báo-cáo hay đề-nghị của những cảnh-sát văn-hóa, những người thật gan dạ «dám liều chết» đề nói, cũng dùng một thứ luận-điều hùng hồn ấy. Cũng một cách định độc-quyền chính-danh, của nhà vua hay của tập-đoàn thống-trị, cũng một lối từ bỏ lý-rí và nghị-luận, cũng một thái-độ khiếp sợ chữ-nho hay trí-thức, cũng một lối cầm sách đốt sách, thủ-tiêu kẻ không đồng quan-điểm được gọi nhanh chóng là phản-động, phản chế-độ, phản-quốc, phản cả nhân-loại và tiến-bộ nữa. Cũng một lối đề-tiện là dùng sự tổ-giác làm phương-pháp cai-trị. Nhưng lối xử-thế của kẻ bạo-hành và tay sai cũng chỉ mặc-nhiên xác nhận sức mạnh của lời nói, của tinh-thần. Chính Nã-phá Luân, người đã dùng gươm anh-hùng hay thiêng-lêng một cách sáng chói nhờ máu của bao nhiêu vạn mạng người, sau khi nhờ kinh nghiệm chua chát trở nên khôn ngoan, đã phải nhìn nhận một cách bất ngờ rằng : «Trên đời chỉ có hai quyền-lực : gươm kiếm và tinh-thần, nhưng lần hồi tinh-thần cũng làm cho kiếm gươm phải cùn bại...”

Lo sợ cho địa-vị tiến-đoạt mà chẳng có hậu-huấn của toàn-hể nhân-dân, quyền-thế phải cướp luôn quyền ăn nói.

của nhân-dân. Vì mê-tín dị-đoan, lo sợ cho tánh mạng mình cũng khiến cho vua chúa đời xưa dành luôn độc quyền xử dụng danh-từ.

Người ta thường tin, theo các thầy phù-pháp, hành hạ hay trù yếm một hình-tượng của một người có thể làm cho chính người ấy đau đớn và chết. Một hiệu-năng tương-tự cũng thể-hiện được khi ta động chạm đến tên một người, sự liên-tưởng dễ dàng đã có sẵn trong chữ mệnh danh. Phạm đến danh là phạm đến mạng Mượn có lễ-nghi, trật-tự, nhà cầm quyền đã bày ra luật kiêng chữ. Hình như cũng chính Tần-thủy-Hoàng đã có sáng-kiến đặc biệt ấy (1). Ông vốn là tên *Chính*. Khi lên ngôi bắt thần-dân phải kiêng chữ *chính*, đọc tránh là *chinh*. Những vua Trung-Hoa kế-tiếp và những vua Việt-Nam đều bắt chước lối kiêng chữ Rồi quan lại, rồi dân chúng, chia sẻ một mối lo sợ về mệnh danh, áp dụng trong phạm-vi rộng hẹp của mình sự tôn thờ những chữ hủý. Đàn áp tư-tưởng, hạn-chế tự-do ngôn-luận là phá hoại văn-hóa, là phản tiến-bộ. Lịch-sử thế-giới có nhiều thí-dụ để chứng-minh. Dành độc-quyền dùng danh-từ, bày ra luật lệ kiêng chữ cũ tên, là phá-hoại tiếng của một nước. Cảnh mơ hồ về định-nghĩa và chính-tả của một số tiếng Việt-Nam nói lên điều đó. Cũng may, việc kiêng chữ không còn là sự ràng buộc pháp lý, và trong dân-gian, tập-quán đã mất dần.

Nửa thế-kỷ trước đây, người ta phải cẩn thận trước khi nói hay viết, cẩn thận không chỉ về ý mà cả về chữ.

(1) Theo Ngô-Tất-Tố : Những xiềng xích của văn-chương — *Tao-Đàn*. Hà-nội, Số 2 Ngày 16-3-1939. Tôi cũng xin cảm ơn nơi đây ông bạn Lê ngọc Trụ trong một bức thư riêng, năm 1949, đã cho tôi ít nhiều tài-liệu về chữ hủý.

Một sĩ-tử có thể không học đến Kinh Sách vẫn đi thi, chỉ có đậu và hỏng, chẳng can gì hết. Nhưng đã vào trường-thi, đã viết bài, nạp bài, mà không nhớ những chữ húy, thì có thể bị tù tội. Trong việc thi cử, lệ kiêng chữ rất nghiêm ngặt.

Có hai thứ kiêng : khinh húy và trọng húy.

Kinh húy là kiêng tên cha mẹ hoặc cô bác nhà vua. Lúc viết, được dùng những chữ khinh húy nhưng phải viết thiếu một nét, gọi là phép *tinh hoạch*. (1)

Trọng húy là cấm dùng những chữ vì húy tên vua.

Tại các trường thi, quan trường có yết bảng những chữ húy. Những chữ khinh húy, viết nguyên chữ và thiếu một nét. Chữ trọng húy thì viết tách ra làm hai phần

Người phạm tội khinh húy bị đóng gông ba ngày và suốt đời không được đi thi. Còn phạm trọng húy chẳng những sĩ-tử bị tù tội mà những bậc có trách nhiệm trong việc giáo-dục họ cũng bị phạt bổng, giáng cấp, không được yên thân. Theo bộ luật Gia-Long thì trong số tâu lên vua mà dùng chữ phạm húy thì bị phạt 80 trượng. Dùng trong mấy công văn khác, thì bị 40 trượng. Kẻ nào dùng chữ húy đặt tên mình thì bị 100 trượng.

Không những dân không thể trùng tên họ nhà Vua, mà những danh-từ hết sức thông thường, những tên đã có sẵn của thành phố, làng mạc, cũng vì một tân triều mà phải thay đổi, và những chữ đã quen kiêng rồi, không dùng lại được.

Như củ *hodi-sơn*, nôm na là khoai mài, xưa tên *thụ dự*, rồi vì trùng tên Đức Tôn nhà Đường phải đổi lại *sơn-*

dự, sau vì húy tên Chân-Tôn nhà Tống phải đổi ra làm *sơn-dược*.

Làng Lương-Ngọc, tỉnh Hải dương, đời Lê về trước vẫn gọi là *Huê-đường*. Đến đầu đời Nguyễn, một lần vì chữ *Huê* phạm húy, làng ấy phải đổi ra *Lương-đường*. Một lần nữa vì chữ *đường* phạm húy, lại phải đổi ra *Lương ngọc*,

Một người thuộc văn-hóa Âu Mỹ không thể ngờ có chuyện lạ như vậy.

Khi Tổng-thống Pháp Vincent Auriol lên cầm quyền, thì những dân Poáp nào lỡ đã đặt tên Vincent, có lẽ phải sửa Vingt-sous ? Hay khi Abraham Lincoln đắc cử Tổng-thống Hoa-kỳ, nếu có tục kiêng chữ, thì những người có tên Abraham hay muốn đặt tên con như thế, phải đánh dùng *Abe* hay *Abra* hoặc *Isaac* cho thấp bậc hơn Tổng-thống. Trái lại, người Âu Mỹ cho là vi-hạ khi một tên riêng trở thành một danh-từ chung được thiên-hạ dùng đến, hằng ngày và mãi mãi. Nhờ quan-niệm ấy mới có những *ampère, watt, ohm* là tên những nhà khoa-học, hay tên một nghị-viên thành-phố biến thành thùng đồ rác trong tiếng Pháp *poubelle*.

Một bên, ngữ-vựng tạo thêm cơ-hội trở nên phong phú, một bên vì những biến-sự ở triều-đình, cứ mỗi lần thay Vua đổi Chúa là phạm-vi sử-dụng ngôn-ngữ của dân chúng lại thu hẹp thêm một chút, sự diễn-từ trở nên khó khăn, mất tánh cách thống nhất, những dấu-hiệu biểu-tượng hay chu-ên-thông cũng không có một giá-trị vững bền.

Tục kiêng chữ và sợ phạm húy đến nay mất tầm quan-trọng nhưng thời

(1) Đề tiện việc ấn loát, những thí dụ có dùng chữ nho đã loại bỏ.

trước đã chế-ngự ngôn-ngữ xã-hội này một cách ngây thơ và vô ích, nếu không nói là tai hại. Nơi nào có một chút uy-quyền nơi đó cũng bày lối độc-quyền danh-từ. Tất cả quốc-dân kiêng tên vua chúa, người trong một tỉnh, một vùng, kiêng tên các quan đại-thần trấn-nhậm tại đấy. Người trong gia-đình và nô-bộc kiêng tên gia-trưởng và tổ-tiên gia - trưởng. Người đi làm rề, kẻ về làm dâu phải lo học những chữ húy trong gia-đình bên vợ hay bên chồng. Thói quen này truyền khắp nơi. Vì sợ tử-tội, vì bảo-vệ công việc làm ăn, vì muốn được tiếng có lễ-giáo, người ta đã góp công vào việc viết sai, đọc sai.

Cùng một gốc chữ Hán mà nhiều chữ phát âm khác nhau, người ở Bắc khác người ở Nam, chỉ vì ảnh-hưởng tục lệ kiêng cử riêng cho một miền. như Hoàng, Huỳnh, Phúc, Phước, Thì, Thời. Người đàng trong phát âm Huỳnh, Yếng Kiêng, vì húy tên Nguyễn-Hoàn, Nguyễn Ánh, Hoàng-tử Cảnh. Những tên Tánh, Duyệt, Thiêng, Đước, Hường, dùng để cử tên Võ-Tính Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-văn Thành, Nguyễn-huỳnh-Fúc, Thủ-Hùng

Ở Bắc, những tên Dong, Sài, Cao, Lợi dùng để cử tên Mạc-đăng-Dung, Sĩ-Vương, Trần-Cảo Lê-Lị.

Trong dân cư úng, tục lệ cử tên ông bà hoặc thần thánh đã làm cho một số chữ có hai lối phát âm : *trác, trước, hực học, tời, tài, vang, vinh, dươn, duyên, tấn tiến, hười, hoài, ngươn, nguyên, gò thâm* thể cho gò đen, vì cử tên Bà Đen, v.v ..

Thường trong lối kiêng chữ húy, Văn đổi nhiều hơn hết : *toàn, tuyền, hàn, hồn cát, kiết, an, yên, khá, khó, bường, bả-g. bình* .. Có chữ tổng đổi ra tên khác vậy.

Đổi âm và đổi *thinh*, tương đối ít. *Trung* đổi ra *chưng, chường* *khóat* biến ra *hoạt, cáo* hóa thành *cao* ..

Khi một tiếng khác đã dùng vào để thay thế, rất khó tìm tiếng chính, như thí-dụ về tên cũ *hoài-sơn* và Làng *Lương-ngọc* cần phải có tài liệu về lịch-sử và địa-dư phong-tục.

Cũng khó cho con cháu họ *Cung*, không biết chữ Hán, hay mất gia-phả, nghĩ rằng mình chẳng phải họ ấy, mà đúng ra là họ *Hồng*. Thí-dụ này có vẻ riêng tư, nhưng cũng là một tài-liệu chính-xác. Họ *Hồng* chúng tôi là một trong số gia-đình Trung-Hoa, vì sinh-kế hoặc vì không chịu chế-độ nhà Thanh, đã kiều-cư trên đất Việt, và trong khoảng thế-kỷ 17-18, thành-lập làng *Minh-hương*, ở bắc thành Thuận-Hóa, làng ban đầu được gọi là *Đại-Minh* khách-phố hay *Đại-Minh* khách thuốc Thanh-hà phố, tục gọi là *Phố Lữ*. (Giáo-sư Trần Kinh-Hòa, người Trung-Hoa, đã có bài khảo-cứu khá đầy đủ, nguyên đăng trong *Tân-Á Học-Báo*, và bản dịch tiếng Việt được đăng trong tạp-chí *Đại-học*, Huế, số tháng 7-1961, nhan đề : *Làng Minh-Hương và phố Thanh-hà thuộc tỉnh Thừa-Thiên*).

Năm 1847, Vua *Dực-Tôn* lên ngôi, lấy niên-hiệu là *Tự-Đức*. vì Ngài húy là *Hồng - Nhậm*, nên họ *Hồng* phải sửa danh tánh của mình. Chữ *Hồng* gồm một phần là bộ *chấm thủy* và một phần là chữ *cọng*. Bỏ một chấm của bộ *thủy* và sửa thành bộ *nhân*, hiệp với chữ *cọng*, thành ra chữ *cung*. Đến triều vua *Bảo-Đại*, luật kiêng chữ không còn áp dụng nữa. Nhiều người bỏ chữ *Cung* và trở lại với họ *Hồng*. Có người, vì tránh sự phiền

phức trong việc điều chỉnh những giấy tờ hộ-tịch, hoặc có người không đặt nặng vấn-đề (1) cứ tiếp tục dùng chữ Cung làm họ.

Nguồn gốc của chữ, như nguồn gốc của người mang tên, có thể tìm lại nếu còn ý thức được con đường biến-thiên. Tôi đã có dịp khâm phục sự thức-thời của những ký-giả hay ấn-công mấy tờ báo Trung-Hoa tại Hương-Cảng, khi họ viết trúng họ *Hồng* của tôi, tuy trên danh-sách những hành-khách chuyển phi-cơ đến dự một hội-rghị, chữ *Cung* viết theo Việt-ngữ. Trái lại, khi chữ Hán đã trở thành một văn-tự quá xa lạ, khi hình-thái-họ về một ngôn-ngữ không quan-trọng gì đối với một số thờ lại, thì hệ lụy của việc kiêng chữ có thể sinh ra điều phiền-nhiều cho người lên-can. Dựa theo cụ-khế vết bằng chữ nho, người ta ghi tên điển-chủ *Hồng*... Nhưng người viết đã không ngần ngại về trong địa-bộ chữ *Hương*... vì nghĩ rằng *Hương* hay *Hồng* cũng như nhau. Bây giờ thật khó cho một người mang thể căn-cước với tên *Cung*... cảm tờ trí h-lục địa-bộ với tên *Hương* hay *Cung* cũng vậy. Chắc hẳn thủ-tục pháp-lý hay hành-chánh không chấp nhận những giải-thích cá-nhân và ngoài đề; sót một nét, sai một dấu, đã là một sự kiện quan trọng rồi, đủ để cho vấn kiện có tánh-cách bất-hợp-lệ.

Sự khó khăn cho một vài trường-hợp cá nhân như trên chỉ là vụn vặt, và sẽ không còn tiếp diễn khi nhờ sự tiến-bộ của tư-tưởng xa lánh hẳn hồi những tập-quán dựa trên uê-tiô, lệ kiêng chữ cũ tên không còn là sự ràng buộc khắc khe nữa. Nếp sống mới trong thời-đại này đã xóa bỏ sự sợ-hãi trước kia đối với việc dùng, đọc hay viết tên những người đáng kính. Con cái không còn lo dấu

điểm tên bố mẹ. Trên những văn-kiện, không còn lối lược bỏ tên người nữ, Phan thị... Trần thị... Trong nghi-lễ hôn-phối, có còn ai nê cồ đến lỗ bịch, mà buộc phải có lễ vấn-d nh? Nhưng hậu quả kiêng chữ hứy thời trước để cho ngày nay vấn-đề khá phiền-khái khi tiếng Việt cần quy định một chính-tả nhất-trí.

Trong bài tựa cho cuốn *Việt - ngữ Chánh - tả Tự - vị* (Thanh-Tân, Sài-gòn, 1959), một công-trình thật có giá-trị đáng được tán-dương, soạn-gả Lê ngọc Trụ có viết: "Gặp những tiếng phát-âm khác nhau vì kiêng-hứy hoặc vì tập-quán, như *bệnh* : *bính*, *cục* : *cuộc*, *kiết* : *cát*, *nhân* : *nhơn*, *nhật* : *nhựt*, *sinh* : *sinh*... chúng tôi gạch thêm (ed) «cũng đọc» để giữ lối phát-âm quen dùng của mỗi vùng Nam, Bắc, có mấy tiếng nêu làm tiêu-đề có giải-thích và thí-dụ trong quyển này không có nghĩa là tiếng ấy «đúng hơn» tiếng biến-trại».

Nhưng nếu sự dễ dãi cho phép tùy theo vùng, tùy theo địa-phương, đọc sao viết vậy, hay dùng hình-thức nào cũng được, ắt-hẳn trái-ngịch với một trong những nguyên-tắc của chính-tả (hay chánh-tả), là phân-biệt để tránh sự lầm lẫn, và trở ngại cho việc xây dựng một quốc-ngữ nhất-trí, có qui-

(1) Nghĩa và vô-nghĩa của một tên, sự bất tương-hợp giữa một danh-tánh hay danh-vị với bản-thể và yếu-tính của một người đã được nhắc đến trong truyện *Le Fils de la Baleine* (Fayard, Paris, 1956) « Provoirement, il était devenu Mồ. Il a ait souri les premières fois en s'entendant appeler ainsi. Finalement, il se sa que ses sourires étaient stupides. Que pouvait bien représenter un nom? Son nom originel n'était-il pas un signe aussi conventionnel que l'actuel? Mồ pouvait représenter lui-même ou personne ou rien du tout, le jour où aucun ne l'appellerait...»

mô tương-đối vững vàng đề tăng hiệu-lực chuyên-thông giữa đồng bào khắp nước.

Đề hạn chế việc linh-động dùng chữ này hay chữ kia cũng được, và gián-tiếp giúp cho Việt-ngữ mỗi ngày thêm chính-xác và phong-phú, có thể dùng những chữ xưa kia kêng hủ và những tiếng biến-trại, nhất định với nghĩa khác nhau. Ai cũng biết trong Pháp-ngữ, vì một số tiếng có cả hai gốc Hi-lạp và La-tinh, lại có thứ được kẻ thông thái dùng, và thứ của dân đen dùng, nên có rất nhiều chữ gọi là *doublets* (chữ rùng). Sự hiện-diện của thứ chữ ấy đã giúp cho Pháp-ngữ có thêm tiếng đề chỉ những khác-biệt tế-nhị người Pháp

không còn dùng chữ này thay thế chữ kia cũng được. Ví dụ, cùng một tiếng gốc La-tinh *granum*, mà số nhiều bị làm ra giống cái là *grana*, sinh hai tiếng *grain* (ta gọi hạt hay hột) và *graine* (hạt giống hay hột giống cũng được). Họ có những chữ *cavalier* (ky-mã) và *chevalier* (hiệp-sĩ, dù có cỡi ngựa hay không), *car*, *char*, v.v. Sao chúng ta, thay vì tiếp tục dùng *hồng* hay *hường* cũng được, *học* hay *hược* cũng được, sao ta lại không dùng *hồng* làm tinh-từ với nghĩa màu sắc, và *hường* làm danh-từ với nghĩa hoa, và ta sẽ nói mà không ngại, một hạc hương hồng, một hoa hương trắng, một má hồng hồng, v.v. với những sự phân nghĩa rõ ràng ..

CUNG GIỮ NGUYỄN

Sách Cadao mới phát hành :

- **THI CA TƯ TƯỞNG** tức **ĐI VÀO CÕI THƠ**
cuốn 2 của Bùi Giáng, 120đ.
- **CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ-PHÊ BUỒN**
của Carson Mc Cullers, 160đ.
- **THẾ GIỚI TÍNH DỤC** của Henry Miller, 150đ.
- **MẶT TRỜI VÀ DÒNG SÔNG** thơ Phạm Nhuận
trầu bìa của Đinh Cường, 2 phụ bản màu của Tôn Thất Văn,
in toàn trên giấy quý Croquis, 200đ.

Sắp phát hành :

- **NHÂN SINH QUAN VÀ THƠ VĂN TRUNG-HOA**
của Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Hiến Lê dịch

Nghĩ về phong trào sinh viên : *sinh viên và tôn giáo, sinh viên và cách mạng* (qua cuộc phỏng vấn của Bách-Khoa)

(Xin xem B. K. từ số 321 (15-5-70))

— BÁCH KHOA : Một số dư luận trên báo chí cho rằng những mục tiêu tranh đấu của sinh viên chánh đáng, nhưng phong trào sinh viên sẽ thuần-túy hơn — để được quần chúng ủng hộ hơn — nếu các sinh viên tranh đấu đừng có những liên-hệ với Phật-giáo và các chính-khách v.v... Anh nghĩ sao về nhận xét trên đây ?

— NGUYỄN VĂN TRUNG : Các sinh viên tranh đấu phải có nơi để tập hợp, hội họp v.v... Ở Saigon trụ sở không có, các trường sở bị phong-tỏa nên buộc lòng họ phải tìm đến những nơi nào có thể đón nhận họ : Cư-xá Quảng-Đức, Chùa Ấn-Quang v.v... Khi sinh viên kéo tới Thượng Viện, Hạ Viện thì cảnh sát ngăn giữ, đánh đập bắn phi tiễn, lựu đạn cay, phun nước. Trong khi đó một số nghị sĩ, dân biểu đã tận lực bảo vệ cho họ vô được các tòa nhà Lập-pháp đó để nói lên những nguyện vọng và đòi hỏi của họ. Vậy sinh viên có dựa vào các chính-khách này thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nhất là những vị này có người cả cùng chịu lựu đạn cay, và phi tiễn với họ, sẵn sàng tiếp sức cho tiếng nói của họ. Chẳng lẽ sinh viên lại trông cậy vào những vị chỉ ngồi yên ổn trong phòng để viết và nói vài câu nhân nghĩa suông thôi sao ?

Riêng Phật-giáo (Ấn-Quang) là một lực lượng đĩ lập với chính quyền từ nhiều năm nay. Tất nhiên những lực lượng quốc gia cùng chống đối chính quyền để liên-minh với nhau nên mỗi khi phong-trào sinh viên bùng lên tranh đấu với chính quyền thì nơi nương tựa họ để nghĩ tới là cơ-sở của Phật-giáo.

Tất nhiên các sinh viên tranh đấu không lựa chọn Phật-giáo vì Phật-giáo, nên giả-thử một tôn-giáo khác như Công-giáo, Cao-đài... chẳng hạn, hoặc có lập-trường đối lập với chính-quyền, hoặc ít ra sẵn sàng chấp nhận cho họ ẩn náu, hội họp trong tinh-thần che chở, nâng đỡ những người gặp khó khăn vì tranh đấu cho những lý-tưởng công-chính, hòa-bình thì các sinh viên tranh đấu chắc cũng không ngần ngại chạy đến nương tựa vào các

cơ-sở của những tôn-giáo này. Như bên Tây-ban-nha, bên Châu Mỹ latin, nhiều cơ-sở Công giáo đã là nơi trú-ẩn, hội họp của các sinh-viên tranh đấu. Và các linh-mục, các bà phước ở những nơi này cũng đều bị chính quyền thẳng tay khủng bố. Gần đây, tại Ba-ây (Brésil) một di-phước tên Maurina Borges da Silveria, là bề-trên Trung-tâm Ste Anne, đã bị Công-an bắt giữ và tra tấn tàn nhẫn, vì chứa chấp một thủ-lãnh của nhóm giáo-sư và sinh-viên tranh đấu hội họp ở cơ-sở tôn giáo do di phước trông nom, đến nỗi sau vụ này đức Tổng Giám-mục ở địa-phận ấy đã phải rút phép thông công các viên chức điều khiển ngành Cảnh-sát đã chịu trách nhiệm về các vụ tra tấn những nam nữ tu-si này (1).

Tóm lại khi sinh-viên còn các trường của họ để hội họp tự nhiên, họ dễ «thuần-túy» — theo nghĩa mà nhiều người muốn — và sau này mất môi-trường để tập-hợp nên có khi họ đã phải lần mò xuống tận Thủ-Đức để hội với nhau; vậy có gì lạ khi thấy sinh viên phải họp ở Đại-học Vạn-Hạnh, rồi ở Cư-xá Quảng-Đức hay ở chùa Ân Quang sau này... Những người nhia nhận những mục-tiêu tranh đấu của sinh-viên là chính đáng, nhưng trách sinh viên lên-hệ với chính khách, đối lập và Ân Quang và cho rằng mình không lợi dụng sinh viên, tại sao không mở cửa các cơ sở của mình cho sinh viên hội họp và ăn náu ?

Như tôi đã nói, phong trào sinh-viên chỉ là một phong trào quần chúng, mà động-cơ kết hợp là tình-cảm nên họ càng dễ bị chi-phối về tình-cảm. Ai tán-thành các mục-tiêu tranh đấu của họ ai đồng tình với họ là họ ngbiêng ngay về phía đó. Khi bị đánh đập, đàn áp, săn đuổi, nơi nào đón tiếp, che chở, giúp đỡ, thì phải nẩy vào chứ còn phân biệt tôn-giáo gì hay chính-khách lợi dụng, ăn có hay không ! Dù phong-trào sinh viên tranh đấu có dựa vào cơ sở của Phật-giáo thì những những sinh viên Công-giáo tham dự vẫn đứng trong phong trào với cương vị sinh viên của mình và những tu-si Công-giáo đã ủng hộ họ vẫn hết lòng ủng hộ mà không e ngại, vì những sinh viên, tu si công giáo đó đã nhia vấn đề như tôi vừa trình bày ở trên.

Nhưng cũng vì phong trào sinh-viên được kết-hợp, chủ-yếu do những động-cơ tình cảm, luân lý, nên nếu thời gian tranh đấu kéo dài thì sự tổ-chức lỏng lẻo của phong trào khó tránh khỏi được hậu quả là bị phân-hóa thành nhiều nhóm, có thể chống đối nhau kịch liệt Phong trào sinh viên ở nước nào cũng vậy cả Phong trào tháng 5 ở Pháp năm 68, sau một thời gian tranh đấu đã chia thành các nhóm nhỏ, chẳng ai chấp nhận ai cả. Các sinh viên tranh đấu đều cho rằng vì lý tưởng mà tranh đấu. Cái khó là ở đó. Vì quyền lợi, người ta còn nhân nhượng nhau được, chứ còn vì lý tưởng thì khó mà nhượng bộ nhau lắm, vì ai cũng cho mình là phải, khi đã hy sinh cho lý tưởng tranh đấu. Một sinh viên hăng say và

(1) Theo báo Informations Catholiques Internationales số 355 (1-3-70) di phước Maurina đã bị đánh đập, quấy điện, lột hết áo quần, với mọi thủ-đoạn bỉ ổi để buộc phải nhận là... nhân tình của thủ-lãnh một nhóm trí thức tranh đấu : Mario Lorenzato,

tha thiết với cuộc tranh đấu đến mức có thể bán hoặc cầm chiếc Honda của mình để lấy tiền mua vải làm biểu ngữ sẽ rất dễ bắt mắt khi thấy những gì trong cuộc tranh đấu không xảy ra như mình mong muốn hay khó chấp nhận một quan điểm không hợp với những gì mình vẫn quan niệm.

— BÁCH KHOA : *Anh có thể nói rõ thêm mối liên-hệ giữa các phong trào tranh-đấu của sinh viên và Phật-giáo ?*

— NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Muốn thấy rõ thêm những mối liên-hệ đó, tôi nghĩ phải tìm hiểu bối-cảnh chính-trị ở miền Nam Việt-Nam, nhất là từ năm 1963. Sau cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm, sinh viên và tôn-giáo trở thành những khối áp-lực mới, đóng một vai trò đáng kể trong các biến-cố xảy ra.

Nguyện-vọng của đại đa số dân-chúng Miền-Nam là một chế độ xã-hội công bằng, chủ-quyền quốc-gia được bảo-vệ, chiến tranh chóng chấm dứt. Có thể nói những tranh đấu của Phật-giáo phản ánh những nguyện-vọng trên mặc dầu đã gặp những thất bại vì lãnh-đạo sai lầm, chiến-thuật không được thích hợp và nhất là vì cái thế kẹt giữa hai lực lượng mạnh, có tổ-chức hoặc dựa trên tinh-thần, hoặc dựa trên tiền bạc, đã và còn đang xâm nhập sâu xa để có thể chi-phối mọi sinh-hoạt chính-trị ở các đô-thị. Những luận điệu chụp mũ bắt nguồn từ cái thế kẹt trên và có thể được biện hộ nếu chỉ nhìn một cách hời hợt bên ngoài. Tuy nhiên Phật-giáo vẫn tiếp tục lao mình vào những tranh đấu, dù bị hiểu lầm, chụp mũ và dù chính mình đã phạm những lỗi lầm về chiến thuật, về tổ chức tranh đấu.. Chính sự tranh đấu liên tục đó đã làm cho Phật-giáo trở thành một lực lượng chống đối thường xuyên, bao lâu những mục-tiêu trên chưa đạt được (chế-độ xã-hội lành mạnh, bảo vệ chủ quyền, chấm dứt chiến tranh) và do đó những phong trào tranh-đấu của các giới khác — như của sinh viên — có những mục-tiêu trên, đương nhiên bắt gặp Phật-giáo và liên kết với Phật-giáo, và cũng do đó, những phong-trào này cũng bị hiểu lầm, chụp mũ. Sự ngộ nhận, chụp mũ dễ xảy ra, nhất là về mục-tiêu đòi hòa-bình, khi những thành-phần tranh đấu như tu-sĩ, sinh viên, dù sao cũng là những thành phần còn được "an-ninh", hưởng-thụ ở đô-thị, hoặc được miễn đi lính, hoặc được hoãn-dịch. Trái lại, khi thương phế-binh xuống đường, khó lòng mà chụp mũ cho họ; Cảnh vùng dậy của thương phế-binh — chưa từng có trên thế-giới — đã bóc trần thực-chất của một chế-độ và tố cáo tất cả những lý-tưởng mà chế-độ xã-hội đã nhân-danh để tồn tại...

Thương phế-binh tranh đấu cũng luân quần chung quanh Ấn-Quang như sinh-viên. Sau cùng tôi muốn nêu ra một nhận xét để giải thích tại sao Công-giáo không phải là lực lượng chống đối để cho các thành-phần khác nương tựa. Tôi cho rằng Công-giáo có khả-năng đóng vai trò trên, và có lẽ còn hiệu nghiệm hơn vì có tổ-chức chặt-chẽ hơn, có hậu thuẫn quốc-tế mạnh hơn Phật-giáo; nhưng Công-giáo đã dè dặt, e ngại, vì lo sợ Cộng sản. Nỗi lo ngại đó rất lớn đến nỗi bắt buộc Công-giáo, thà rằng thân chính quyền, thân Mỹ — tuy thực ra có thể không ưa chính-quyền hay cũng chống Mỹ. — còn hơn chấp nhận nguy hiểm bị Cộng-sản thống trị. Trái lại, ở Châu Mỹ La-tinh mặc dầu quyền lợi gắn liền với những thế

lực thống trị, Công-giáo vẫn có thể phá-động một phong-trào chống đối, tham dự chiến-tranh cách-mạng, vì không bị kẹt bởi nỗi lo ngại về Cộng-sản — một lực lượng còn quá yếu ở nơi này — trái lại còn bị thúc đẩy bởi một ý chí muốn tranh thủ với Cộng-sản trong công cuộc thực hiện Cách-mạng, một ý-chí được sự ủng-hộ của thế-giới Công-giáo và có lẽ được cả cảm-tình của Vatican để chứng tỏ Công-giáo có thể làm cách mạng và môi-trường thuận tiện hơn cả hiện nay là Châu Mỹ La-tinh. Dĩ nhiên những Linh-mục, Giám-mục cổ võ hoặc tham dự tích cực vào những phong-trào tranh-đấu chính-trị, xã-hội chống độc-tài, bóc lột kinh-tế, cũng bị chụp mũ là Giám-mục đỏ, Linh-mục đỏ, tay sai của Mạc-tư-khoa.

— BÁCH-KHOA : *Sau phong trào tranh đấu của sinh viên bùng nổ ở Tây-Đức, Ý, và nhất là ở Pháp vào tháng 5/68, người ta có một nhận-định rằng : vai trò tiên-phong trong cách mạng ở các nước tiên tiến là do các sinh viên, tu sĩ và trí thức đảm trách chứ không còn do công-nhân như quan niệm mác-xít trước đây. Anh nghĩ sao về nhận định này ?*

— NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Cách đây một thế-kỷ, từ khi có chủ-nghĩa Mác-xít và ảnh-hưởng của chủ-nghĩa này, mỗi khi nói đến Cách-mạng xã-hội quả thực người ta nghĩ ngay đến vai trò tiên-phong của giai-cấp công-nhân... Điều đó đúng vì Cách-mạng xã-hội, do đảng Cộng-sản lãnh đạo, đã thành công tại Nga-sô, và ngày nay một nửa thế giới đã chịu ảnh hưởng của cuộc cách-mạng này.

Tuy nhiên nhiều biến chuyển cũng đã xảy ra tại những nước tư-bản. Một đảng, giai-cấp tư-bản thành hình tại nhiều nơi trên thế-giới, nhưng «vốn» có khuynh hướng « dân chủ hóa » nghĩa là được chia cả cho chuyên viên và thợ.

Tư-bản cũng không chống lại những tiến-bộ xã-hội. Tư-bản « dã man » thời sơ khai chỉ còn lại ở một vài nơi (Các thuộc-địa, Châu Mỹ La-tinh). Ở các nước kỹ nghệ, chủ đã làm cho khả-năng tiêu-thụ của thợ gia-tăng, không phải vì lòng nhân-đạo, nhưng để gia-tăng mức sản-xuất và mức tiêu-thụ hàng-hóa bằng cách tăng lương, mua trả góp.

Việc tổ-chức kỹ-nghệ cũng được « nhân-đạo-hóa » theo chính-sách mà người Mỹ gọi là « quan-hệ có tính người » (human relations) nghĩa là chú ý đến những khó khăn về gia-đình của thợ, cải-thiện lề lối làm việc cho đỡ mệt nhọc v.v.. cũng có thể không phải vì nhân-đạo, mà chỉ vì gia-tăng sản-xuất làm việc. Tuy nhiên chính sách trên cũng làm cho đời sống vật-chất của thợ bớt lầm than, đồng - thời tạo hoàn cảnh « trưởng-giả-hóa, » và giảm bớt ý-chí đấu-tranh trong việc nâng cao mức sống của người thợ mà thôi.

Đảng khác người thợ ở những nước có huộ-địa cũng được chia xẻ, hưởng-thụ sự giàu có của nước mình, do việc khai thác, chiếm đoạt tài-nguyên các nước bị đô hộ mang lại. Thế nên, người thợ dễ trở thành đồng lõa với đế-quốc và cũng không muốn cho các thuộc-địa của nước mình được giải-phóng. Ngay từ đầu hồi đầu, Engels đã thấy tình trạng và tâm-lý trên của người thợ

như trong thư gửi cho Kausky (1882) Engels đã phàn nàn : « Bạn hỏi tôi thợ thuyền Anh nghĩ gì về chính-sách thuộc-địa. Đây này, họ cũng nghĩ như họ nghĩ về chính-trị nói chung, như bọn trưởng-giả... Ở đây không có một đảng thợ thuyền, chỉ có đảng bảo-thủ và đảng tự-do, còn thợ-thuyền họ lợi dụng một cách bình thản với những bọn trên, về độc-quyền thuộc-địa của nước Anh và độc-quyền của nước Anh về thị trường quốc-tế »

Sở dĩ tôi muốn nhắc tới diễn-tiến của chế-độ tư-bản và phong trào thợ thuyền là để tìm hiểu tại sao ngày nay, giai cấp công-nhân ở các nước tư-bản, hoặc lãnh đạo, hoặc chống lại với chiến-tranh cách-mạng giải-phóng dân-tộc, cách-mạng xã-hội, ở các nước chậm tiến, và cũng không còn phải là giai-cấp tiên-phong cách-mạng ở ngay trong nước họ. Các phong-trào tranh đấu cách-mạng của sinh viên ở Đức, Ý không được giới thợ thuyền ủng-hộ ; ở Pháp hồi tháng 5/68 cũng vậy, chỉ về sau sinh viên mới liên-kết được với công nhân ; Ở Mỹ, thợ thuyền chống sinh-viên, trí-thức và biểu-tình ủng hộ chính-phủ Thái độ trên đây của thợ phù hợp với phân-tách của Lénine. Trong « Là n gì ? » Lénine phân biệt ý-thức nghiệp-đoàn bột phát với ý - thức chính - trị. Tự họ, thợ chỉ có thể có ý-thức nghiệp - đoàn, nghĩa là ý-thức về quyền lợi của mình mâu-thuẫn với quyền lợi của chủ và thấy cần phải liên-kết thành nghiệp-đoàn để tranh đấu với chủ về tiền lương hay điều kiện sinh sống, làm việc. Người thợ tự không thể có ý-thức chính-trị, nghĩa là ý-thức về sự đối lập giữa quyền lợi của họ với một trật tự xã-hội và toàn bộ chế-độ chính trị với những ý-thức-hệ thống trị của nó, một ý-thức vượt khỏi tranh đấu kinh-tế, quan-hệ thợ-chủ. Ý-thức-hệ đó chỉ có thể đem đến cho họ từ bên ngoài do những người trí-thức. Chính Marx và Enge's, những người sáng lập ra chủ-nghĩa Xã-hội khoa-học, lại thuộc tầng lớp trưởng-giả. Do đó, theo Lénine, cần phải có Đảng tổ-chức cách mạng để giáo dục, lãnh đạo, giác ngộ thợ thuyền.

Vậy trong những nước không có Đảng, hay Đảng quá yếu (như ở Mỹ) thợ thuyền dĩ nhiên thiếu lãnh-đạo giáo-dục, dễ ngừng lại ở ý thức nghiệp-đoàn, nhất là khi giới lãnh-đạo nghiệp-đoàn lại cấu kết với tư-bản, với chính-quyền hoặc bị những thế-lực đó mua-chuộc, và đảng khác, thợ một phần nào đã «trưởng-giả-hóa» vì những cải-tiến xã-hội do chế-độ tư-bản tạo ra.

Ngay cả ở những nước tư-bản có Đảng mạnh (ở Pháp) giới thợ cũng bị hạn chế trong vai-trò cách-mạng vì những chính-sách thỏa-hiệp giai-đoạn, tranh đấu hợp pháp, do Đảng chủ trương...

Thiếu lãnh-đạo, giác ngộ chính-trị, tự mình chỉ có ý-thức về quyền-lợi kinh-tế, thiên về làm hơn suy nghĩ, người thợ ít nhạy cảm với những mục-tiêu tranh đấu vượt quyền lợi giai-cấp, có tính cách phổ-biến. Đó là những lý-tưởng nhân-đạo, những giá-trị nhân-loại như : Độc lập dân tộc, Tự do, Dân chủ v.v..

Trái lại, sinh viên, trí thức và tu sĩ có điều kiện hơn để nhạy cảm với những tình-tự, lý-tưởng nhân đạo phổ-biến, vì họ được học nhiều hơn, được

rèn luyện trong tinh thần phê phán, nên dễ nhận ra những áp-bức, độc-tài, dù chúng được che dấu tinh vi trong những cơ-chế, bề ngoài có vẻ tiến-bộ, nhân-đạo; hơn nữa tuy thuộc về một giai-cấp (trưởng-giả, tư-sản, tiểu-tư-sản) nhưng họ có thể hoặc đồng lõa hoặc phủ nhận giai-cấp của mình, nhất là khi họ đứng ở cương-vị người trí-thức.

Người ta nhận thấy phong-trào sinh viên sôi nổi, quyết liệt hơn cả trong những nước tư-bản tiên tiến, thành công về kỹ-nghệ như Mỹ, Đức, Nhật. Như tôi đã nói, phong trào sinh-viên phản kháng, đặc biệt ở các nước trên, không phải chỉ nhằm chống lại một chế độ đại học, giáo dục, mà nhằm chống lại cả một xã-hội với những cơ-chế, ý-thức-hệ của nó. Đó là xã-hội tiêu-thụ, một xã-hội « vong thân » và càng vong thân nếu nó càng hoàn hảo, thành công trong lãnh-vực kỹ-nghệ, kinh-tế.

Theo chỗ tôi nghĩ, lý do nền tảng của sự phản kháng của sinh-viên ở các nước tư-bản tiên tiến là : xã-hội tư-bản là một thể-lực vật-chất, dựa trên kỹ-thuật và chủ-yếu nhằm hiệu-nghiệm kinh-tế. Người sinh-viên cảm thấy mình bị áp-bức trong những cơ chế của tổ chức xã-hội tư-bản (bao gồm cả Đại-học) và họ càng cảm thấy sự áp bức trên nếu những cơ-chế của tổ-chức xã-hội tư-bản càng hiệu nghiệm, chặt chẽ ; chẳng hạn ngay từ lúc họ vào đại-học, họ đã bị bắt buộc phải « hướng » về một ngành học nhất định. Dù sau khi ra trường họ là chuyên-viên, kỹ-sư, gì đi nữa thì họ cũng chỉ là người thừa-hành, đảm-nhận một chức-vụ đã được chỉ-định trong guồng máy, không có tự-do sáng tạo và quyền tham dự vào những quyết-định. Do đó, họ tự coi là « vô sản trí thức » và phải làm cách-mạng lật-đổ xã-hội phi-nhân trên đã đè bẹp tự-do của họ. Không thể nói họ tự lừa dối, vì họ có lương cao, đầy đủ tiện-nghi. Cũng như thợ hiện nay, dù họ có lương cao, tiện nghi vật chất, họ vẫn là tầng lớp bị áp-bức theo định-nghĩa của Marx về giai cấp, chủ yếu căn-cứ vào vai trò của giai-cấp trong sản-xuất. Người trí thức cũng như người thợ ngày nay họ đều là những người sản-xuất giá-trị thặng-dư và thuộc thành-phần « lao-động tập thể » như Marx nói trong bộ « Tư-bản luận ». Trong chiều-hướng đó, cuộc Cách-mạng mà họ mơ ước không phải là cải-thiện đời sống vật chất mà là vươn tới những giá-trị cao hơn.

Tuy nhiên, ở đây phải nói đến nguyên-nhân làm bùng nổ những tư tưởng phản-kháng trên. Nguyên nhân gần và trực tiếp hơn cả là « *Chiến tranh V.N. và thái độ của dân tộc V.N. trước cuộc chiến tranh đó.* »

Vụ khủng hoảng tháng 5-68 ở Pháp bắt nguồn từ phong-trào 22 tháng 3 ở Nanterre, do vụ cấm những « Ủy-ban VN » của sinh viên hoạt động chống chiến tranh VN. Ở Mỹ cũng vậy. Tại sao ?

Việc chính phủ Mỹ đem quân ồ ạt vào miền Nam và ném bom miền Bắc, theo sinh viên, trí thức, và tu sĩ ở nước tư bản tiên tiến là một bộc lộ trắng trợn, thô bạo, sức mạnh của cái thể-lực vật-chất, dựa vào kỹ-thuật của chế độ tư-bản, xã-hội tiêu thụ... Do đó, chiến tranh V.N. thiết yếu liên quan đến họ. Qua chiến tranh V.N, họ thấy những vấn-đề của họ, mà không nhìn trong chiều hướng đó không thể hiểu được tại sao. Thanh niên những nước trực tiếp liên-hệ đến V.N. (Mỹ) và ngay cả những nước không trực tiếp liên-hệ

như Hòa-lan, Anh, Đan-mạch, Thụy-điền v.v... đều phản ứng mãnh-liệt trước chiến tranh VN. (hỗng Mỹ hoặc ủng hộ Mỹ). Tôi muốn nói rằng chiến tranh VN làm cho thanh niên Âu Mỹ thấy những vấn-đề của chính họ và bà. tỏ thái độ của họ trước những vấn đề đó (vấn-đề xã-hội, áp-bức, như đã nói trên) bằng cách chống Mỹ, chống chiến tranh Việt-Nam.

Đảng khác những thanh niên trong các phong trào phản kháng chống chiến-tranh Việt-nam, bài Mỹ, tất nhiên có thiện cảm, thái độ phục đối với dân tộc Việt-Nam và ủng hộ chính quyền Miền Bắc và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Ở đây, có nhiều người phản nản những thanh niên trí thức Đại-học, tu-si trong các phong trào trên thiên lệch hoặc không hiểu gì vấn-đề Việt-Nam... Thực ra chính những người phản nản hiểu lầm họ. Nếu chịu tìm hiểu họ theo quan - điểm của họ, chúng ta sẽ thấy đối tượng chống đối của họ là sức mạnh áp-bức thống-trị con người của thể-lực vật - chất, dựa trên kỹ-thuật, mà sự can thiệp của ngoại bang bằng chiến-tranh phá hoại, tiêu diệt, là một biểu-lộ thô-bạo. Do đó dĩ nhiên họ có thiện cảm và ủng hộ những lực lượng, tổ chức, kháng cự lại sức mạnh của thể-lực vật-chất thống-trị. Trong viễn-tượng đó, họ nhìn Mặt Trận, Chính quyền miền Bắc như một lực lượng kháng cự trên. Nói cách khác, mâu thuẫn ở đây là mâu thuẫn giữa Mạnh và Yếu, Lớn và Nhỏ, và họ đứng về phía những người yếu, những quốc gia nhỏ, chứ không phải mâu thuẫn giữa Cộng sản và không Cộng sản.

Trong trường hợp Cộng-sản tham dự vào cái thể-lực của kẻ mạnh, thể-lực dựa vào kỹ thuật, đàn áp, thống trị, họ cũng chống Cộng-sản (trường hợp Liên-xô xâm lăng Tiệp-khắc, Hung). Nên nhớ chính những sinh viên ở các nước xã-hội Đông-Âu và ở cả Liên - xô cũng chống những chính quyền Cộng-sản như một thể-lực áp bức đã can thiệp thô bạo bằng vũ-lực, nhưng họ vẫn theo chủ nghĩa Mác, và còn nhân danh chủ nghĩa Mác để chống những hình thức biểu lộ của thể-lực áp bức trên.

Những sinh viên ở các nước tư-bản còn chống ngay cả các các đảng Cộng-sản trong nước họ, vì họ cho rằng những đảng Cộng-sản này đã trở thành giáo-điều, cứng-nhắc, hoặc đã thỏa hiệp với chính-quyền tư-bản, không còn là lực lượng cách-mạng, nhất là cách-mạng bằng bạo động. Họ cũng nhân danh lý thuyết Mác-Lénine, và đặc biệt dưới hình thức Troskít, vì Troskít tiêu-biểu cho sự phản-kháng cách-mạng triệt-đề nhất, tuy có thể là không-tương, để chống lại Đế-quốc và các đảng Cộng-sản mà họ coi là đã phản-hội lý tưởng Cộng-sản. Ở Pháp, người ta thấy rõ những tranh chấp, bạo động giữa các nhóm thiên tả Troskít với đảng Cộng-sản từ hồi tháng 5/68 cho đến bây giờ. Do đó, khi nói đến mác-xít, Cộng-sản, phải thấy rằng không có một mác-xít, một Cộng-sản, nhưng những mác-xít, những Cộng-sản, và dĩ nhiên có những đối lập tranh chấp quyết liệt giữa những mác-xít và Cộng-sản đó, không phải giữa các đảng Cộng-sản, các nước Cộng-sản mà giữa

các đảng Cộng-sản chính thống với những đảng, những tổ chức Cộng-sản không chính thống. Nói cách khác, người ta có thể theo Mác-xít, Cộng-sản mà không theo đảng Cộng-sản. Ngay cả một số thanh-niên trí-thức Công-giáo muốn làm cách-mạng cũng quan-niệm có thể chấp nhận Mác-xít như một chiến-lược cách-mạng, một lý-thuyết khoa-học tách rời, khỏi Mác-xít như một ý-thức-hệ, một cơ-chế cứng nhắc, giáo điều, một chính-quyền bạo tàn (Đảng, Nhà nước Cộng-sản).

Trái lại, trong trường hợp Cộng-sản bị ăn hiếp, áp bức (Cộng-sản nước nhỏ) hoặc do chính Cộng-sản đàn anh (Tiệp-khắc), hoặc do Đế-quốc (Việt-Nam, Cub.), họ ủng hộ những quốc gia Cộng-sản, những người Cộng-sản đó. Một cách cụ-thể, khi những sinh viên Âu-Mỹ đi biểu tình chống chiến tranh Việt Nam, mang cờ Mặt-trận, ảnh Hồ-chí-Minh không phải họ ủng hộ chính quyền miền Bắc, Mặt-trận vì là Cộng-sản nhưng vì là nước nhỏ bị một nước lớn ăn hiếp, nước chậm tiến bị một nước tiền tiến dùng vũ-lực, kỹ-thuật tối tân đè bẹp và họ coi Mặt-trận, Chính quyền miền Bắc tượng trưng cho sự kháng cự chống sức mạnh của thế-lực vật chất, dựa vào kỹ-thuật...

Khi Cohn-Bendit, một lãnh tụ của phong trào phản kháng Pháp hồi tháng 5-68 bị tố cáo là Do-thái Đức, sinh-viên phản-ứng bằng cách tự nhận: « Tất cả chúng tôi đều là Do-thái Đức », nghĩa là những người bị áp bức. Họ ủng hộ Do-thái khi Do-thái là một dân tộc bị áp bức, bị kỳ-thị, tiêu diệt, nhưng họ chống Do-thái khi Do-thái trở thành một quốc-gia tự cao tự đại và đe dọa xâm lăng vì dựa vào sức mạnh của thế lực kỹ-thuật ..

Như thế phải chăng vai trò cách-mạng ở các nước tiền tiến Âu-Mỹ do các sinh-viên trí-thức đảm nhiệm ?

Kinh-nghiệm tranh đấu gần đây của sinh viên các nước trên cho thấy quả thực sinh viên là thành phần khơi động Cách-mạng, làm bùng nổ Cách-mạng, trong một xã-hội bề ngoài hình như càng ngày càng xa cách với đòi hỏi Cách-mạng. Nhưng thực ra sinh viên chỉ khơi động hoặc nuôi dưỡng phong trào bùng lên, mà không thể kết thúc bằng một thay đổi thực sự nếu không liên-kết với các thành phần khác, đặc biệt là thành-phần công-nhân. Như đã nói trên, tính chất của phong trào sinh viên là bột phát, tình cảm, luân lý, do đó nếu cuộc tranh đấu kéo dài, đòi hỏi có tổ-chức, liên kết v.v.. sinh viên khó thực hiện được những đòi hỏi trên vì chính họ sẽ phân-hóa, chia rẽ thành từng nhóm, chống đối nhau, còn nói gì đến liên kết với các giới khác. Hơn nữa sinh viên không trực tiếp nắm giữ những then chốt của guồng máy xã-hội, kinh-tế, để có thể làm tê liệt chúng như công chức, thợ thuyền, nông dân vì những phản-kháng của sinh viên chỉ làm mất trật-tự công cộng là cùng.

Nói về sự cần thiết liên-kết trên, nhất là với công-nhân, những phong-trào sinh viên ở Mỹ, Đức trừ Pháp thật là cô-đơn, không những họ không lôi cuốn được công nhân ủng hộ, mà còn bị chế-dễu, đá đả. Công nhân cho rằng đó là những hành động múa rối của con cái trưởng-giả ; họ không hiểu được ngôn-

ngữ của sinh viên, vì sự cách quãng giữa hai tầng lớp ; sinh viên những nước đó không làm được như sinh viên Pháp, đến tận các nhà máy, công sở, giải thích, thuyết-phục đề nghị cộng tác. Không có trí thức thì không có tư-tưởng cách mạng, nhưng không có công nhân cũng không thể có hành-động cách-mạng hiệu-nghiệm.

BÁCH KHOA : *Anh đã cho biết vai trò cách-mạng của sinh viên và trí thức trong các nước tiên tiến, còn tại các nước chậm tiến phong trào sinh viên và trí thức tranh đấu ở vào vị trí nào trong công cuộc cách-mạng dân-tộc và xã-hội :*

— **NGUYỄN VĂN TRUNG :** Ở các nước chậm tiến những phong trào tranh đấu của sinh viên nở ra sớm hơn các nước Âu-Mỹ, đồng thời cũng có tính chất nghiêm-chỉnh, bi đát hơn, như tôi đã nói ở trên, nghĩa là thiếu hẳn tính cách đùa nghịch, vui nhộn của tuổi trẻ, ngay cả khi tranh đấu cách-mạng. Tôi nghĩ rằng một phần vì những mục-tiêu tranh đấu của sinh viên các nước chậm tiến trầm trọng hơn, thiết thân hơn, không phải chỉ liên quan đến những cách sống, mà là đụng chạm đến chính sự sống còn của mình, của dân-tộc. Nói rõ hơn, sinh viên ở các nước chậm tiến chưa đặt nặng đòi hỏi cách-mạng xã-hội, văn-hóa (tuy có nói đến) vì đòi hỏi cách-mạng dân-tộc cấp bách hơn.

Sinh viên đứng lên chống đối sự can thiệp chi-phối của ngoại bang, chống đối những chính quyền độc tài bản-xứ liên-hệ với sự can thiệp, chi phối trên, đòi giải phóng dân tộc, độc-lập quốc-gia, tự-do dân chủ, đòi hòa-bình trong trường hợp chiến tranh là bộc lộ thô bạo sự can thiệp của ngoại bang, dựa trên sức mạnh của thế-lực đồng tiền, kỹ-thuật.

Trong chiều-hướng đó, những phong trào tranh đấu của sinh viên các nước chậm tiến bắt gặp những phong trào tranh đấu của sinh viên các nước tiên tiến vì cùng chống lại một kẻ thù chung : Sức mạnh của thế-lực thống-trị dựa trên vật-vất, kỹ-thuật quyền bính. Sinh viên các nước tiên-tiến chống lại bộ mặt bề ngoài tiến bộ của thế-lực trên chi phối các cơ-chế chính-trị, văn hóa kinh tế của xã-hội, và len lỏi cả vào các tổ-chức cách-mạng. Sinh viên các nước chậm tiến chống lại bộ mặt bạo động thô bạo của nó dưới hình thức những can thiệp, thống-trị, lũng đoạn trắng trợn bằng vũ lực hoặc bằng đồng tiền.

Tuy nhiên hoàn cảnh tranh đấu có khác. Ở Âu-Mỹ, dù sao cũng có những khối áp-lực chính trị trực tiếp, đặc biệt là các đảng phái chính trị thực sự có tổ-chức, lãnh đạo quần chúng. Sự tranh đấu của sinh viên do đó thường bị hạn chế nhất là khi sự tranh đấu đó không phù hợp với quyền lợi của những khối áp lực, trên. Trái lại ở các nước chậm tiến, những khối áp-lực trên, hoặc không có, hoặc quá yếu vì đã bị phá sản, mất tin nhiệm, hữu danh vô thực : do đó tạo một chỗ trống cho những giới, tự nó là phe chính-trị, trở thành những khối áp-lực có khả-năng chi-phối, lật đổ những chính-thể (tôn giáo, quân-đội, sinh-viên). Người ta thấy rõ vai trò của những khối trên trong việc lật đổ chính-thể Lý-Thừa-Vân ở Nam-Cao, chính-thể Ngô-Đình-Diệm ở Việt-Nam.

Nhưng một điều đáng chú ý là những khối áp-lực mới này ở các nước chậm tiến chỉ thành công trong việc làm thay đổi những chính-thể, mà chưa làm thay đổi được những chế-độ. Và sau nhiều lần làm thay đổi được những

chính-thề, người ta mới nhận ra: thay đổi chính-thề chưa đi đến đâu nếu không thay đổi được chế-độ. Đặt mục-tiêu tranh-đấu vào những thay đổi chế độ mới thấy thực sự những khó khăn, tế nhị.

Chống một cá nhân, một hành động, một chính-phủ là một cái gì cụ-thể, dễ thấy, dễ sách-đăng, nhưng chống một chế độ, một chính-sách là một điều phức-tạp, khó thấy lời và do đó khó thuyết phục, vận động quần chúng hơn.

Chẳng hạn trước tình hình miền Nam, đặc biệt ở các đô-thị hiện nay, đâu là những mục-tiêu tranh đấu nhằm thay đổi cả chế độ (không phải cá nhân hay một chính-quyền) và phải tranh đấu thế nào? Thậ khó nói, vì quá nhiều yếu-tố, dữ-kiện nội bộ, ngoại lai xen kẽ, tác-dụng lố-tượng tạo thành những t ế kẹt, ngõ cụt, rất khó gỡ, khó tìm ra được những lối thoát thỏa đáng.

Thêm vào đó, phải nói đến sự mệt mỏi, hoài nghi do một tình cảnh tranh đấu đã kéo dài quá lâu, với những ảo-tưởng cay đắng: chẳng hạn tranh đấu lật đổ một chính - thề mà làm gì, nếu không thay đổi được chế độ; Tranh đấu trong hoàn cảnh không được chủ-động, phải chằng là mắc-mưu, bị lợi-dụng?

Ngoài ra những phương-thức tranh đấu cũng trở thành quen thuộc, ít hấp dẫn (xuống đường hội-thảo, tuyệt thực, đêm không ngủ), nhưng sâu xa hơn là hai khó khăn lớn sau đây:

— 1) Lãnh-tụ sinh viên bị mất mát nhanh quá và nhiều quá. Một số người vừa vươn lên được đã, hoặc bị đẩy đến đường cùng phải nhảy sang bên kia, hoặc bị ngồi tù, đ liab, không có điều kiện, thời giờ, để lại cho những người đi sau kinh nghiệm tranh đấu, lãnh đạo. Những người đến sau phải bắt đầu lại từ đầu và từ số không.

— 2) Sự phân-hóa trầm trọng của những khối áp-lực mới. Tôn-giáo, sinh viên đều bị phân-hóa, không phải giữa tôn-giáo này với tôn-giáo kia, mà là giữa cùng một tôn-giáo. Không còn lực lượng nào là trội bật, và có khả-lăng lôi cuốn tập-hợp. Sinh viên tự mình đã phân-hóa, ngờ vực lẫn nhau, đi tìm liên-minh, cũng chỉ gặp những khối đã bị phân-hóa, nghi ngờ, oán thù lẫn nhau.

Đó là những nguyên-nhân, theo tôi, giải thích những khó khăn của phong trào tranh đấu của sinh viên hiện nay.

Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa, trong hoàn-cảnh xã-hội miền Nam hiện nay, sinh viên vẫn đóng một vai trò tiên-phong trong công cuộc cách-mạng dân-tộc, và cách-mạng xã-hội, là hai đòi hỏi thế nào cũng phải được thực hiện bằng cách này hay bằng cách khác, nếu đối-tượng thực sự là một thay đổi chế-độ thiết tưởng sinh viên phải duyệt lại những quan-niệm và chiến-thuật tranh đấu của mình.

Sự bột phát tình cảm của một phong-trào quần chúng, bùng lên rất nhanh thì cũng có thể xẹp xuống rất mau, khó có tác-dụng thay đổi được chế - độ.

Mục-tiêu rên đòi hỏi có lãnh-đạo lâu dài, tổ-chức chặt-chẽ, vận động quần-chúng rộng rãi, và sự tranh đấu trường-kỳ, kiên nhẫn, gian khổ không

nết mỗi nhưng nếu tính chất phong trào sinh viên là bột phát, tình cảm, luân lý, liệu sinh viên có thể tiến tới tổ-chức chặt chẽ, lãnh-đạo lâu dài v.v.. không ? Rất khó vì những tổ-chức sinh viên, Tổng-hội sinh viên không phải và cũng không thể là đảng-phái chính trị.

Trong cuộc tranh đấu hiện nay, sinh viên đã biết mở chiến-dịch giải-thích cho đồng bào ở các khu xóm, chợ búa, về mục-tiêu tranh đấu của mình, nhưng hơi muộn và không đủ. Vận động quần chúng là công tác sửa soạn cho tranh đấu chứ không phải đến sau cuộc tranh đấu. Trước khi bãi-khóa, sinh viên ít tìm cách tranh thủ quần chúng sinh viên và giới giáo-sư, nhưng tình hình như đó. chỗ cũng không báo trước cho nhà trường, giáo sư, nên đã đặt giáo sư vào một tình trạng cưỡng bức, đã rồi.

Nào ra có lẽ sinh viên nên tìm cách trình bày cuộc tranh đấu của mình như một tranh đấu cho tất cả mọi giới, thiết yếu liên-hệ đến mọi giới, đề trath thủ các giới (báo chí, quân đội, công nhân). Chẳng hạn khi tranh đấu cho những mục tiêu đại-học, giáo dục, mà chỉ nói Tự-trị ít ai hiểu rõ. Phải cho thấy những mục tiêu tranh đấu liên-hệ một cách cụ-thể đến các giới khác để được sự đồng tình, ủng hộ của họ. Chẳng hạn mục-tiêu dân-củ-hóa đại-học.

Nói tóm lại sự tranh đấu bột-phát của sinh-viên từ trước đến nay có ý nghĩa, giá trị lớn lao, nhưng cũng có giới hạn. Một cách-mạng chế-độ nhất là trong hoàn cảnh Việt-Nam đòi hỏi sự tranh-đấu trường kỳ, nhẫn nại, có tổ-chức, lãnh đạo chặt chẽ. Những đức tính trên, tầng lớp thanh niên trí thức không có bằng tầng lớp nông dân, công nhân. Do đó, đã rõ, nếu sinh viên, trí thức ở đô thị không liên kết được với hai tầng lớp trên thì sự tranh đấu của sinh viên sẽ chỉ có thể là một « chứng tích luân lý » cao đẹp mà thôi.

— BÁCH KHOA : *Riêng tại Miền Nam, hoàn cảnh có khác hơn mọi nơi là có chiến tranh với Cộng-sản cả chục năm nay ; vậy theo anh Cộng-sản có vai trò gì trong những cuộc tranh đấu chính trị ở vùng quốc-gia này ?*

— NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Chính vì tại Miền Nam này có chiến tranh từ nhiều năm nay mà sự xâm nhập của Cộng-sản vào mọi tổ chức chính trị, tôn giáo, đến cả chính quyền ở cấp bậc cao nhất là sự thông thường. Như tôi đã trình bày trước đây : tổ chức của sinh-viên học sinh rất lỏng lẻo nên rất dễ bị lợi dụng, do đó những lực lượng chính trị quốc-gia, chính quyền, hay Cộng-sản có lợi dụng sinh viên hay phong trào tranh đấu của sinh viên thì cũng chẳng có chi lạ. Cũng bởi vậy mà tôi còn nhớ rõ Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu, trong một buổi tiếp xúc với các Giáo-sư Đại-học về vấn đề sinh viên tranh đấu, có phân biệt 2 loại sinh viên :

1) Sinh viên vì nhiệt tình hăng say, vô tình bị Cộng-sản lợi dụng.

2) Cán bộ Cộng-sản làm sinh-viên để lũng đoạn.

và với loại sinh viên thứ nhất Ông nói đại-ý phải khoan dung, thông cảm, và sẵn sàng bỏ qua tất cả, còn những cán bộ Cộng-sản làm sinh viên, thì phải trừng trị theo luật hiện hành.

Nhà. lại lời của Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu tôi chỉ muốn nhấn mạnh về lập trường của nhà cầm quyền cũng coi sự lợi dụng của Cộng-sản là việc khó có thể trách là không đặt nặng vấn đề làm lỗi của người hay tổ chức vô tình bị lợi dụng.

Dùng biện-diện "có lợi cho Cộng-sản" chẳng hạn đề chụp mũ Cộng-sản cho như cuộc tranh đấu chống chính quyền cũng chẳng khác gì ở vùng Cộng-sản hề chống đối nhà cầm quyền là bị chụp mũ ngược lại: "Tay sai để quốc".

Ai cũng thấy việc chụp mũ chẳng giải quyết được gì. Nếu đã nhìn nhận những đòi hỏi sinh viên, thương-phế-binh là chính đáng, thì vấn đề là phải thỏa mãn ngay những đòi hỏi chính đáng, và như thế là chặn được từ gốc mọi lợi dụng. Nếu không thể giải quyết được, phải nhìn nhận là bất lực; hoặc có thể giải quyết mà không làm thì dư luận có quyền nghi ngờ chính quyền thiếu thiện-chí, hoặc muốn lợi dụng những phong trào tranh đấu đó. Chẳng hạn dư luận thắc mắc là những đòi hỏi lúc đầu của sinh viên chẳng có gì quá khích, chính quyền cũng đã nhìn nhận là chính đáng, hứa giải quyết nhưng rồi không giải quyết hẳn, còn làm to chuyện hơn khi bắt thêm những lãnh tụ khác nữa của sinh viên.

— BÁCH-KHOA : *Việc phong trào tranh đấu không phải chỉ giới hạn ở tập thể sinh viên mà nay đã lan rộng ra đến tập thể học sinh, nhất là ở Đô thành. Anh nghĩ sao về sự tham dự của học sinh vào phong trào tranh đấu của sinh viên?*

— NGUYỄN ẮN TRUNG : Sự tham gia của học sinh là một điều rất khích-lệ, vì học sinh là thành phần hăng say hơn sinh viên. Họ chưa suy nghĩ nhiều, nên cũng chưa cân nhắc, dẫn đo, vì suy nghĩ dẫn đo càng nhiều, càng dè dặt, và sau cùng càng ngại hành động, vì dẫn đo mãi thế nào cũng tìm được những lý do khuyến cáo không nên hành động. Trí thức, người lớn dĩ nhiên là dẫn đo nhiều rồi, sinh viên cũng dẫn đo.

Trong cuộc vùng dậy lởi tháng 5/68 của sinh viên Pháp, học sinh đã tham gia một cách rất tích cực và cũng làm cách-mạng trong học đường. Ở Việt-nam cũng giống đàn anh sinh viên, học sinh vùng dậy lao mình vào những tranh đấu chính trị nhiều hơn là đòi hỏi những cải cách về giáo dục. Qua tờ nội san số 1 của Tổng-đoàn học-sinh, người ta thấy những ưu tư về đất nước, dân tộc trội bật trong các bài báo. Học sinh VN, do hoàn cảnh bắt buộc, đã trưởng thành rất sớm và ưu tư trước tuổi phải ưu tư.

Có một điểm tôi thắc mắc mà chưa hiểu lý do là tại sao học sinh trường Cao-Thắng thường tham gia sớm nhất, hăng say nhất, và cũng không ngại dùng bạo động để tranh đấu? Phải chăng vì học sinh trường đó là một kết hợp cả trí thức lẫn lao động, một đặc điểm mà các trường khác không có?

— BÁCH-KHOA : *Anh cho hỏi một câu chót nữa : Anh là một giáo sư Đại học lâu năm, dạy ở nơi (Huế, Saigon, Dalat), lại ở cương vị lãnh đạo*

nhà trường, hẳn anh cũng biết khá nhiều về các sinh viên lãnh-tự của phong trào tranh đấu từ trước đến nay. Vậy anh có những nhận xét gì về các anh em đó?

— NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Tôi được quen biết và gần gũi với phần đông những sinh viên lãnh tự tranh đấu hiện nay cũng như từ 10 năm trước đây. Phải tìm hiểu con người của họ mới để hiểu những ý nghĩ, việc làm của họ, và do đó những phong trào tranh đấu của sinh viên từ 10 năm nay. Nhưng bài phỏng vấn đã quá dài, nên tôi không thể nói nhiều về điểm này.

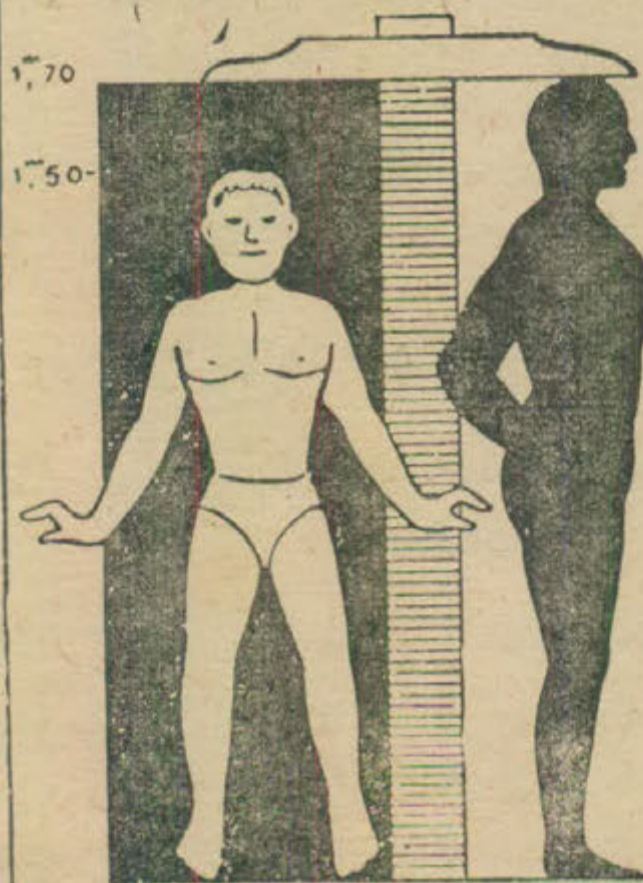
Tuy nhiên tôi có thể lược tóm và xác tín như sau : Những người tôi đã gặp, gần gũi, được họ tin cậy, hầu hết là những thanh niên thông minh, học giỏi, nghèo khổ, có tư cách, lịch thiệp và nhất là nhiệt tình, nhưng không hiểu động, vì biết suy nghĩ, có một nhận thức rõ rệt về việc làm, sứ mệnh của mình.

Đó là những thanh niên ưu tú, đáng thương, đáng mến, đáng phục. Cho nên dù kiên hay chê, đồng ý hay không đồng ý về việc làm của họ, thiết tưởng những đ. n. anh, người lớn cũng nên lưu ý đến khía cạnh con người của họ để thấy được trách-nhiệm của mình trước những lựa chọn của họ.

BÁCH - KHOA phỏng vấn

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABGHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 N.V. 20.000.1.100CPD

Park Lane

Park Lane
VIRGINIA
KING SIZE

*Khán nơi đều được
khen tặng cho:*

ĐẦU LỌC

ALCO CHRON

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Như pho tượng chống trời

Thuyết mở mắt, biết là trời đã sáng. Mặc dù có việc cần phải dậy sớm nhưng bản-tính lười-biếng xui Thuyết cứ nằm im. Nhìn sang giường bên cạnh thấy Tâm còn ngon giấc, người co lại như con tôm, Thuyết nhắm mắt ngủ tiếp. Vừa lúc ấy Tâm cựa mình, rồi tót mùng ngồi dậy, vẻ tởm loảng, vội vàng. Bước sang giường Thuyết, Tâm lay gọi:

— Dậy anh, chở con nó đi, gần sáng rồi.

Và Tâm lay thẳng Trung:

— Trung ơi! Dậy con, dậy đi lên chùa

Thằng Trung còn ú ớ, con Hoài ngọc đầu dậy, giọng nói thật tỉnh táo

— Mẹ dẫn thằng Trung lên chùa Hoa Sơn lớn?

Tâm vừa đỡ thằng Trung vừa dặn:

— Không có lên Hoa Sơn. Mẹ lên chùa Bửu Quốc. Hoài dậy coi con Yên nghe con. Chiều trong xác mẹ lấy mua bánh chị em ăn. Mẹ đi một chút không lâu đâu. Đừng bỏ nhà, dẫn em đi chơi, mẹ đánh đó.

Tâm thả thằng Trung xuống đất nó mới chịu thức hẳn đi theo mẹ đi đánh răng, rửa mặt. Khi Tâm trở vào thì Thuyết đã chải qua loa mai tóc kho bông, đang lên giầy chiếc đồng hồ tay mặt đầy dóm mốc.

Thuyết nói:

— Bảy giờ kém năm rồi. Đi là vừa.

Thuyết đã x ra sán. Thằng Trung ngồi giữa. Tâm ngồi phía sau, một tay vịn yên xe, một tay vuốt lên tóc thẳng Trung:

— Lay Trời, lay Phật... Ông Thầy chữa cho con khỏi bệnh. Có một chút mày, mày báo cáo không biết bao nhiêu mà kể..

Buổi sáng, đường phố tự-nhiên đông người. Tiết trời hơi lạnh-lạnh. Nhà nào cũng treo cờ. Thuyết nghĩ: Sao hôm nay có vẻ Tết quá? Và Thuyết chợt nhớ: À! Hôm nay ban-hành luật Người cày có ruộng, công sở nghỉ việc, tư gia treo cờ. Đến Ngã Năm, Tâm bảo Thuyết dừng lại để mua cho thằng Trung ổ bánh mì. Thằng Trung nhất định đòi mua ổ bánh mì tám đồng chứ không chịu ổ bánh mì năm đồng như mọi lần chị Hoài mua cho nó. Xe Thuyết bỏ thật nhanh dãy phố Phan-đình-Phùng rẽ vào chùa Bửu-Quốc. Sân chùa đã đầy người như một ngày hội lớn. Nhưng người lẫn không người đổ vào chùa. Honda, Vespa đèo nhau, Xích-lô đưa những bệnh nhân nặng. Trẻ con bồng trên tay. Người lớn trong tấm chăn trùm kín được thân nhân dìu xuống. Hàng hiên chùa Bửu-Quốc biến thành phòng đợi của những bệnh-nhân từ xa tới. Có những đứa bé đôi chân ngờ-ngợch, tong-teo như ống sậy, đầu to, bụng ồng. Có những bà già đôi mắt đục lờ. Có những cụ già cánh tay tê-

cứng bất động hoặc luôn luôn run-rẩy. Họ ăn-mặc nhau nát, rách rưới. Bên cạnh họ, những cái xác cũng nhau nát, bần-thiêu. Những cái song nắm khói đen sì. Chỉ có những chai xi-dầu mới khui, nhãn hiệu còn sạch-sẽ. Dưới gốc dừa và trúc-đào dọc theo hiên là những bàn bán nước giải-khát. Vài thanh-niên thiếu nữ ăn-mặc nửa quê, nửa tỉnh, lảng-vãng, mỉm cười nhìn nhau. Trước Phật-học-đường một tấm băng vải màu vàng kẻ hàng chữ « HOAN-NGHÊN PHAI-ĐOÀN CHÂM-CỨU PHƯỚC-THIỆN DO THƯỢNG-TỌA THÍCH T.A. HƯƠNG-DẪN ». Chung-quanh Phật-học-đường dây kẻ gai giăng kín như thời Chùa chiến bị phong-ổa. Mặc dù cửa Phật-học-đường còn đóng kín, người ta đã chen-chúc thật đông chờ đến lượt mình vào châm-cứu. Phía sau nơi trụ-sở Ban Hướng-đạo gia-đình Phật-tử người bu đẩy hai ửa sồ. Thuyết dừng lại, dựng xe, chạy về phía đó, vồn-vã hỏi đám đông :

— Phát giấy chỗ này phải không? Phát chưa? Phát chưa?

Tiếng nói trong đám đông :

— Phát gì nữa. Phát hồi sáu giờ sáng.

— Phát có một chút là hết giấy lên.

— Mười giờ. Mười giờ phát đợt trưa.

Thuyết bước lên bực thềm, nói bằng quơ :

— Mười giờ mới phát, bây giờ mấy người bu chỗ này làm gì?

Một người đàn bà, tay giữ song cửa sồ, nói vọng ra :

— Mấy giờ thì mấy giờ. Cứ giữ cái cửa sồ này cho chắc.

Những người khác :

— Bà dẹp cái nón đó đi. Chút nữa phát sồ là cái nón bà không còn nữa.

— Hồi mai tui tới trễ có một xí mà hết giấy. Tức thiệt,

— Hết gì. Nó phát cách sao đó. Phát đâu hồi hôm.

— Bữa nay Ban Trật-tự làm cách sao chớ như hồi hôm qua thì cũng như không. Hôm qua có bà già mua lại cái sồ hai trăm đồng mà rớt cuộc cũng không châm cứu được.

— Hôm qua người ta ào vào đập phá chỗ mấy ông Thầy, phải ngưng lại cầu-nguyện cả buổi sáng.

Thuyết lửng-thững quay lại chỗ dựng xe. Tâm đứng đó với một Giác-viên làm việc ở Văn-phòng Ty, rồi rút vẩy Thuyết :

— Có giấy rồi. Có giấy rồi.

Tâm chia ra mảnh giấy màu hồng, ghi số 266, đóng dấu Tỉnh-hội Phật-giáo và chỉ người Giác-viên.

— May quá! Anh Đức có hai giấy, anh cho lại một giấy.

Sau khi bắt tay Thuyết, Đức giơ bàn tay đó lên trời như cử-động của một nhạc trưởng. Đôi mắt tròn lại, đôi môi chu ra :

— Tôi tới đây sớm lắm. Chưa đầy sáu giờ. Lúc đó chẳng có mấy ai. Độ vài chục người thôi. Vậy mà phát giấy, tờ tôi lãnh là số 189 rồi. Xoay qua xoay lại, tôi xin chờ nửa thành 266 liền. Lại thiệt! Nếu bữa nay gọi theo số thứ tự thì bọn mình còn lâu. Cũng mười một giờ trưa là ít...

Thấy Tâm cầm giấy, một người chạy lại :

— Số bữa nay đây hở chị? Tôi có cái số ngày hôm qua (anh ta rút ra mảnh giấy trắng có đóng dấu và in số 1022) bữa nay không biết làm sao vô.

Đức cười :

— Vô gì được nữa. Giấy này phải đổi lại.

— Đâu ? Đồi chỗ nào đâu ? —
Người ấy hỏi nhanh :

Một vài thanh-niên Phật-tử xuất-hiện ở cửa Phật-học-Đường. Thấy họ, người ta ùa lại đông thêm. Người sau bám lấy người trước. Những người ở trong cùng, hai tay phải lo chống đỡ hàng rào dây kẽm gai trước mặt, định dùng lưng lấn trả ra sau. Tiếng la chi choé, ồn-ào :

— Lấn cái gì mà lấn dữ hở ? Tui nhào trong thép gai rồi đây !

— Xê ra bà con. Chưa gì hết mà. Người ta kêu số chớ ..

— Thứ tự gì ! Hôm qua ai mạnh lấn là chen vô được .

Mấy thanh-niên Phật-tử đã treo chiếc loa pin phía dưới tấm băng vải. Người Trưởng toán có đôi mắt vừa sâu, vừa sắc, miệng hơi móm hai hàm răng dày khít, tử máu. Một... hai... ba... bốn... năm... Và tiếng nói anh ta truyền đi :

— Xin chú-ý. Yêu-ầu đồng-bà giữ trật-tự. Hôm nay chúng-tôi sẽ kêu theo số thứ-tự đã phát Buđi sáng định cho những bệnh-nhân có vé màu hồng. Những vé màu trắng ngày hôm qua chúng tôi đã cho đổi lại lúc năm giờ rưỡi sáng. Ai không đổi, giờ này vé đó không còn giá-trị nữa. Xin mời những bệnh nhân có số thứ-tự từ 1 đến 10 cầm vé chờ sẵn. Những bệnh nhân có số thứ-tự lớn xin mời lui ra ngoài đợi cho rộng-rãi.

Những lời nói ấy như rơi vào khoảng không Cửa Phật-học-đường ở người ta càng chen lấn. Toán Trật-tự được tăng cường. Những thanh-niên Phật-tử đem thêm mấy cái băng đặt phía trong dây kẽm gai và ngồi kín lên đó làm hàng rào.

Cái may mắn thứ nhất của hôm nay rơi về tay một người đàn-bà tứ-tuần. Sau khi vượt khỏi hai lớp hàng rào, một lớp rào bằng kim-loại của nước bạn Đồng-Minh đem đến để phụng-sự chiến tranh và một lớp hàng rào làm bằng cơ-thể của những con dân đất nước này mang trong lòng tinh-thần từ-bi của Đức Phật, bà bước vào xá mấy xá trước một cái thùng gỗ có dán mảnh giấy ghi « Công Đức Tùy Hỷ » và lần trong túi ra lấy mấy tờ giấy bạc bỏ vào thùng. Một nữ đoàn-sinh Phật-tử đưa bà đến bàn vị Thượng-Tọa áo vàng, chỉ ghế cho bà ngồi. Trên bàn Thượng-tọa để một đĩa đựng kim, một đĩa đựng bông thắm còn mấy quyển sách chữ nhỏ, một tập giấy và cây gậy ngắn như của mấy ông Tướng cầm tay. Trên cửa sổ phía trái Thượng tọa, một cánh quạt nhỏ vừa bắt đầu chạy. Giữa phòng là bàn thờ Phật, hai ngọn nến lớn đang cháy. Phía đối với bàn Thượng-tọa là một bàn nữa, để nhiều dụng-cụ châm-cứu. Hai ba vị sư áo xám, một số Nam nữ Phật-tử và vài người trong Ban Tổ-chức đứng xung-quanh đó. Những bệnh nhân vào sau được xếp ngồi trên mấy dây băng kê sát tường. Lần lượt, họ đến bàn Thượng-tọa để châm-cứu huyết chính. Thượng-tọa cầm cái gậy ngắn gõ nhẹ lên đầu họ. Sau đó qua bàn các Thầy áo xám để châm-cứu tiếp. Đoạn, họ cung-kính lạy Phật và ra ngoài bằng lối cửa hông phải. Ở cửa này, sự chen chúc không kém cửa trước. Người ta nài nỉ, nhân viên giữ cửa :

— Cho tôi vô một chút. Tôi chờ hai ngày rồi mà cửa trước vô không được.

— Làm ơn cho tôi vô một chút. Mấy chú thương tình mà...

Người giữ cửa trả lời :

— Cửa này là cửa ra. Bà con có số thứ tự vô ngộ trước chớ.

Nài-ni không được, một người gạt mạnh đi vào. Bà Trật tự phải vội-vàng đóng cửa lại, chỉ hé mở khi có người bên trong ra.

Biết là còn lâu mới đến lượt, Thuyết dắt xe ra chân tháp ngồi nghỉ. Chợt có ai đập vào vai, Thuyết quay lại : A, Liệu. Liệu hỏi Thuyết qua loa rồi chạy vào trong :

— Đi kiếm cái số đã.

Chỉnng tám phút sau, Liệu tươi-cười trở lại với vé mang số 34 :

— May gặp người quen xin được cái số nhỏ. Đề về ở hãng con tới, mình dẫn nó vào, châm nó, châm luôn cho mình. Được hai cha con, đỡ khổ...

Liệu cười giòn. Tiếng cười hòa trong tiếng xe Lambretta Liệu đạp nổ

Từ loa phóng-thanh, Ban Trật tự mời bệnh-nhân mang số 06 và 08 vào phòng Đức có ẻ thành-hạo :

— Hai số đó kêu tới trưa sừ mấy mà có. Tụi nó lấy đề dành cho người quen đó. Chắc là còn đâu trong túi chớ chưa cho ..

Mặt trời lên cao. Nắng bắt đầu gay-gắt. Cụ già Năm chống gậy vào đến giữa sân chùa thì đứng lại. Dưới ánh nắng, người cụ như gầy thêm, da mặt nhăn-nheo và đen thêm. Cụ đã ngoài bảy mươi và thường bị ho. Cụ bà nghe nói Thầy châm-ứu hay lắm. Có người lịm bị thương bại cả hai chân, đến Thầy châm có một mũi là đứng dậy đi liền. Người ta ở La-ba, sông-phà cơm đùm gạo gọi vào xin thuốc. Mình ở gần chuyện gì không rần tới xin châm-cứu. Ban đầu cụ già Năm không đi. Cụ cho rằng chỉ

là một lối truyền đạo của các Thầy chứ làm sao trị nổi bá chứng. Mà dù có trị bá chứng cũng phải có thời - gian định bệnh. Làm sao chữa mỗi ngày cả trăm bệnh hay cả trăm. Những lời đồn-đài kia nhất-định là không xác-thực. Có thể do mấy anh lái xe bịa ra cũng nên. Cụ nhắc lại chuyện lấy nước thánh năm nọ Nước thánh trị bá bệnh. Khiến cho xe hơi, xe lam không còn chỗ chở người. Thậm-chí những thùng thiếc, những chai không, cũng leo thang giá-trị. Bà Tư Đổng lặn-lội ra tới Quảng xin nước chữa mắt, mắt mù thêm thì có ! Bị cụ bà nói mãi, cụ già Năm tạm tin ở khoa châm-cứu. Nhưng theo cụ có kết quả chẳng là đối với những bệnh-nhân trẻ, bị về gân, về huyết. Chứ già-cả, ho-hen như cụ thì có Thánh cũ g thua chớ đừng nói Thầy. Cụ bà nói ông Thầy này họ phép châm-cứu bên Nhật và ông đi như vậy là có giấy của Tổng - thống cấp chớ không phải chuyện nói suông. Cụ già Năm tức quá ã lại. Chớ mấy ông Bác-sĩ Đại-Hàn dới Ty Y-ể học ở đâu. Học bên Đại-Hàn chịu thua bệnh cụ thì học ở Nhật cũng thế. Cụ bà viện thêm một lý-do nữa. Cả Ty Y-tế lên xin châm-cứu hết. Từ mấy ông Bác-sĩ người mình cho tới mấy ông Bác-sĩ Đại-Hàn, mấy người công-giáo nữa, chống dữ lắm mà hôm qua nay không thiếu mặt nào ở chùa. Cuối cùng, cụ già Năm đành chống gậy đi. Cụ không có sức để chea lẫn, không muốn nài-ni, nên không cách nào có một vé số thứ-tự để vào phòng châm-cứu. Cũng không thêm tìm bóng mát trú nắng. Cụ già Năm chống gậy đứng giữa sân chùa, cô-đơn hốc-hác, như một pho tượng đá chống trời.

Tiếng loa phóng thanh kêu gọi giữ trật-tự, đừng chen lẫn và mời những

người có số từ 30 đến 40. Trong đám đợi-chờ, có vẻ ngạc-nhiên thất vọng :

— Trời ơi! Hồi mai giờ mà mới số 40 thì biết chừng nào. .

— 40 số chớ cả trăm người trong đó. Hồi mai giờ vô biết bao nhiêu..

— Những người nặng không cần số. Cứ lại đó là anh em Phật tử dốt vô liền.

— Trẻ nhỏ cũ g không cần số. Trẻ nhỏ gởi vô được.

Một chiếc xe Jeep xích đồ trước sân chùa. Trên xe bước xuống, một người đàn ông mặc vét-tông, thắt cà-vạt, một người đàn bà với chiếc áo dài màu vàng thắm. Hai ông bà đi về phía cửa hông vào Phật-học-đường. Người đàn ông lạy Phật rồi mới tới ban Thượng-tọa xin châm-cứu. Sau đó, tới lượt người đàn bà và họ trở ra, lên xe. Xe nổ máy, lùi lại, quay đầu. Nhiều người nhao nhao :

— Vợ chồng lão này làm ông gì mà sướng vậy? Hôm qua cũng thấy tới là vô được liền.

— Ông làm trong Phật đó chớ.

— Ông gì thì ông cũng phải có thứ tự chớ. Biết mấy ông gia bà cả chờ hôm qua nay thì sao?

— Thằng cha đó làm Trưởng-ty Ngân nòng mà...

Có người chép miệng, bực mình.

Nước mình không hòa-bình được cũng phải. Đang lý ai ai cũng biết tự trọng thì cần gì chen lấn. Cũng không cần phát số nữa. Cứ sắp hàng đó, ai tới trước đứng trước, tới sau đứng sau, lần-lượt vô hết người...

Anh ta đang nói nửa câu thì có tiếng hô :

— Phát số. Phát số.

Hơn nữa số người chen lấn trước cửa Phật-học-đường và nhiều người đang chờ ở chân tháp, bóng cây, rùng rùng xô nhau chạy về dãy nhà phát số. Bụi tung đầy. Những gánh đậu non, xa xoa, những thúng xôi đây vôi-vàng. Vài người đang ăn, đứng đây cầu nều. Nơi khung cửa sổ chỉ còn thấy những cánh tay. Những cánh tay như kêu cứu, chơi-với, vẫy vùng. Người phát số bên trong đứng trên băng cao, bình tĩnh lựa từng cánh tay. Từng màu số nhỏ xuống, bị đón lấy, như con chim mồi vào chiếc bẫy. Người phát số vói ra xa :

— Phát cho mấy ông già, bà già trước.

Bên ngoài, người ta vẫn ào ào đến thêm. Kéo tay người trước xuống để đưa tay mình lên. Người lãnh được số rồi phải nắm chặt trong lòng tay sợ bị giật mất, cố sức chui ra thì bị lớp người bên ngoài ép vào. .

Chờ đợi quá lâu, Thuyết đưa tay lên che cái ngáp dai. Bỗng Thuyết chú ý đến một người mặc quân phục, đi chiếc Suzuki vào. Khuôn mặt ngờ-ngợ quen-quen. Trên áo kẻ tên THƯƠNG. Anh ta cười, chào Thuyết, và hỏi :

— Cần gì đó anh?

— Đưa thằng cháu đi châm cứu mà không vào được.

— Cháu bị sao anh?

— Dạ nó bị suyễn.

— Vậy hả? Dẫn nó vào thử...

Anh ta dắt xe về bên hiên chùa, thẩn thoắt tiến lại phía cửa hông. Thuyết bế thằng Trung theo. Tâm mừng rỡ cười vui ra mặt. Người lính vừa gõ vừa gọi :

— Mở cửa. Mở cửa.

Cánh cửa mở, anh ta lách mình vào,

Thuyết chưa kịp dắt thẳng Trung theo thì cánh cửa đã đóng kín lại. Thuyết mắt liên lạc với người lính, đành nói với người giữ cửa :

— Cho tôi đem thẳng nhỏ vô một tí. Tôi nói với ông Thượng rồi.

Người giữ cửa từ chối. K ông hiểu sao một chấp anh ra hé cửa, bảo :

— Cho thẳng nhỏ vô đi. Một mình nó thôi, anh không được vô.

Trăng trong rơm - ở nước mắt :

— Cha vô với con..

Thuyết ừ :

— Đề cha vô với con.

Nhưng thẳng Trung vừa lọt vào thì người giữ cửa kéo Thuyết lại, khép chặt. Mấy người đứng gần đó phân bì :

— Đó! Thằng nhỏ này mới lai được vô liền.

Bây giờ Thuyết mắt liên-lạc với thẳng con. Hình như nó khốc bên trong. Thuyết gạt mọi người, chạy vòng qua phía cửa sổ bàn Thượng-tọa áo-vàng, trèo lên thềm, chen trong cuộn dây kẽm gai đứng nhìn. Một cô gái Phật-tử bế thẳng Trung đang dây khốc Thuyết ra hiệu cho con thấy mình. Người lính tên Thượng đứng giữa phòng, thấy Thuyết, chỉ tay về phía cửa trước. Thuyết vạch, dây kẽm gai, nhảy xuống, vòng ra cửa trước. Thượng đã có mặt ở đó, hỏi :

— Thằng nhỏ vô chưa?

— Vô rồi. Nó mặc cái áo đỏ đó.

Người lính quay vào. Thuyết trở lại cửa sổ bàn vị Thượng - tọa. Thằng Trung vừa được châm cứu xong. Cô gái bế nó lại bên bàn mấy thầy áo xám châm cứu tiếp. Thuyết nhảy xuống sân. Chân vướng phải dây kẽm gai róm máu. Trở về cửa hông kịp lúc người ta bế thẳng Trung ra. Thuyết đón lấy con. Nước mắt thẳng Trung còn đầm đìa trên mặt. Tâm lúc này giờ cũng chạy theo lộ trình của Thuyết, đã đến nơi, lau nước mắt cho con. Ra tới ngoài, thẳng Trung còn tức tưởi :

— Ông thầy chùa lấy kim đâm con, đau thiệt là đau.

Tâm an-úi con :

— Rán chịu con. Đau mà hết bệnh.

Và mừng rỡ giục Thuyết về.

Qua sân chùa, cụ già Năm vẫn còn chống gậy đứng giữa nắng, đầy vẻ chịu đựng, khắc khổ.

Gặp một người đàn bà hàng xóm, Tâm chào và Thuyết dừng xe lại. Hai người đàn bà hỏi nhau. Người kia nói với Tâm :

— Tui hay lắm ghen. Chờ lâu quá mà không có số. Tui mua một chai nước cam, rót ra ly, bùng vô. Ai cũng tưởng tui ở bên trong. Mấy người gác cửa cũng lầm. Tui mới vô chầu-cứu được đó chớ... Cười quá!....

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Hai người đàn bà cười vui vẻ. Thuyết cho xe chạy về nhà.

Vừa quạt cho thẳng Trung, Tâm vừa hỏi nó :

— Ông Thầy châm có đau không con ?

— Đau thiệt là đau.

— Ông châm chỗ nào ?

Thẳng Trung vén áo :

— Châm chỗ bụng con đây.

— "Cái cô gì đó, ăm con lại nói với ông Thầy sao ?

— Cồ nói con đau bụng.

Tâm vụt kêu lên :

— Trời ơi ! Thiệt na ? Cồ nói con đau bụng na ?

— Thiệt. Cồ nói con đau bụng. Ông thầy lấy cây Kim châm chỗ bụng.

Tâm nghe chân tay rụng-rời. Tất-cả nỗi vui-mừng tan biến hết. Và công chờ đợi từ bảy giờ sáng đến trưa là công cốc. Thẳng Trung nào có đau bụng ! Nó bị bệnh suyễn. Nào Bác-sĩ ta, Bác-sĩ Đại-Hàn. Nào thuốc ông Thầy-Lùn, thuốc suyễn Nguyễn-văn-Sanh, thuốc suyễn Võ-văn-Vân. Còn bao-nhiêu ngoại khoa nữa. Cũng không hết. Tâm đặt hi-vọng vào khoa châm-cứu. Ai ngờ... Tâm ân-hận mình

đã vội nghe lời người lính. Phải chi rón đợi tới số thứ tự, thế nào mình cũng vô được và khai bệnh rõ ràng cho Thầy chữa. Tâm hỏi Thuyết:

— Bây giờ mình ra hỏi lại cái con đó thử có phải nó nói đau bụng không. Anh còn nhớ con nhỏ bằng thẳng Trung chớ ?

Thuyết cười :

— Cả bọn con gái ăn mặc như nhau làm sao nhớ được con nào. Mà mình có nhớ được, làm sao nó nhớ đã nói với Thầy thế nào ! Nó bằng bao nhiêu trẻ nít chớ riêng thẳng Trung à ?

Thấy mặt Tâm dàu dàu, Thuyết an-ủi.

— Thôi cũng như mình châm cứu đề-phòng chứng đau bụng cho nó.

Tâm không trả lời Thuyết. Một lúc lâu, như nghĩ ra, Tâm mới nói :

— Được rồi ! Mai mình dậy sớm. Năm giờ ra chờ sẵn để kiểm cái số nhỏ. Mình lấy một miếng giấy, viết mấy chữ "EM NÀY BỊ BỆNH SUYỄN", ghim lên áo Thẳng Trung. Lỡ người ta không cho mình vô thì ông Thầy coi đó mà châm cứu cho nó.

TRẦN HUIỀN-ÂN

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

KHI NGƯỜI ĐIÊN... TRẢ THÙ



Đời, trả thù Đạo, trả thù Đảng
trả thù Danh-Lợi-Tình, trả thù Tư
bản lẫn Cộng-sản bằng những bài
thơ CÌ CỤC (hoặc KÌ KỤC, chớ
không KỶ CỤC), như :

*Trăm khoa mà thiếu một khoa
Thơ điên... thú thật là ta gặt mình.*

*Chính tà Luận mãi chẳng ra
Thơ điên... thú thật là ta hiểu liền.*

*Khởi hành rồi sẽ tới đâu ?
Thơ điên... thú thật đứng đầu sò
chi ? (Thơ Quảng cáo).*

*★ Tôi bán quán cho đời vui chut chut
Treo oc gan nhưng jữ lại tấm lòng.*

(Thích-Áo-Jac)

*★ Diệt hết lũ chuiên ngồi trên tiền cao bạc rộng
Nói ba nói hoa
Đấu láo đề lãnh triệu triệu đô - la
của Mĩ-gâc.. gọi là tiền viện trợ.
Ăn của dân đúng là quân man rợ !*

(Lê-Hoàng-Thwf)

*M... I jả dối : từ đầu mèi xuiên got căng,
M... I mât trinh : từ tâm tưởng đến thân hình..,
... Ở tình ! Ở nghĩa ! Ở lang bang !
Con đầu có một, hei năm bẻi
Kông keb vòng tei mới đóng Nàng.*

(Nguyễn-Ngu-Í)

Bạn đọc BÁCH-K OA, nhứt là những bạn đọc lâu năm, từng
quen và mến Bùi-Giáng và Nguyễn-Ngu-Í mà không có trong tay tập

THƠ ĐIÊN... (THỨ THIẾT)

Thì không phải là bạn của Bách-Khoa, lại càng không phải là bạn
của hai nhà thơ điên, một hiền một dữ, một họ Bùi xứ Quảng,
một họ Nguyễn miền Nghệ-Tĩnh, ứng-cử-viên-cầm-bút Chánh, Phó
Tổng-thống kì tới.

Đời loạn mà không đọc thơ điên, thì quả là « đồ... điên »

T ô c h á o l ò n g

Nỗi buồn của cha tôi, đối với cuộc đời khá phiền rộn này, phần lớn phải qui vào lỗi của ông Đạo Trầt.

Lúc ấy, tôi chưa có dịp chào đời nên không rõ được cận kề về mối tín ngưỡng khá kỳ quặc ấy. Theo lời mẹ tôi kể lại thì khoảng ba bốn mươi năm về trước, những người dân ở miền Nam ít nhiều đều biết Ông Đạo, bởi tín-đồ ông có đến hàng ngàn hàng vạn ở khắp thành thị, thôn quê. Ông đã cưới vợ, có con, rồi mới nghĩ ra một cách tu-hành mới mẻ nên vợ bỏ nhà ra đi, tìm một khúc sông vắng có nhiều người qua lại, cỡi trần thả ngựa dưới nước để mà hành đạo. Người vợ khốn khổ của ông, sau mất mấy ngày tìm kiếm, thấy được chồng mình đang nằm tênh hênh dưới nước, khóc lóc khuyên ông về nhà. Tức thì ông chỉ thẳng một ngón tay, quát lớn "Về đi!" và bà ngã lặn, bộc máu ở trên bờ sông mà chết. Người ta có thể giải-thích cái chết khá đột ngột ấy xảy ra do lòng phiền muộn lâu ngày, chợt nghe tiếng quát dứt tình tàn nhẫn nên không nén được phảo uất và sự xúc-động mạnh mẽ. Nhưng theo một số người thích các chuyện lạ thường, thì quả như thế thì ông đã đắc đạo rồi nên ngón tay ông mới có sức mạnh nhiệm màu, không cần quan tâm rằng sự đắc

đạo lại có thể đánh đổi bằng cái chết của người thân yêu.

Suốt đời, Ông Đạo không chịu mặc áo, cho nên mới có tên gọi là ông Đạo Trầt. Còn về phía dưới, tất nhiên là ông ta có mặc quần. Mỗi ngày ông Đạo chỉ ăn một bữa vào trưa, và ăn thuần một món xôi đậu xanh. Ông còn chủ trương khi chết không nên bỏ vào quan tài chật chội, nặng nề, rất khó siêu thoát chỉ nên bó xác bằng ba vạt tre và một chiếc chiếu, để sự chôn cất cho được nhẹ nhàng. Tuy vậy tín-đồ theo ông đều được tổ-chức như một triều-đình mà ông là vị thiên-tử, và mỗi khi có cúng tế phải lạy ông Đạo trước cả Trời, Phật, thánh thần. Một điều rắc rối là ông sửa đổi rất nhiều ngôn ngữ nên khi nghe ông, hoặc các tín-đồ của ông nói chuyện, người ta đến phải ngẩn ngơ. Ông gọi cục đường là cục ngộ, mắt ông gọi là mắt cung, đi lạc là đi lọt, cái cầu là cái kiêu... Phải có một quyền tự-điền vào loại bỏ túi mới ghi hết các danh từ của ông Đạo Trầt. Trong khi thiên hạ liú lo nói những tiếng Tây, tiếng Tàu, thì các người lớn — người lớn là tiếng ông Đạo gọi các tín-đồ — trò chuyện với nhau và thấy thú vị trong ngôn ngữ mới của mình. Cũng phải nhận rằng ngôn ngữ mới ấy chỉ là vá chắp,

pha trộn, như xôi đậu xanh mà thôi.

Cha tôi là một trong những người lớn tin-tưởng nhiệt-thành ở ông Đạo. Theo lời mẹ tôi thì cha tôi giống y hệt tính tình của ông nội tôi, bao giờ cũng thích vờ vập thiết tha những gì mới lạ (đến đây, mẹ tôi thở dài) còn bác Tư tôi thì lại giống hệt tính tình của bà nội tôi. Bà tôi không ưa những chuyện mơ hồ, xa xôi, cả đời chỉ quan tâm đến cái gì gần gũi và cần thiết nhất. Nói cho rõ hơn, đó là tiền bạc. Cha tôi từ khi biết được ông Đạo, chỉ nói chuyện về ông ta, sửa đổi ngôn ngữ đến nỗi nhiều khi mẹ tôi nắm gấu mà chẳng hiểu được ông nói những gì. Ông cũng tỏ ra thèm xôi đậu xanh hơn trước, lại thích ở trần, dù cái bụng ông nở nang hơn bộ ngực nhiều. Thói thường, khi ta yêu mê thứ gì, trừ đàn bà ra, thì ta vẫn thích người khác cùng ta yêu mê thứ ấy. Do đó, cha tôi tìm đủ mọi cách thuyết phục bác Tư của tôi trở thành *Người lớn* của ông Đạo-Trần.

Nhưng ông bác tôi là một khối sắt không có cách gì lay chuyển, ngoại trừ nam châm, là tiền. Ông đã bỏ học rất sớm, dù ông bà tôi có thể nuôi ông đi học cho đến mãn đời. Bác tôi cho rằng những người giàu sang xưa nay không hề có bằng cấp lớn, như vậy chữ nghĩa rõ ràng là thứ cản trở cho sự giàu sang. Ông bọc tiền lên Sài Gòn học đủ mọi nghề, từ nghề máy móc cho đến những nghề thường được phụ nữ độc quyền như là làm bánh, thêu thùa. Khi ông trở về, chỉ một thời gian ba tháng là ông chiếm được ưu thế ở trong gia đình. Áo quần của ông bà tôi được ông sửa chữa, may cắt,

bánh trái trong các kỳ giỗ đều do chính tay ông làm. Các thứ bánh ấy thứ nào cũng khéo và ngon — được chế tạo trong buồng kín, cửa khóa cẩn-thận, sau khi mang vào đủ các dụng cụ, vật liệu cần thiết. Sự dẫu nghề ấy rất được bà tôi ca ngợi, xem đó là cái bằng chứng của một người con hiếu thảo, giữ được nếp nhà. Chẳng lẽ mang tiền lên tận Sài Gòn học tập mà biết bao nhiêu công phu rồi để cho họ ngồi nhà cứ việc dòm vào ăn cắp tất cả bí quyết hay sao? Mãi về sau này, có vợ, có con khôn lớn, bác Tư của tôi đến ngày kỳ giỗ vẫn cùng gia đình làm bánh trong buồng, nhất định không cho bà con, thân quyến ai được thấp thoáng lại gần. Tưởng đến công việc chế bom kinh-khí ngày nay ở một số nước văn minh thì sự bảo vệ bí mật cũng đến mức ấy là cùng.

Ông bà nội tôi rất có nhiều con, nhưng rốt cuộc lại chỉ nuôi được có bốn người: ngoài bác Ba, bác Tư và cha tôi — thứ bảy — còn chú Chín tôi là út. Ông tôi vốn rất hào phóng, thích sự nhậu nhẹt, ăn xài, để ra Bác Ba của tôi rồi đến cha tôi cùng một cốt cách như thế, lầy lầm hoang mang hết cỡ. Trong một gia đình mà đến ba người cùng một chí hướng tiêu hoang thì dù tài sản có lớn bao nhiêu cũng sớm đội nón ra đi. Bởi vậy ông phải chọn mặt gửi vàng, và chia cho Bác Tư tôi cái phần gia-tài lớn nhất.

Khi cha của tôi đang bận tâm gọi con kiến là con *cánh*, bễ cao là *bễ kiêu*, cách nấu xôi đậu và chết bó vạt tre, lại cứ mỗi lần tự động nhảy mũi phải « dạ » một tiếng thật lớn — dù là đang nằm một mình hay ngồi giữa chốn đông người — cho đúng với cái nghi lễ của ông Đạo Trần, thì Bác Tư tôi đã dựng

lên được một cái nhà máy xay lúa rất lớn giữa đồng. Nhờ có hiểu qua chút ít máy móc, ông tự điều khiển nhà máy và đưa tất cả tám đứa con ông vào việc quản trị cái cơ sở ấy. Người thì đứng làm xếp máy, người quây bánh trón — một thứ « vô lăng » để lấy đà cho máy chạy — người thì cân gạo, thâu tiền, kẻ thì kiểm soát trấu cám v.v... còn ông thì Tổng Chỉ-huy. Riêng hai người con có vẻ lanh lợi hơn cả thì ông gửi lên Saigon học máy một thời-gian ngắn, rồi cho vào làm — không cần ăn lương — ở các nhà máy xay lúa cỡ lớn của các người Tàu để mà học thêm bí-quyết sửa đổi máy móc thế nào ăn gian gạo, tẩm cho được nhiều hơn. Mấy tháng đầu tiên gọi là tập-sự, các con của ông không có lương tiền gì ráo. Qua tháng hứ tư, tùy theo khả-năng từng người, ông cho một số lương bổng nhất định, nhưng không cấp phát hàng tháng mà ghi tất cả vào sổ, đợi đến khi nào ở riêng thì giao tổng-số lương ấy để làm vốn liếng mở một nhà máy xay khác ở làng bên cạnh. Nếu xét còn thiếu số vốn, thì ông là bậc cha mẹ ông rất sẵn lòng cho vay, chỉ lấy tiền lời một cách phải chăng, đủ cho đồng bạc của ông đưa ra khỏi thấy xót xa về nỗi thiệt thòi. Thấy cái tương lai có vẻ hứa hẹn nên các con ông hết lòng làm việc, và ông theo dõi từng người, tăng lương cho những đứa nào không biết ăn nhậu, tiêu xài, đồng thời trao các phần thưởng đích đáng cho đứa nào nghĩ ra cách ăn bớt: khéo léo gạo, cám, tẩm, trấu của những người mang lúa tới để xay. Ngoài ra, ông thi-hành kỷ-luật rất nghiêm khắc, sẵn sàng trừ lương bất cứ là đứa con nào ngủ trưa, đi trễ, hoặc

là tỏ ra có sự sơ xuất ở trong công ăn việc làm. Khi các con đã trưởng thành và bề thế ông càng ngày càng vững vàng hơn, ông nghiên cứu cách dựng vợ gả chồng cho từng đứa một, nhắm vào các nhà thế lực quanh vùng để củng cố thêm trư-thế của mình. Đứa thì rể ông Cai-Tông, đứa thì dâu ông Hương-Cả, ít nhiều gia-thế bên chồng hoặc là bên vợ của các con ông phải có một món địa-vị nào đó, và phải khá giàu để khi cần mở mang thêm công việc có thể chạy tiền một cách dễ dàng. Về các người làm, bác Tư của tôi trả lương rất bậ nhưng lại giao việc quá nhiều nên chỉ một thời gian ngắn họ đều rút đủ hết cả. bác liền thay đổi chính sách để dẫn dụ họ, bằng cách mua các món rượu, thuốc, trầu vào loại ngon nhất và để sẵn trong hộc bàn giữa nhà cho tự-do ai muốn dùng bao nhiêu cũng được. Thấy dễ thả lỏng như thế, người ta nghĩ không tội gì mà chẳng ăn xài. Chỉ một thời-gian, họ đâm ra nghiện, và nếu bỏ nhà bác tôi đi làm nơi khác thì không ở đâu có rượu, có thuốc ngon lành như thế, nên ít ngày sau họ lại lần mò đến xin bác tôi để mà làm lại, dù cho đồng lương có vẻ kém cỏi và công việc nặng nề hơn. Ở vào cái thời mà dân Miền Nam đi lại chỉ biết dùng ngựa như là phương tiện sang trọng thì nhà Bác-Tư của tôi có cả một bầy ngựa tốt để con cái cỡi nhong phong ngoài đường. Rồi cái thế hệ của ngựa tàn đi, người ta bắt đầu dùng món xe đạp cho văn minh hơn, thì con cái của Bác tôi đã có mỗi người một chiếc, bốp chuông kính-coong, inh ỏi ngoài lộ. Sau đó, khi xe máy đầu xuất hiện thì hai người con đầu lòng của bác đã có hai chiếc mô-tô nhỏ khời bình-bịch để mà chạy rảo trong làng. Tuy nhiên đến món xe hơi thì ông kiêng kỵ,

dù ông có thể mua sắm thông thả, vì ông cho rằng « thứ ấy chỉ để đi chơi chứ không phải để ăn mần ».

Suốt đời hai tiếng « ăn mần » ám ảnh Bác tôi, « ăn mần » bất cứ cách nào cho đạt tới sự giàu sang. Khốn nỗi không có tiêu-chuẩn nhất định của mức giàu sang phải là bao nhiêu thóc lúa, bạc tiền, nên Bác tôi cứ luôn luôn thắc thỏm về nỗi mình vẫn đang còn thiếu hụt, dù cái tủ sắ của ông luôn luôn đầy ngập những tiền.

Vào đầu năm ấy, thì ông Đạo Trần cho các người lớn của ông được biết một lời tiên-tri đối với vận mệnh của họ. Theo ông, năm ấy trời đất sẽ gây nên trận cuồng phong bão lụt khủng khiếp khắp miền, con người, con vật, cho đến cửa nhà, vờn tước cũng không thể nào tồn tại. Đó là một sự trừng phạt lớn nhất giáng xuống cho «nhơn sanh» này. Nhưng vì ông Đạo tự nhận là bậc ở trên trời đất nên ông thấu rõ thiên cơ, và khuyên bảo các người lớn của ông trong khắp mọi nơi trong suốt sáu tỉnh Miền Nam hãy nên thu dọn cửa nhà, chuẩn bị gạo, mắ, bạc tiền, kéo xuống ngọn núi ở vùng Bà-Rịa để mà lánh nạn một năm cho qua vận hạn khốn cùng.

Cha tôi nghe được tin ấy hồi hả khuyên bảo mẹ tôi sắp xếp để mà lên đường. Rồi ông vội vàng chạy sang Bác Ba và Bác Tư tôi, khuyến khích hai anh nên nghe theo lời Ông Đạo để mà bảo tồn tính mạng cũng như tài sản.

Bác Ba của tôi giữ chức Hương Cả trong làng, đứng đầu trong số mười hai hương mục, kỳ hào, vốn là các thứ địa-vị đã được người Pháp chế tạc để mà duy-trì trật-tự ở các xã thôn tại miền

Nam này. Về phần quyền lợi, ông cũng hưởng được gián-tiếp ít nhiều trong món công-nho của xã và hưởng một sự trọng vọng, nề nang của khắp dân làng, trừ dân làng ấy là ông Bác Tư giàu có của tôi. Ông Hương Cả Ba vẫn thường tự hào tron đời không làm hại đến một ai, chỉ làm thương-tồn rượu, thịt là loài vô giác vô tri. Ở làng, bất cứ ai có kỵ giỗ hay tiệc tùng gì cũng rằg mời mọc cho được ông Hương Cả Ba, như mời một vị chủ-tọa danh dự, để cho cuộc lễ thêm phần long-trọng. Chỉ có điểm khác là người chủ tọa danh-dự ở đây không chỉ can thiệp bằng phần tinh-thần mà bằng đôi đũa hết sức linh-hoạt và một bao tử có cái dung tích rất là rộng rãi. Cứ tính đồ đồng mỗi tháng Bác Ba của tôi ăn uống ở ngoài phạm vi gia-đình như thế trên hai mươi ngày, đó là thành tích lớn nhất mà ông đạt được trong suốt thời gian tại chức. Bác Ba rất mến cha tôi, và cũng ưa thích những gì mà cha tôi thích. Riêng về món ông Đạo Trần, thì cái điều khoản ăn xôi đậu xanh hơi làm cho ông ngần ngại. Tuy vậy, sự cản trở chính làm cho Bác tôi trở nên dè dặt trong nhiều vấn-đề, là ở bà Bác của tôi. Đối với những chuyện thiêng liêng, bà tin dứt khoát chỉ có Trời, Phật là trên tất cả, nếu có một giá trị nào xen vào thay thế Trời, Phật, dù cho nói hay nói giỏi bao nhiêu, cũng là giả mạo đó thôi. Đối với những chuyện thực tế thì bà cho rằng chỉ có « Chú Tư mới thiệt là khôn quá cỡ ». Nhà cái nhà máy tấp nập người ra kẻ vào, thấy đàn coa của Bác Tư đi lại xằng xái, bà không ngớt lời thán phục, rồi từ thán phục nảy sinh một nỗi căm ghét hết sức lạ lùng.

Khi nghe gia-đình cha tôi sắm sửa để đi lánh nạn thì Bác Ba tôi sừng sốt vội

về thuật chuyện cho vợ mình biết, với một ngụ ý thúc giục hết sức khẩn khoản. Nhưng Bà nghe xong, vẫn cứ đứng đưng như không, rồi thả một câu nguyền ngất: « Khéo nói cái chuyện điên khùng ». Bác tôi ngồi im, mặc nhiên chia xẻ lời nhận xét đó.

Còn Bác Tư tôi đón nhận cái tin khủng khiếp bằng nụ cười nhạt, rồi đảo cặp mắt gói tròn cái nhà máy xay trong một cái nhìn âu yếm. Với ông, trời lở đất long cũng chẳng có gì quan hệ. Chỉ có gạo, tấm, cám, trấu mới đáng lưu tâm. Và ở trên hết, là tiền.

Một buổi sáng nọ, cha mẹ của tôi gồng gánh lên đường. Trên cánh đồng trắng sương mù loáng thoáng đây đó bình bóng lờ mờ của những người lớn cùng một chuyến đi. Họ lặng lẽ bước với niềm tin tưởng sâu xa ở vận mệnh mình. Qua khỏi cánh đồng mênh mông, đến một bến đò. Ở đây, người lớn chen chúc chờ đợi thuê ghe đã mấy ngày rồi. Cha mẹ tôi phải nằm nhờ ở mái hiên sau của một ngôi nhà đồng-bào đã chật ních người. Nhớ đến ngôi nhà lợp ngói năm gian bây giờ bỏ trống giữa vườn cây trái sum suê, mẹ tôi không ngớt thở dài. Nhưng cha tôi vội an ủi, theo lời dạy bảo của Ông Đạo-Trần: « Đừng có ham mê những thứ của cải trước mắt mà quên tai hại về sau đang chực chờ mình ». Mẹ tôi tạm giữ vẻ mặt người khuây để cho cha tôi yên lòng. Suốt đời, người đàn bà ấy chỉ có mỗi một nỗi buồn, mỗi một niềm vui: làm cho chồng mình yên lòng, dù phải chịu đựng bất cứ là khổ nhọc nào. Mãi bốn ngày sau, hai người mới quá giang được trên một chiếc ghe chở khảm, nặng nề chuyền qua những kinh rạch ngoằn ngoèo. Rồi lại đổ bến, băng đồng, qua truông,

qua những xóm làng xa lạ. Rải rác đây đó, họ lại gặp ở những đoàn người lớn ở nhiều ngã đường và cùng nhập bọn để đi Càng thêm đông-đảo, niềm tin ở nơi lòng họ càng thấy vững mạnh, và uy thế của ông Đạo lại càng sáng tỏ như ánh mặt trời tháng năm sáng chói trên đầu.

Cuộc hành trình gian khổ nhưng đầy thiện tâm kéo dài gần một tháng trường mới đến ngọn núi đã được ông Đạo độ trì. Một quang cảnh khá rộn rịp bày ra trước mặt mọi người: hàng ngàn, hàng vạn «nhơn sanh», già trẻ, lớn bé, lũ lượt, nhôn nhao kéo đến cắt lều, dựng chòi ở ven chân núi. Những kẻ đến sau phải lên cao hơn, và cứ như thế những mái nhà nhỏ mọc lên như một phép lạ bám các sườn cao, điểm những chấm vàng lỏ chỗ trên màu cây xanh. Mỗi ngày một số con buôn chuyên chở bằng ghe hoặc bằng xe bò, xe trâu, xe ngựa các loại gỗ nẹp, lá buông, lá dứa, cùng những cây trĩ, cây tràm đến để cung cấp cho thị trường mới. Không ai phàn nàn về cái giá bán cắt cổ những vật-liệu ấy, vì chẳng hy vọng tìm mua ở nơi nào khác. Hơn nữa một đời mới có một lần như thế, miễn sao sinh mạng còn được toàn vẹn sau buổi tai nạn là quý lắm rồi.

Cha mẹ của tôi cũng có cái chòi nhỏ dựng dưới góc cây ở lưng chừng núi. Xa hẳn bà con, làng xóm, hai người thấy thương nhau hơn trong cảnh lạc-loại. Mỗi ngày họ chia nhau lấy nước, kiếm củi, đi mua gạo mắm, lúi húi lo chuyện cơm nước, sống một cuộc đời đơn giản, kỳ quặc mà họ không sao ngờ được có thể xảy ra trong kiếp sống mình. Một đêm tối trời bỗng nghe nhiều tiếng la ó nổi lên khắp núi. Tiếng kêu, tiếng khóc càng hiện rõ hơn, tiếng chân

tấp nập, hỗn loạn cùng với ánh lửa chập chờn làm cho bóng đêm đầy vẻ kinh hoàng. Cha mẹ của tôi tỉnh giấc, choàng dậy ngơ ngác nhìn nhau. Rồi một toán người cầm đuốc xông vào, chia những mũi dao nhọn hoắt vào ngực cha tôi, hỏi lớn:

— Tiền bạc để đâu? đưa mau!

Một giọng nói khác:

— Cho nó một dao lòi phèo ra coi!

Cha tôi cuống quýt gỡ cái vạt giường kê sát mặt đất lên cao, chỉ một chỗ có dấu lấp và hai ba người mặc mày góm ghiếc lấy lưỡi dao nhọn đào lên vôi vàng. Tiền bạc tư trang, gia sản của hai vợ chồng, đựng trong một cái hũ nhỏ, lọt hết vào tay bọn cướp. Hầu hết người lớn của ông Đạo Trần đều bị lột sạch mà không một ai dám chống cự lại. Khi đám cướp đông đảo ấy đi khỏi, nhiều người vẫn còn ngơ ngác, tưởng mình đang ở trong cảnh chiêm bao. Càng khuya, tiếng than, tiếng khóc vẫn còn vang dội khắp núi, và quả núi biến thành khối thê thảm khổng lồ.

Nhưng giữa nỗi tuyệt vọng tràn trề ấy, mẹ tôi thầm thì bảo với cha tôi:

— Đừng có than thở. Tôi còn dấu riêng được chút ít đây.

Nhiều năm sống cạnh người chồng chỉ thích tạo ra bất trắc, mẹ tôi không quên cần-thận dự liệu mọi điều tai hại có thể xảy ra. Múc tiền dấu riêng của

bà chẳng được là bao, nhưng đủ rau cháo cho hai vợ chồng lây lất chịu đựng một năm tị nạn.

Ông Đạo Trần có đến an ủi người lớn nhắc đi nhắc lại cho mọi người hiểu là không thể nào chống lại thiên-cơ mà không mất mát ít nhiều tiền của thay cho bần mạng, bị sự thiệt thòi như thế tức là bản thân mình được an toàn. Mọi người đều thấy ông nói có lý, nhưng không ngăn được âu lo về những tháng ngày đói lạnh sắp đến.

Trong hoàn cảnh ấy, cha tôi mới thấy mẹ tôi là người đàn bà hiếm có. Tình thương của ông có vẻ dồi dào hơn trước nên giữa những ngày bữa đói bữa no nằm trên sườn núi cheo leo, mẹ tôi bắt đầu thụ thai, và hình hài của đứa con đầu lòng là tôi được cấu tạo trong điều kiện khá ngặt nghèo ấy. Những ngày gió mưa kéo đến, cha mẹ tôi nếm những nỗi khổ nhọc nhất đời. Về sau mẹ tôi hay nhắc nhở lại giai đoạn này cho tôi nghe, đề gián tiếp kêu gọi tôi giữ gìn một cái chữ hiếu đã bị thời cuộc đất nước làm cho sứt mẻ tới bời.

Trong khi thu hình chờ đợi mưa gió qua mau, những người lớn của ông Đạo không quên cầu khẩn cho trời nổi cơn bão lụt cuồng phong quỉ khóc thần sầu. Chẳng lẽ khổ công lánh nạn như thế mà không xảy ra một cái tai nạn nào hết, thì coi sao được? Hơn nữa, cần phải trừng trị những bọn ở

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

nhà» không chịu ra đi nữa chớ ! Nhưng trời năm ấy không có vẻ gì khó chịu hơn các năm khác, và mùa mưa lụt trôi qua hết sức hễnh lành. Trước: khi người lớn gầy nheo gầy nhóc chuài bị bỏ lều bỏ núi ra về, Ông Đạo không quên giải thích cho thấy sự thành công lớn trong chuyến lánh nạn vừa rồi. Chính vì người lớn Ông Đạo đã lên núi cả, cho nên trời đất biết cơ mưu mình bại lộ đành phải tìm cách xử huề, không dám sinh sự lôi thôi, chỉ cần mưa gió lai rai chút ít như là mọi năm. Thế là đoàn người chiến thắng ấy lại lếch thếch gánh gồng, bồng bế, trở về quê cũ.

Trên chuyến hồi hương khá gian nan ấy, cái bụng mẹ tôi đã già ngày tháng, và năm ba lần tôi đã dọa dẫm đòi ra chào đời giữa quãng đồng không mông quạnh, khiến mẹ tôi phải rụng rời tay chân ngồi liều xuống giữa bãi sinh, còn cha tôi thì cố gắng quít, mếu máo, hối hận về mối nhiệt tình quá đáng của ông khi còn bám trên sườn núi cheo leo. Tuy vậy tôi là đứa con biết điều, và cũng khôn ngoan, nên sau khi đã nhõng nhẽo chút đỉnh để xác nhận sự quan-trọng của mình, tôi nhẫn nại đợi đến khi về nhà yên ổn mới chịu xuất đầu lộ diện. Để truy tặc sự biết điều của tôi, cha tôi bèn đặt cho tôi một cái tên rất phấn khởi là Lê Đại Khoẻ. Lúc ấy, hai người không biết nên cười hay là nên khóc. Nhà cửa, vườn tược, gần một năm trời bỏ phế đã bị phá phách tan nát, tiêu điều, y như một trận cuồng phong đã thổi qua đây. Bù lại, sau gần chín năm cưỡi nhau, bây giờ họ có một đứa con trai đầu lòng. Nhờ đó cha mẹ tôi không thắc mắc gì

nhiều về ông Đạo Trần. Nhưng tiếp những ngày sau đấy, nhiều luồng dư luận ở trong gia-đình, làng xóm, không ngớt diễu cợt, mỉa mai cha tôi về chuyện lánh nạn vừa rồi, khiến ông bắt đầu tự ngờ vực mình rồi ngờ vực luôn ông Đạo. Bác Ba tôi hỏi rất là tự nhiên; "Ở ngoài thế nào? Có thấy mưa gió gì hông?" thế mà cha tôi đỏ như cả mặt. Bác gái nói tiếp: "Ôi, hơi đâu mà lo! Bọn mình ở đây thì có Trời Phật phù hộ, vợ chồng chú ấy ra ngoài thì có Ông Đạo chở che." Nhưng Bác Tư tôi thì cười rất là thỏa mãn, rồi nói bô bô ở trong nhà máy: "Khéo đại mà nghe thằng cha Đạo Trần! Nó phỉnh ra ngoài Bà-Rịa để tổ chức bọn ăn cướp đoạt tiền, rồi mua nhà lớn, nhà nhỏ cho thuê ở trên Sê-Gôn! Nó còn hán vốn bản đồ cây, lá, xây cất nhà cửa ở ngoài nữa đó, hổng hết tiền. Chỉ có thằng chả là khôn!"

Ông lại cười lên ha hả, nói tiếp:

— Hể thằng nào khôn là sống, đó bây!

Bác tôi gián tiếp tự nâng mình lên ngang hàng với ông Đạo-Trần. Dù sự bình đẳng ấy được xác nhận âm thầm ở trên quan điểm trực lợi, nhưng bấy nhiêu cũng đủ làm cha tôi cảm thấy xót xa. Tất cả những lời bàn tán như thế khiến ông xa lẫn ông Đạo, nhưng ở ngoài mặt ông vẫn giữ nguyên tình cảm tôn-trọng như xưa. Tự ái con người xưa nay vẫn là một chất nhiên-liệu khá tốt góp phần đốt cho cháy sáng ngọn đèn tín-ngưỡng.

(còn tiếp 1 kỳ)

VŨ HẠNH

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Thơ LÊ-VĂN-TRUNG

Bên trời cổ xứ

dưới cội tùng xưa
bên hàng liễu rủ
một lòng thương nhớ
gởi về phương mô ?
nhớ người nhớ quê
ôi buồn nẻo nẽ !
ôi lòng tái tê !
dưới trời sương lạnh
đâu là quê nhà ?
núi xa sông xa
đường không mông quạnh
gởi theo cánh chim
bay về phương bắc
bay về phương nam
đường quê xa lác
trời quê mù tằm
nhớ sóng nhớ đò
cây đa bến cũ
dòng nước đôi bờ
bây giờ còn không
bên trời cổ xứ ?

trông vời non tây
ngónnà tìm bề đông
bóng chim tắm cá
mịt mù hư không

(Đànông 1.70)

Dạ sâu ngâm

bên cội thành xưa
bên tường rêu mọc
dưới bóng nguyệt mờ
em ngồi xõa tóc
thả sâu trong mơ
đàn ai tơ vàng
lời ai ngân vang
buồn như tiếng than
chìm trong đêm tàn
rơi trong sương tan
chim khuya chuyển cành
chuông chùa sang canh

(1.70)

QUÊN

Thơ ĐINH XUÂN PHƯƠNG

Nằm trong lá cỏ non này
Nghe trời u tịch cuối ngày đại dương
Nhớ hạt cát dưới khe truông
Nhớ chân mây thừa Hùng vương dựng thành
Nhớ con cà cuống tuổi xanh
Nhớ bông bình bá nhớ cảnh mù u
Nhớ người trong cõi ưu tư...

Thơ HOÀNG NGỌC CHÂU

Gửi người tình phụ

Tà xưa em chớ hẹn thề
Tội cho anh gửi tình đi biệt mù
Môi còn thơm mật em đưa
Hôn còn xanh lá mộng vừa hôm qua
Ở em giờ của người ta
Tình anh còn đậu tay gà nữa không ?

Mai kia

Chiều vàng em đến thăm anh
Phất phơ trong nắng vườn xanh áo hồng
Đầy trời mây trắng như bông
Đầy lòng anh hạnh phúc nồng như mơ
Mai kia bóng xế tuổi già
Anh nằm dưới mộ chờ qua mộng người

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn Văn Thỉnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cá h học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/5 1/6, và 1/7

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC..

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Một niện tượng lạ : Sáu tầng mây biếc của Phan Đào

Sáu tầng mây biếc là một tác-phẩm khiêm tốn. Khiêm tốn từ bề ngoài, với những chữ in và những nét vẽ cỡ-kính, khiêm tốn đến bên trong với cái số trang trên một trăm hai và năm câu chuyện đơn-giản nói về một thời xa khuất và những tập tục, cảnh tượng đồng quê.

Trong rừng sách báo ngày nay với những kiểu cách trình bày chăm sóc theo các lễ lối tân-kỳ, *Sáu tầng mây biếc* có thể không gọi được nhiều chú ý. Kỷ nguyên sách gối đầu giường đa lạc loài rồi, không còn có những tín đồ sách vở nâng-niu giá trị tinh-hần với cái chung-thủy thâm trầm của một thời yêu toàn vẹn. Một số đông người mua sách là vì sách được trưng bày quyển rữ, là vì bề ngoài của sách có các xảo-thuật kêu gọi được sự tò mò nào đó trong cái thế-giới tâm-hồn mang nhiều kích động của họ mà thôi. Vì vậy quyển sách mang về, nếu không được đọc và bị bỏ dở nửa chừng, thì cũng bị chóng lãng quên sau sự vô-vật ban đầu. Sách đã đi đến với người bằng cái phương-thức như thế, thì sách phải được quên đi như thế. Và đó là sự gặp gỡ đáng buồn giữa các tác phẩm và nhiều đàn bà.

Nhưng quyển *Sáu tầng mây biếc* có

vẻ như không quan tâm đến các kêu đòi thời thượng. Đây quả là một thế giới riêng-biệt, một cái cốt cách riêng biệt, và sách lặng lẽ xuất hiện, nghiêm nhiên ngồi giữa cuộc sống như một an-phận mà cũng là một thách-thức.

Quyển sách nói gì? Truyện đầu — *Sáu tầng mây biếc* — là cái quãng đời trẻ học rồi được thành danh và những mẫu chuyện gia-đình của hai sĩ-tử ngày xưa. Truyện hai — *Yến lão làng tôi* — nhắc lại nghi-lễ thành kinh, nông hậu đối với lớp người tuổi tác thời trước. Truyện ba — *Ngày đại-hội* — vẽ lại quang cảnh đóng đám trong làng tác-giả, theo cái tinh thần vang bóng một thời. *Cảnh đẹp thôn-quê*, câu chuyện chữ tu, ca ngợi nếp sống hiền hòa, thanh-mái, của chốn ruộng vườn. Và truyện cuối cùng, *Ngày Tết của ngư-ri đồng quê*, tiếp tục tinh thần của câu chuyện trước, giữa những hương vị thâm trầm của ngày đầu năm.

Trong khi cuộc sống mờ mịt chúng ta lướt tới tương lai một cách hối hả, thì sách như muốn níu kéo chúng ta quay về dĩ-vãng. Gọi rằng như muốn vì sách thật ra không có cái tình, ý ấy. Khác hẳn với các tác phẩm của ông Toàn Ánh nói về nếp sống Việt-Nam thời cổ, tác giả Phan Đào không nuôi tham vọng lớn lao là cố chuyển hướng người đọc trở

về với những cơ sở tinh thần dân tộc đã có từ ngàn đời rồi. Không, tác giả *Sâu tầng mây biếc* không có một ý đồ nào về văn học và hầu như cũng không có một ý hướng cụ thể nào về xã hội.



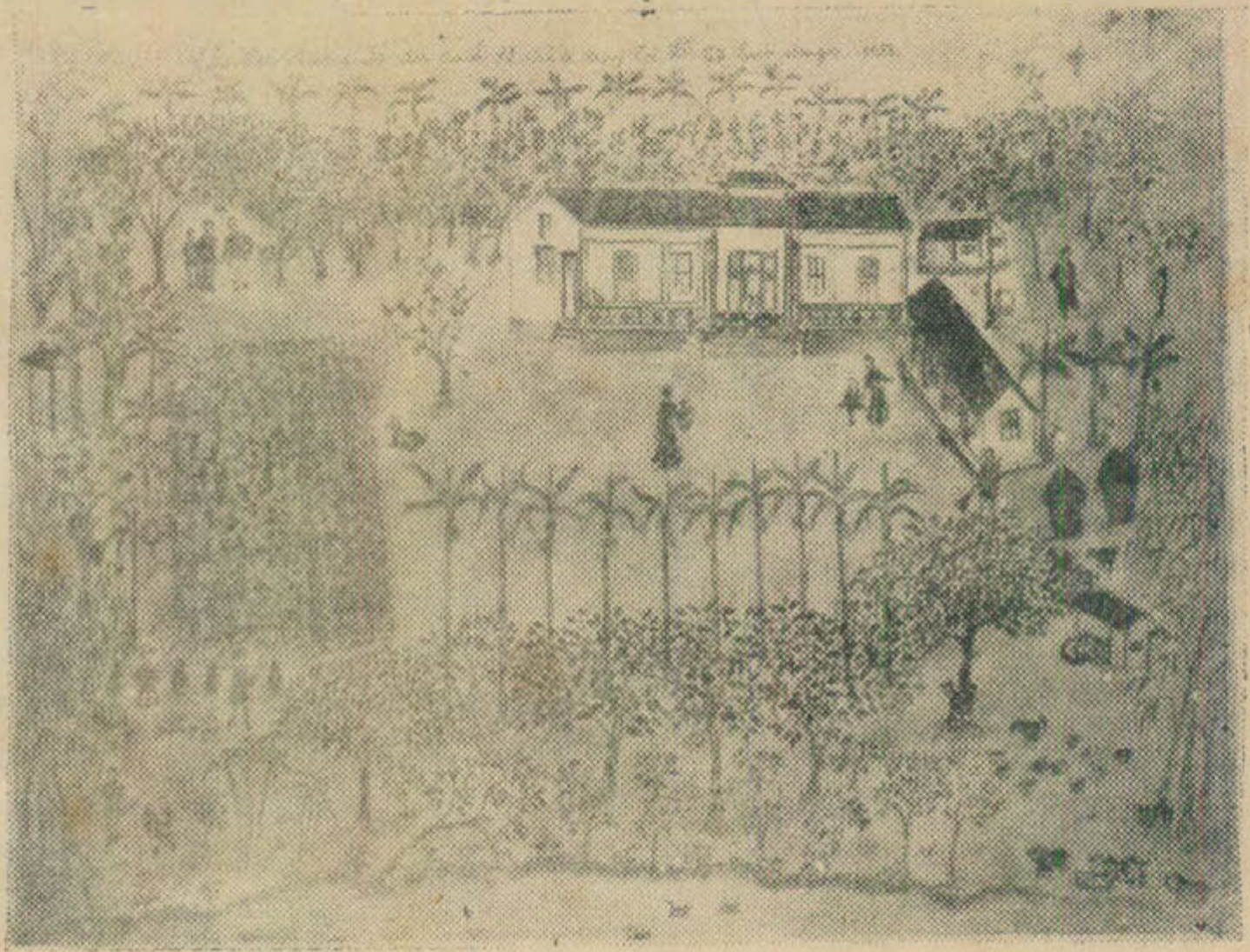
Tác giả «Sâu tầng mây biếc»

Chúng ta đều thấy ngạc-nhiên khi biết tác-giả là một bà cụ năm nay bảy mươi mốt; tuổi chưa hề ốm sách đến trường để học quốc-ngữ như bao nhiêu người cầm bút chúng ta. Tác giả cũng chưa hề đọc tiểu-thuyết, và thời niên-thiếu đến giờ cũng chẳng khi nào nuôi mộng văn-chương. Bà cụ Phan Đào đã xa miền Bắc nhiều năm sau cuộc di cư và cụ nhớ nhà, nhớ cái quê cảnh mà cụ đã sống, đã bị ràng buộc vào đó bởi cả trăm ngàn liên-hệ máu huyết cũng như tinh-thần. Càng ngày càng ý-thức về tuổi già sức yếu của mình, càng nghe những căn-bệnh của mòn mỏi gặm nhấm tâm hồn và thể xác mình, mỗi tình thương nhớ cảnh cũ người xưa lại càng thiết tha, nồng đượm hơn bao giờ hết. Khi người ta đã thương yêu, người ta muốn được nhắc đến sự vật yêu-thương. Và khi tình yêu ấy đã sâu xa đến độ thâm-nhập, đồng hóa với cuộc sống mình, người ta

muốn nó sáng tỏ thường xuyên ở ngay nơi mình và chung quanh mình, muốn nó hiện-hiện, muốn nó trường cửu giữa lòng sự-vật.

Cái tâm trạng ấy đã khiến bà cụ Phan Đào cầm lấy cây bút để viết những truyện đầu tiên trong cuộc đời mình. Bởi lẽ bà cụ không biết nương nhờ vào cái gì khác, hơn là nghệ-thuật, để mà giải tỏa lòng mình. Để mà có dịp đối thoại trực-tiếp, thường xuyên với cái sự vật mà mình thương-ghé. Văn-nghệ có thể được xem như cuộc nói chuyện thầm lặng, trên miền giữa tác-giả và chính mình, và giữa tác giả và độc-giả. Và có cái mãnh-lực nào có thể ngạo chấp thời gian để mà tồn-tại, nếu không phải là mãnh-lực văn nghệ? ! em cái tâm sự của mình gọi vào nghệ thuật là buộc nó vào cánh chim huyền hoả: có thể bay hoài không nghỉ giữa các tầng trời năm tháng.

Trước tiên bà cụ Phan Đào đã lấy giấy bút vẽ cảnh quê hương. Không hề tốt nghiệp trường mỹ-thuật nào, từ bé đến giờ chưa hề vẽ vờn và không bao giờ tự hỏi hội-họa có ý nghĩa gì, bà cụ đã ghi cần thận trên giấy, với nét bút chì đen xám, nhà cửa, vườn tược, heo gà và tất cả người thương yêu. Bức tranh không lớn, độ bốn trang giấy học-trò, nhưng gói đầy đủ kỷ-niệm tha-thiết về một quê hương, về một dĩ-vãng. Đây là người chồng đã khuất, chỉ có chiếc ghế, chén nước ở trước hiên nhà, đây là người con bicip ra câu cá, người dâu dắt cháu đón chờ bà nội, đây là người trai cắt tỉa cây vườn, đây là ao sâu cá lội nhón nhơ, đây là vườn cau, vườn chè, bụi tre, khóm dứa, cả cái khuôn viên rộng lớn mang nhiều cây cảnh, con



Bức tranh có ghi hàng chữ : *Nhớ quê hương đã xa cách 12 năm nay tôi đã 60 tuổi. Saigon 1959.*

người và những sự việc. Nét bút chân thực của cụ Phan Đào tuy không một chốc đã nên thành-thạo nhưng cũng không chịu dừng lại ở sự chấp choạng ban đầu hay sự đơn giản, tầm thường. Nhìn cái bức họa, chúng ta cảm thấy cái gì sâu xa hơn sự thán-phục, bởi nhà nghệ-sĩ tự-hóa không vay mượn cái bút pháp này hơn là những ngón tay già yếu nhưng đầy xúc động của mình, không có trường phái nào khác là lòng thương mến quê hương, và không có cái dụng tâm trêu lăm một nơi nào khác là góc nhà mình, gác nơi nằm nghỉ của mình, để cho mình xen và đỡ nhớ thương (hay càng thương nhớ nhiều hơn?) và hẳn còn đề con cháu đừng quên rằng họ còn có quê nhà, còn có một chỗ chôn nhau cắt rốn ở nơi nào

đó trên cái đất nước mến yêu bỗng thành quá đổi mệnh mông.

Nhưng các nét vẽ hạn chế khả năng phát biểu của tâm hồn mình, bà cụ Phan Đào đã rời bút chì để cầm bút mực. Chỉ có văn tự với các dấu hiệu trừu tượng của nó, mới chuyên chở được ngôn ngữ và giúp bày tỏ được hết lòng mình, bà cụ bắt đầu cầm bút viết vắn. Sáu tầng mây biếc chính là tập truyện đầu tay của cụ Phan Đào. Bà cụ viết thật chăm rãi, mỗi ngày một ít vào khi rảnh rỗi, và con cháu bà phải đánh dấu hộ trên các dòng chữ mất dấu và sửa chính tả cho bà.

Khi chúng tôi đến viếng thăm tác giả và được ông Phan Văn Tạo, người con trai lớn của Cụ, xin phép bà cụ cho

chúng tôi xem bản thảo, chúng tôi nhìn thấy con cháu của cụ đã đề nguyên vẹn lời văn của cụ, và tôn trọng cả các dấu chấm câu, dấu chấm xuống hàng, để cho công trình của cụ giữ được giá trị hồn nhiên, mộc mạc cổ-hữu. Nhìn các dòng chữ run rẩy, nhìn các nét bút gạch xóa chúng ta có thể nghĩ nhiều về sự cố gắng khác thường của người phụ nữ đã về nhà chồng từ thuở mười ba, đã phải sống trong khuôn khổ nghiêm nhặt của nền giáo dục cổ truyền, bây giờ vào lúc chiều tà xế bóng lại ngồi cặm cụi viết văn như một nữ-sĩ đã quen năm tháng trong nghề bút mực. Nhưng có lẽ cụ Phan Đào không có mặc cảm như các nữ sĩ, bởi cụ không hề có ý làm vậy. Như lời cụ bảo: «Nhớ quê nhà quá, tôi viết ra cho đỡ nhớ», cụ kể các chuyện cho chính mình nghe và nhân đây kể cho chúng ta nghe. Cụ không bao giờ có ý xuất bản nếu vào ngày mừng thọ cụ người rề không nảy cái ý tốt đẹp là đem ấn hành sáng tác của nhạc mẫu mình để có dịp dâng món tiền nhuận bút như là lễ thọ cho chính tác giả. Bây giờ cụ mới chấp nhận cho người con rề đổi cái tên sách *Khi-khái nhà-nho* ra thành *Sáu tầng mây biếc* để cho mới mẻ phần nào. Bây giờ bà cụ mới có bút hiệu cho mình, bút hiệu ghép cái họ

chồng ra trước họ mình, và đó là cách tưởng niệm lâu bền về người đã khuất nhưng thật bao giờ vẫn còn tồn tại nơi lòng tác giả, và bản tác giả ước mong sẽ cùng với mình tồn tại lâu dài nhiều hơn trên cuộc đời này, dù lúc nào đó mình phải già từ vĩnh viễn cõi trần.

Chúng ta có thể coi quyển *Sáu tầng mây biếc* như một hiện tượng lạ lùng. Tác phẩm có làm cho ta thêm phần yêu mến quê hương, dân-tộc, tác phẩm có cho ta biết về những con người đã khuất, về những phong tục đã mất, và ở mức độ nào đó tác phẩm nói lên nguồn sống tinh thần phong phú của xã-hội ta ngày xưa. Tác phẩm không đủ sức mang cho ta những nguồn cảm nghĩ dồi dào, nhưng dù từ cách cho ta thấy đặt gpha nào cái nền văn minh tinh thần sâu xa cổ hữu của dân tộc mình.

Nhưng nổi bật nhất là quyển *Sáu tầng mây biếc* còn cho ta thấy điều này: với những tình ý thiết tha sâu đậm, con người có thể làm được những việc khác thường. Và hẳn trong sự sáng tạo công trình văn-nghệ, cái tinh tự ấy phải là ám ảnh đã-tiên, trước khi nói đến thấu thập tài liệu về đời và trau dồi các kỹ thuật.

VŨ - HẠNH

THUỐC BÒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI

BỒ BỔ CƠ THỂ

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

15 năm

15 năm đây, là 15 năm kể từ ngày "người ấy" già từ vĩnh viễn cái mà một số người gọi là "Thái-bình-điên-quốc": nơi mà lúc bấy giờ 28-5-1955, có tên là « Viện Dưỡng trí Nam-phã »: đề rồi sau đó không lâu, đề ghi ơn người y-sĩ đã đề gần trọn đời thầy thuốc của mình hiến dâng cho lớp người xấu số nhất trên đời, nhà cầm quyền thời ấy đổi tên lại là « Dưỡng trí viện Bác sĩ Nguyễn-văn-Hoài ».

Mười lăm năm qua, kể từ ngày vị bác-sĩ Giám đốc Việt đầu tiên ấy về trong lòng đất, an nghỉ trong « Điên quốc thái bình » của mình, cạnh những người bệnh mà người đã tận tình an ủi, chữa trị. Thế mà ngày 28-5-1970 này, tại Dưỡng trí viện duy nhất của nước nhà, còn có lễ « 15 năm... » để tưởng nhớ đến người đó cũng là điều đáng ghi ở cái thời buổi mà tình thế đất nước rối ren, cuộc sống khó khăn, khiến người ta dễ quên những người vắng mặt, mà vắng mặt những 15 năm.

Cho nên, sáng hôm ấy, tại trại Nhi-đồng của Dưỡng trí viện, buổi lễ kỷ niệm đơn sơ, giản dị mà người dự gồm có nhân viên mới, cũ, thân nhân người quá vắng, mười người bạn và khách (ở tỉnh nhà có, ở Sài-gòn có) cùng ban giám-đốc, đã đi cửu-hành trong một bầu không khí thân mật và cảm-động nhẹ nhàng.

Diễn-giả được mời nói về bác-sĩ Hosi, là một bậc đàn em từng sống gần người, ông Lương-văn-Lựu tức nhà văn Nhứt-Lưu thời tiền chiến, đã chậm rãi, dễ dàng và dịu dàng, làm sống lại bình ảnh, đức tánh, công trình của người quá cố, nhất là trong hai trường hợp đặc biệt: Khi Việt-minh sắp đi, người Pháp sắp trở lại, và khi sông Đồng-nai dâng nước lên tận giường người bệnh. Người nghe có khi vui cười, có lúc ngùi ngùi cùng người nói.

Tiếp lời ông, bác-sĩ Nguyễn-tiến-Anh, người giám đốc hiện nay, có nhấn mạnh và nói rộng ra hai ý của bác sĩ Nguyễn-văn-Hoài trong luận án bác-sĩ của người, mà ông Lựu có nhắc đến: nhà thương — tàu thủy (hôpital — bateau) và nhà thương — vườn tược (hôpital — jardin), là hai cái « nhĩa xa » của người bác-sĩ Việt, mà nay, giới y-sĩ tâm trí quốc-tế đang thực hiện.

Sau đó, là cuộc viết mộ, đặt hoa, đốt nhang lên đèn và nghiêng mình. Một buổi ăn thân mật với những giai thoại về cố bác sĩ Hosi chấm dứt buổi kỷ-niệm 15 năm này.

Người viết bài tường thuật này, vừa là bạn học của con người, vừa là người nhiều duyên nợ với dưỡng trí viện này, có bài thơ ngắn sau đây, nhân dịp dịp lễ này.

15 năm bác-sĩ N. V. Hoài

15 năm. Cây cao bóng cả tuy không còn

15 năm : Thương nhớ có hao mòn

15 năm mà bề dẫu đã mấy lớp

15 năm nhưng chưa nhạt một tình son...

Ngành xuất bản báo nguy !

Như chúng tôi đã báo tin trong số trước, 5 giờ chiều ngày chủ nhật 31 tháng 5, có cuộc hội họp thân mật giữa một số nhà xuất bản Đô thành và một số nhà văn nhà báo để thảo luận về những nỗi khó khăn trong nghề lúc này. Cuộc hội họp do thầy Từ-Mẫn, đại diện nhà Lá Bối, tổ chức tại nhà... xuất bản An-Tiêm. (Nhà Lá Bối vì ảnh hưởng thời-cuộc đã gặp cơn không nhà, phải tạm dọn về một chòi nhỏ ở xa Sài Gòn.)

Từ nhà Thời-Mới vắng mặt vì người chủ trương bữa đó không ở Saigon còn tất cả các nhà xuất bản được mời đều có mặt. Ngoài Lá Bối và An-Tiêm thầy Thanh-Tuệ), có Phù sa (Sơn-Nam), Ca dao (Hoài Khanh), Thái độ (Thế-Uyen), Kê sĩ (Tô-Truyền-Yên), Sáng tạo (Đãn Quốc Sĩ), Huyền - Trân (Nhật-tiến), Tân Văn (Trần-Phong-Giao) rồi Trình bày (Thế-Nguyên) và Hoàng Hạc (Nguyễn-Hữu-Hiệu). Nhà báo, nhà văn nhà thơ bữa đó gồm có : Kiên-Giang (cũng là kí giả Tia-sáng và Tin-sáng), Lê-Ngộ Châu (Bách-Khoa), Đặng-trần-Huân (nhà văn quân đội, trông nom Chiến-sĩ Cộng-hòa), Nguyễn-thị-Thụy-Vũ (nhà văn phụ-nữ, hiện viết truyện dài trên báo hàng ngày), Vũ-Hạnh (nhà văn vừa được tự-do), Nguyễn-Ngu-Í (nhà văn đang lang bang), Bùi-Kim-Địch (nhà văn công chức). Cũng nên ghi trường-hợp đặc biệt của Trần-Phong-Giao và Thế-Nguyên : vừa là nhà

văn, vừa nhà xuất bản, vừa làm báo (kể Văn, người Đất Nước).

Người triệu tập cuộc gặp gỡ ngỡ ý cảm ơn anh chị em đã vui vẻ và sốt sắng đáp lời mời của mình mà đến đông đủ và tỏ ý tiếc vì thời gian và địa điểm không cho mình mời thêm một số nhà xuất bản khác nữa. Rồi lấy trường hợp mình làm ví dụ, thầy Từ Mẫn kể lại quá trình hoạt động của nhà Lá Bối, đã khởi sự với giá vốn 31.000đ, tiền mượn của một Phật tử. Cơ sở vững trong những năm 1965-67. Lúc ấy in một lần 4 cuốn : sách ra. Huế mua trả tiền liền 500 cuốn. Sau biến cố Mậu-thân, Huế tiêu thụ còn 300, sau đó một năm, sụt xuống 100, và sang năm Tuất này, chỉ còn có 30 ! Mà Huế là thành phố « chịu » đợt sách « Lá-bối » nhất. Trước sau lần lấy đầu 500,300, thì còn lần nhì 100,50 ; nay thì lấy 30 rồi ngưng lại đó. Sách tiêu thụ xuống một cách đáng sợ như thế, thì tiền giấy và công nhà in lại tăng lên một cách cũng đáng sợ : giấy từ 350đ, lên 450đ, rồi 85 đ và có tin đang lên trên 1.000đ một ram. Trước, in một lần 4 cuốn như đã nói, nay thì chỉ in 1 cuốn, mà sách bán trong 3 tháng, tiền lời chỉ đủ để mua một ram giấy. Và hiện Lá Bối còn kẹt tác quyền tất cả là 5.06.000đ. cũng may mà các nhà văn « chủ nợ » ấy thông cảm với hoàn cảnh đặc biệt của nhà xuất-bản mà chẳng phiền hà gì. Chắc là sau cuốn đang in dở, Lá Bối sẽ giữ hơi thở bằng cách in tác phẩm mỏng, độ 32 tra n

như « Áo em cài hoa tím » của Võ Hồng, cho ít tiền và dễ bán.

Đến nhà Sáng tạo tâm tình. In xong tập thơ cho Thơ-Viên, đến in thơ Tuệ-Mai, Doãn-Quốc-Sĩ cũng dự định in những truyện cỡ 32 trang, bán một lần, rồi khâu lại đóng thành tập dày, bán một lần nữa. Cũng như thể « nhà trò giữ nhịp » vậy thôi, chẳng lẽ im luôn.

Khó khăn chung, có thể tóm tắt: giấy tăng, và còn tăng, công in tăng, giá sách phải tăng theo; số độc giả sụt đều, vì giá sinh hoạt lên cao, đọc sách gần như điều xa xỉ. Sách bán trên 200đ, là thấy khó tiêu thụ.

Cùng tìm nguyên nhân sách tiêu thụ ít.

Thế-Uyên nhận định: ba giới trước đây tiêu thụ sách mạnh là sinh viên học sinh, công chức và quân nhân. Nay ba giới này tiền dư chẳng khác xưa, mua sách đọc không thiết yếu bằng mua gạo, sữa... Còn đôi giới lúc này dư giả tiền bạc vì làm ra nhiều tiền, thì lại tìm những thú vui khác hơn là thú đọc sách.

Rồi cùng xét về giá sinh hoạt tăng và giá sách tăng. Thì giá sách tăng ít hơn giá sinh hoạt nhiều, nhưng thí dụ gạo có tăng từ 500đ lên 1.000 (100%) thì người ta vẫn phải mua, còn sách từ 200đ tăng lên 250đ (25%), thì số bán sụt trông thấy.

Nhân bàn về giá cao, độc giả «ngán», Doãn-Quốc-Sĩ có đưa ra đề-nghị, ghi giá bán nhất định, như sách ngoại quốc, như sách ta thời tiền-chiến, thì giá bán sẽ thấp, dễ tiêu-thụ hơn, mà có lợi cho người mua. Tỉ như sách giá vốn 20đ, thường nhà xuất bản chuyên nghiệp như cho 5, để giá 100đ. Độc giả nghĩ rồi thấy bớt được 30đ,

chỉ trả có 70đ, tưởng lời, nhưng nếu ta để giá nhứt định 6đ (tức như gấp 3, thay vì 5), thì người mua tuy không được bớt đồng nào, vẫn lời 10đ. Nhưng cái thói quen đòi bớt của độc giả — một thói quen xấu đã thành nếp — khó mà bài trừ, trừ phi tất cả nhà xuất bản đều đồng ý để giá nhất định, như sách Nhà nước bắt buộc bán y giá.

Một khó khăn nữa, là nhà phát hành Họ ở giữa «bóc lột» cả nhà xuất bản lẫn người đọc. Trước, mua cho nhà xuất bản, trả tiền ngay huê-hồng là 50%. nay thì mua hết trừ 60%, thế mà có nhà xuất bản lại chịu bán cho họ, trừ đến 70%!

Và ai cũng mong xuất hiện một nhà tổng-phát-hành biết điều, và có lương tâm!

Có bạn cho biết đến tháng 9, thì số giấy ta hiện có trong nước sẽ hết, chừng ấy không còn sách nữa, mà chỉ còn có báo. Và tờ báo lúc ấy, giá có lẽ tăng đến 20đ.

Có bạn cho biết tin người ta sẽ đánh thuế nhà xuất bản. Lại thêm một đe dọa nặng nề cho nghề tự do này.

Đến đây, một bạn hỏi anh Trần-Phong-Giao về «kinh nghiệm» loại sách có định kì, giá rẻ của anh, tức nguyệt-san Tân-Văn giá 40đ. Họ Trần cho biết nhờ giấy của báo Tân-Văn, nhờ nhà in nhà, nhờ tính toán khôn ngoan mà loại sách đặc biệt giá phổ thông này mới ra chưa lỗi, nhưng anh Chủ-nhiệm vừa báo động là đang ở trên cái đà lỗi, tếu không tăng giá; do đó mà số tới, sẽ tăng lên 50đ mà không báo trước được!

Thế-Nguyên phủ nhận những cái «cớ» anh em đưa ra. Anh cho rằng không phải vì giá sách tăng mà bán không được. Vì anh đưa bằng chứng là có vài nhà xuất bản hiện vẫn in đến 8.000 cuốn.

Anh lại phân biệt cái ngành xuất bản «của chúng ta ngồi đây» đang lâm nguy song có ngành xuất bản, tạm gọi là ba tàu, vẫn sống phây phây: đó là loại kiểm hiệp, loại sách 20đ nói về ma về quỷ, về gái giang hồ, về tình này tình nọ, bán ở vỉa hè, ở bến xe. Anh rêu ra 3 địa-hạt sách còn «ăn khách»:

1. — viết cho lính.
2. — viết khiêu dâm
3. — viết tranh đấu.

Anh lại cho là độc giả đã «chán» chúng ta, nên bỏ chúng ta (nhưng bỏ ngay cái rụp như thế, thì cũng lạ!). Sách không làm được nhiệm vụ của báo trong khi báo làm được nhiệm vụ của sách được (tiểu thuyết biên khảo in ở báo, không bị kiểm duyệt, trong khi in thành sách thì bị cắt xén). Vậy, cái khó khăn đáng kể của xuất bản là kiểm duyệt. Báo có tự do, mà

sách thì chưa Anh lại cho là từ 4, 5 năm nay, khi nhà xuất bản lo «obf» cái bìa để đập vào mắt người mua, thì ngành xuất bản kể như đã bắt đầu xuống dốc.

Và tạm kết-luận, không có thỉnh nguyện, yêu cầu gì với Chánh-quyền cả— vì họ vẫn xem thường sức mạnh và ích lợi của Văn-hóa—mà chỉ nêu lên những nỗi khó khăn để có thể có tiếng vang đến tai bạn đọc, những khó khăn về:

1. — Kiểm duyệt
 2. — Chính quyền coi rẻ ngành xuất bản (giấy in sách cũng coi như giấy gói trà...)
 3. — Ba tàu nắm «giấy» trong tay
 4. — Phát hành «bóc lột»
 5. — Chi phí ấn loát tăng nhiều
 6. — Số độc giả đứng đắn sụt mạnh.
- (lỗi về ai?)

NGE-BÁ-LÍ

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Xung quanh một cuốn phim.

Trong số *Bách-Khoa* vừa qua, chúng tôi đã nói về cuốn phim *L'Aveu*. Một tuần lễ sau khi ra mắt, phim này vượt khỏi lãnh vực nghệ thuật, mà hóa thành một biến cố chính trị. Đây là lần đầu tiên, một hiện-tượng như thế đã xảy ra trong nền điện-ảnh Pháp.

Thực vậy, một ngày thứ tư đầu tháng 5, trong mục diễn-đàn chính-trị vào lúc 8 giờ sáng, đài Europe N° 1 đã không đề cập đến vụ quân đội Việt Mỹ tấn công vào Cam-bốt, hay đến vụ Do-tnái tấn công Liban... như mọi người mong đợi, mà lại nêu lên vấn đề.. phim *L'Aveu*

Người ta phân vân tự hỏi: Những điều mà A. London đã viết trong sách, mà Costa Gavras đã đưa lên màn ảnh phải chăng là một chuyện bất thường, hay là có liên quan tất yếu với cơ cấu xã hội cộng sản? Một lầm lỗi của thời đã qua đó chăng? Một đặc điểm dính liền với chế-độ xô-viết mọi thời mọi nơi đó chăng?

Quần chúng xôn xao. Từ 29-4 đến 5-5, có 81.140 người Pháp nối đuôi nhau mua vé xem phim *L'Aveu*. Người ta ước lượng con số khán-giả, rồi cuộc sẽ lên đến hai triệu: một con số kỷ lục,

Đảng Cộng sản Pháp không thể không lên tiếng. Và đảng đã lên tiếng, một

cách lúng túng. Từ *L'Humanité* số ra ngày 29-4-1970 kể tội: «*Từ một cuốn sách tự xưng là có tính chất cộng sản, ông Costa Gavras đã làm ra một cuốn phim chống Cộng sản*»; trong khi ấy tờ *Les Lettres françaises* xuất bản trong tuần lễ ấy lại khen ngợi một cách thẳng thắn.

Triết-gia Roger Garaudy lặng lẽ theo dõi và suy nghĩ về sự phân-hóa trong đảng Cộng-sản Pháp, từ sau cuộc loại trừ ông ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo.

Thằng Ngốc quốc tế

Rudi Dutschke là một trong những lãnh-tụ của phong trào sinh viên nổi loạn. Lãnh-tụ có một lời dịnh ngôn: «*Tất cả chúng ta đều là những thằng ngốc được chuyên môn hóa*».

Lời ấy không thể để cho mai một với thời gian. Một nhóm thanh niên tả phái đã cho xuất bản một tờ nguyệt-san dựa theo lời của lãnh-tụ để đặt tên

báo: *Thằng Ngốc quốc-tế* (*L'Idiot international*).

«*Thằng Ngốc*» ấy do Jean - Edern Hallier điều khiển. Jean Edern Hallier là tiểu thuyết gia đã từng làm Giám-đốc nhà xuất bản Le Seuil, trông nom loại sách 10/18, và sáng lập tạp-chí *Tel Quel*.

«*Thằng Ngốc*» đang có một đồng nghiệp và đồng chí về văn: Đó là tờ *Chính nghĩa nhân dân* (*La cause du peuple*), được đặt dưới quyền điều khiển của Jean Paul Sartre kể từ số 20.

Mười chín số báo «*Chính nghĩa*»... trước đây đã đưa hai vị điều khiển rồi gót nhau vào tù. Nhưng đối với Jean Paul Sartre. đợi đến tuổi này ông mới vào tù vì nhân dân có muội đó chăng?

Dù muội, chuyện ấy dường như cũng khó xảy ra.

TRÀNG-THIÊN

THỜI SỰ KHOA HỌC

Viên đá quý

Gần 100kg đất đá do phi thuyền Apollo 11 và Apollo 12 đem về chưa đủ làm hài lòng các nhà bác học. Nếu phi thuyền Apollo 13 không bị thất bại thì mấy vị lại được thêm chừng 40 đến 50 ký đất nữa để tha hồ mà nghiên cứu. Số đất mà Apollo 13 dự định thu thập lần này là ở vùng Fra Mauro, một vùng đất cao trên Nguyệt-cầu. Các nhà bác học hy vọng là ở đó sẽ có thể tìm thấy những mẫu đất xa xưa hơn, giúp họ những dữ-kiện trung-thực để ngược dòng thời-gian trở lại ngày

phá sinh của toàn thể thái-dương-hệ.

Nhưng Apollo 13 là một thất bại, ít ra là một thất bại, vì nó đã không thể hoàn thành một sứ mạng nào mà người ta đã giao phó cho nó. Trong lúc đó thì một điều bất ngờ đầy hứng thú lại được tìm thấy ở trong đồng đất đá cũ.

Một viên đá nhỏ, hình trái chanh lẫn lộn trong số 40kg đất đá do Apollo 12 mang về, được các nhà Địa chất học ở Viện kỹ-thuật California xác định là đã có từ 4, 6 tỉ năm trước, đúng

thời với niên kỷ phóng-định ngày thành hình của thái-dương-hệ.

Viên đá có bí số là 12013, có nghĩa là viên đá thứ 13 được lấy từ trong túi chứa vật liệu của Apollo 12. Viên đá 12013 có một sự phóng xạ rất cao và ngay trong cuộc khảo sát sơ-khởi nó đã được xếp vào loại đặc biệt vì một thành-pần cấu tạo gồm Uranium, thorium và potanium cao gấp 20 lần những viên đất đá khác. Tháng qua, một mảnh nhỏ của 12013 được lấy ra và chia thành 11 mảnh nhỏ hơn, gởi cho 11 nhà bác học có thẩm quyền nhất ở Hoa-kỳ và Anh-quốc. Tại Viện kỹ thuật California, nhà địa chất học G.J. Wasserburg đã đo tỉ-lệ giữa 2 chất phóng xạ Rubidium-87 và Strontium 87 để xác định tuổi của viên đá. Chất phóng xạ Rubidium sau một thời gian nhất định sẽ thoái biến thành chất Strontium và do đó tỉ-lệ giữa 2 chất này có thể cho biết tuổi của viên đá.

Liệu các nhà bác học có đủ khả năng để viết lại lịch-sử của toàn thể thái-dương-hệ qua lời thuật của một viên đá chẳng?

Bài ca của con cá voi

Một bản nhạc nhan-đề « And God Created Great Whales », mượn dư-âm của cuốn phim một thời vang bóng của Brigitte Bardot, « Et dieu crée la femme »

đã được phổ biến trong giới yêu nhạc tuần vừa qua.

Bản nhạc đã được soạn theo băng ghi âm của Roger Payne, một nhà động vật-học Hoa-kỳ chuyên khảo sát về cách-thức liên- lạc giữa các loài sống dưới nước. Payne đã ghi lại được một bài hát trữ tình của loài cá voi to lớn. Bài hát kéo dài tới gần nửa tiếng đồng hồ, gồm những lúc bằng siêu âm, ngoại-âm và cả những lúc bằng thanh âm nghe thấy bằng thính giác thường được. Payne ví đó như một khúc hát của loài chim nhưng trầm hơn và dài hơn. Ở một độ cao nào đó của biển, những « bài hát » này có thể truyền xa hàng ngàn dặm mà cường-độ không bị giảm sút nhiều. Theo các nhà động-vật-học thì đó chỉ là cách để loài Cá Voi liên lạc với nhau khi cần thiết.

Tưởng cũng nên biết Cá Voi là một loài động-vật máu nóng, thở khí trời và cho con bú. Nó không có bộ phận phát âm và hiện nay người ta vẫn chưa hiểu rõ làm thế nào nó phát ra những thanh-âm du dương như thế?

TỬ-DIỆP

Thư ký Tòa soạn : TÔN-THẮT-HÀM
 Quản lý : NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
 NGUYỄN-HUY-NHÂN

ĐÍNH CHÍNH

— B. K. số 320, ngày 1-5-1970, bài «Nghĩ về một số hiện tượng...» của Vũ-Hạnh, trang 43, cột 2, dòng 19, *Cosette* xin sửa lại *Fantine*,

— B. K. số 320, ngày 1-6-1970, bài cây đăng của nhà xuất bản *Ki-Gob-Jó-Ci*, in sai địa chỉ người tổng phát hành « *Thơ điên* » (... thứ thiệt) :

Ô. Minh-Hiền Nguyễn-Vệ-Hùng, 116/1/10 B, Lí-Thái-Tồ, Sài-gòn (thay vì 116/1/0A, như đã đăng sai.